Alameda Alliance Wellness, HMO D-SNP

2026 *Danh sách thuốc được bảo hiểm* (*Danh sách thuốc* hoặc Công thức)

VUI LÒNG ĐỌC: TÀI LIỆU NÀY CHỨA THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI THUỐC CHÚNG TÔI BẢO HIỂM TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÀY

ID công thức: 00026313, Số phiên bản: 8

Để có danh sách đầy đủ các loại thuốc hoặc các câu hỏi khác, hãy liên hệ với chúng tôi theo số **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**), bảy (7) ngày một tuần, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối hoặc truy cập **www.alamedaalliance.org/alliancewellness**.

Danh sách thuốc này đã được cập nhật vào ngày 2/18/2026.

Để có thông tin mới hơn hoặc các câu hỏi khác, hãy liên hệ với chúng tôi theo số **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**), bảy (7) ngày một tuần, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối hoặc truy cập **www.alamedaalliance.org/alliancewellness**.

Giới thiệu

Tài liệu này được gọi là *Danh sách thuốc được bảo hiểm* (còn được gọi là *Danh sách thuốc*). Chúng cho Quý vị biết các loại thuốc và mặt hàng được bao phủ bởi Alameda Alliance Wellness. *Danh sách thuốc* cũng cho Quý vị biết liệu có bất kỳ quy tắc hoặc hạn chế đặc biệt nào đối với bất kỳ loại thuốc nào được Alameda Alliance Wellness chi trả hay không. Các thuật ngữ chính và định nghĩa của chúng xuất hiện trong chương cuối cùng của *Sổ tay thành viên*.

Mục lục

A. Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm 4

B. Những câu hỏi thường gặp (FAQ) 14

B1. Những loại thuốc theo toa nào có trong *Danh sách thuốc được bảo hiểm*? (Chúng tôi gọi là *Danh sách thuốc được bảo hiểm* và gọi tắt là "*Danh sách thuốc*".) 14

B2. *Danh sách thuốc* có bao giờ thay đổi không? 14

B3. Điều gì xảy ra khi có sự thay đổi trong *Danh sách thuốc*? 15

B4. Có bất kỳ hạn chế hay giới hạn nào về phạm vi bảo hiểm thuốc hoặc bất kỳ hành động bắt buộc nào cần thực hiện để có được một số loại thuốc nhất định không? 17

B5. Làm sao tôi biết được loại thuốc tôi muốn có giới hạn hay có cần phải thực hiện những hành động nào để có được loại thuốc đó không? 17

B6. Điều gì sẽ xảy ra nếu Alameda Alliance Wellness thay đổi các quy định về cách họ chi trả cho một số loại thuốc (ví dụ: phê duyệt trước, giới hạn số lượng và/hoặc hạn chế liệu pháp từng bước)? 17

B7. Làm thế nào tôi có thể tìm thấy một loại thuốc trong *Danh sách thuốc*? 18

B8. Nếu loại thuốc tôi muốn dùng không có trong *Danh sách thuốc thì sao?*? 18

B9. Nếu tôi là thành viên mới của Alameda Alliance Wellness và không tìm thấy thuốc của mình trong *Danh sách thuốc thì sao?* hoặc gặp vấn đề khi nhận thuốc? 18

B10. Tôi có thể yêu cầu ngoại lệ để chi trả cho thuốc của mình không? 19

B11. Tôi có thể yêu cầu ngoại lệ bằng cách nào? 19

B12. Phải mất bao lâu để nhận được ngoại lệ? 19

B13. Thuốc gốc là gì? 20

B14. Sản phẩm sinh học gốc là gì và chúng liên quan như thế nào đến sản phẩm sinh học tương tự? 20

B15. Thuốc OTC là gì? 21

B16. Alameda Alliance Wellness có bảo hiểm các sản phẩm OTC không phải thuốc không? 21

B17. Alameda Alliance Wellness có chi trả cho việc cung cấp thuốc theo toa dài hạn không? 21

B18. Tôi có thể nhận thuốc theo toa giao tận nhà từ hiệu thuốc địa phương không? 21

B19. Đồng thanh toán của tôi là bao nhiêu? 22

C. Tổng quan về *Danh sách thuốc được bảo hiểm* 23

C1. Danh sách thuốc theo loại thuốc 24

D.Chỉ mục thuốc được bảo hiểm 143

A.Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Đây là danh sách các loại thuốc mà thành viên có thể nhận được tại Alameda Alliance Wellness.

Alameda Alliance Wellness là chương trình HMO D-SNP có hợp đồng với Medicare và hợp đồng với Chương trình Medi-Cal (Medicaid) của Tiểu bang California. Việc đăng ký Alameda Alliance Wellness phụ thuộc vào việc gia hạn hợp đồng.

- Quý vị luôn có thể kiểm tra danh sách thuốc được bảo hiểm của Alameda Alliance Wellness tại *Danh sách Thuốc Được Bảo Hiểm* trực tuyến tại **www.alamedaalliance.org/alliancewellness** hoặc bằng cách gọi **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**). Cuộc gọi này miễn phí.
- Quý vị có thể tải tài liệu này miễn phí ở các định dạng khác, chẳng hạn như chữ in lớn, chữ nổi hoặc âm thanh. Gọi **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**) *hoặc* tại các số được liệt kê ở cuối trang này *hoặc* tại các số ở chân trang của tài liệu này. Cuộc gọi miễn phí.
- *Tài liệu này có sẵn miễn phí bằng tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung, tiếng Việt, tiếng Ba Tư và tiếng Tagalog.*

*ATTENTION: If you need help in your language, call **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**). Aids and services for people with disabilities, like documents in braille and large print, are also available. Call **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**). These services are free of charge.*

(Arabic) العربية

يُرجى الانتباه: إذا احتجت إلى المساعدة بلغتك، فاتصل بـ **1.888.882.3767**

. تتوفر أيضًا المساعدات والخدمات للأشخاص (TTY: **1.800.735.2929**)
ذوي الإعاقة، مثل المستندات المكتوبة

بطريقة بريل والخط الكبير. اتصل بـ **1.877.888.882.3767**

. هذه الخدمات مجانية.(TTY: **1.800.735.2929**)

Հայերեն (Armenian)

ՈՒՇԱԴՐՈՒԹՅՈՒՆ: Եթե Ձեզ օգնություն է հարկավոր Ձեր լեզվով, զանգահարեք **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**): Կան նաև օժանդակ միջոցներ ու ծառայություններ հաշմանդամություն ունեցող անձանց համար, օրինակ՝ Բրայլի գրատիպով ու խոշորատառ տպագրված նյութեր: Զանգահարեք **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**): Այդ ծառայություններն անվճար են:

ខ្មែរ (Cambodian)

ចំណាំ៖ បើអ្នក ត្រូវ ការជំនួយ ជាភាសា របស់អ្នក សូម ទូរស័ព្ទទៅលេខ **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**)។ ជំនួយ និង សេវាកម្ម សម្រាប់ ជនពិការ ដូចជាឯកសារសរសេរជាអក្សរធ្ងន់ សម្រាប់ជនពិការភ្នែក ឬឯកសារសរសេរជាអក្សរពុម្ពធំ ក៏អាចរកបានផងដែរ។ ទូរស័ព្ទមកលេខ **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**)។ សេវាកម្មទាំងនេះមិនគិតថ្លៃឡើយ។

中文 (Chinese – Simplified)

请注意：如果您需要以您的母语提供帮助，请致电 **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**)。另外还提供针对残疾人士的帮助和服务，例如盲文和需要较大字体阅读，也是方便取用的。请致电 **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**)。这些服务都是免费的。

繁體中文 (Chinese Traditional)

请注意：如果您需要以您的母语提供的帮助，請撥打 **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**)。我們可為殘障人士提供相應的輔助設施和服務，如盲文和大字印刷體格式的文件。請撥打**1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**)。此類服務均免費提供。

فارسی (Farsi)

1.888.882.3767خواهید به زبان خود کمک دریافت کنید، با توجه: اگر می تماس بگیرید.(TTY: **1.800.735.2929**)

کمک‌ها و خدمات مخصوص افراد دارای معلولیت، مانند نسخه‌های خط بریل و چاپ با حروف بزرگ، نیز موجود است.

تماس بگیرید. این خدمات (TTY: **1.800.735.2929**) **1.888.882.3767** رایگان ارائه می‌شوند.

हिंदी (Hindi)

ध्यान दें: अगर आपको अपनी भाषा में सहायता की आवश्यकता है तो **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**) पर कॉल करें। अशक्तता वाले लोगों के लिए सहायता और सेवाएं, जैसे ब्रेल और बड़े प्रिंट में भी दस्तावेज़ उपलब्ध हैं। **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**) पर कॉल करें। ये सेवाएं नि: शुल्क हैं।

Hmoob (Hmong)

CEEB TOOM: Yog koj xav tau kev pab txhais koj hom lus hu rau **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). Muaj cov kev pab txhawb thiab kev pab cuam rau cov neeg xiam oob qhab, xws li puav leej muaj ua cov ntawv su thiab luam tawm ua tus ntawv loj. Hu rau **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). Cov kev pab cuam no yog pab dawb xwb.

日本語 (Japanese)

注意日本語での対応が必要な場合は **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**)へお電話ください。点字の資料や文字の拡大表示など、障がいをお持ちの方のためのサービスも用意しています。 **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**)へお電話ください。これらのサービスは無料で提供しています。

한국어 (**Korean)**

유의사항: 귀하의 언어로 도움을 받고 싶으시면 **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**) 번으로 문의하십시오. 점자나 큰 활자로 된 문서와 같이 장애가 있는 분들을 위한 도움과 서비스도 이용 가능합니다. **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**) 번으로 문의하십시오. 이러한 서비스는 무료로 제공됩니다.

ພາສາລາວ **(Laotian)**

ປະກາດ: ຖ້າທ່ານຕ້ອງການຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອໃນພາສາຂອງທ່ານໃຫ້ໂທຫາເບີ **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). ຍັງມີຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອແລະການບໍລິການສໍາລັບຄົນພິການ ເຊັ່ນເອກະສານທີ່ເປັນອັກສອນນູນແລະມີໂຕພິມໃຫຍ່ ໃຫ້ໂທຫາເບີ **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). ການບໍລິການເຫຼົ່ານີ້ບໍ່ຕ້ອງເສຍຄ່າໃຊ້ຈ່າຍໃດໆ.

Mien

LONGC HNYOUV JANGX LONGX OC: Beiv taux meih qiemx longc mienh tengx faan benx meih nyei waac nor douc waac daaih lorx taux **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). Liouh lorx jauv-louc tengx aengx caux nzie gong bun taux ninh mbuo wuaaic fangx mienh, beiv taux longc benx nzangc-pokc bun hluo mbiutc aengx caux aamz mborqv benx domh sou se mbenc nzoih bun longc. Douc waac daaih lorx **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). Naaiv deix nzie weih gong-bou jauv-louc se benx wang-henh tengx mv zuqc cuotv nyaanh oc.

ਪੰਜਾਬੀ (Punjabi)

ਧਿਆਨ ਦਿਓ: ਜੇ ਤੁਹਾਨੂੰ ਆਪਣੀ ਭਾਸ਼ਾ ਵਿੱਚ ਮਦਦ ਦੀ ਲੋੜ ਹੈ ਤਾਂ ਕਾਲ ਕਰੋ **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). ਅਪਾਹਜ ਲੋਕਾਂ ਲਈ ਸਹਾਇਤਾ ਅਤੇ ਸੇਵਾਵਾਂ, ਜਿਵੇਂ ਕਿ ਬ੍ਰੇਲ ਅਤੇ ਮੋਟੀ ਛਪਾਈ ਵਿੱਚ ਦਸਤਾਵੇਜ਼, ਵੀ ਉਪਲਬਧ ਹਨ| ਕਾਲ ਕਰੋ **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). ਇਹ ਸੇਵਾਵਾਂ ਮੁਫਤ ਹਨ|

Русский (Russian)

ВНИМАНИЕ! Если вам нужна помощь на вашем родном языке, звоните по номеру **1.888.882.3767** (линия TTY: **1.800.735.2929**). Также предоставляются средства и услуги для людей с ограниченными возможностями, например документы крупным шрифтом или шрифтом Брайля. Звоните по номеру **1.888.882.3767** (линия TTY:**1.800.735.2929**). Такие услуги предоставляются бесплатно.

Español (Spanish)

ATENCIÓN: si necesita ayuda en su idioma, llame al **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). También ofrecemos asistencia y servicios para personas con discapacidades, como documentos en braille y con letras grandes. Llame al **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). Estos servicios son gratuitos.

Tagalog (Filipino)

ATENSIYON: Kung kailangan mo ng tulong sa iyong wika, tumawag sa **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). Mayroon ding mga tulong at serbisyo para sa mga taong may kapansanan, tulad ng mga dokumento sa braille at malaking print. Tumawag sa **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). Libre ang mga serbisyong ito.

ภาษาไทย (Thai)

โปรดทราบ: หากคุณต้องการความช่วยเหลือเป็นภาษาของคุณ กรุณาโทรศัพท์ไปที่หมายเลข **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**) นอกจากนี้ ยังพร้อมให้ความช่วยเหลือและบริการต่าง ๆ สำหรับบุคคลที่มีความพิการ เช่น เอกสารต่าง ๆ ที่เป็นอักษรเบรลล์และเอกสารที่พิมพ์ด้วยตัวอักษรขนาดใหญ่ กรุณาโทรศัพท์ไปที่หมายเลข **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**) ไม่มีค่าใช้จ่ายสำหรับบริการเหล่านี้

Українська (Ukrainian)

УВАГА! Якщо вам потрібна допомога вашою рідною мовою, телефонуйте на номер **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). Люди з обмеженими можливостями також можуть скористатися допоміжними засобами та послугами, наприклад, отримати документи, надруковані шрифтом Брайля та великим шрифтом. Телефонуйте на номер **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). Ці послуги безкоштовні.

Tiếng Việt (Vietnamese)

CHÚ Ý: Nếu quý vị cần trợ giúp bằng ngôn ngữ của mình, vui lòng gọi số **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). Chúng tôi cũng hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ dành cho người khuyết tật, như tài liệu bằng chữ nổi Braille và chữ khổ lớn (chữ hoa). Vui lòng gọi số **1.888.882.3767** (TTY: **1.800.735.2929**). Các dịch vụ này đều miễn phí.

- Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi luôn gửi cho Quý vị thông tin theo ngôn ngữ hoặc định dạng Quý vị cần. Đây được gọi là yêu cầu thường trực. Để nhận tài liệu này bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh hoặc ở định dạng thay thế hiện tại và trong tương lai, vui lòng gọi đến Dịch vụ Thành viên Alameda Alliance Wellness theo số **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**). Người dùng TTY có thể gọi **1.800.735.2929**. Chúng tôi làm việc bảy (7) ngày trong tuần, từ 8 giờ sáng – 8 giờ tối. Ban Dịch Vụ Hội Viên sẽ lưu ngôn ngữ và định dạng ưa thích của quý vị trong hồ sơ để liên lạc trong tương lai. Để cập nhật bất kỳ thông tin nào về sở thích của Quý vị, vui lòng liên hệ với Dịch vụ thành viên Alameda Alliance Wellness.

B. Những câu hỏi thường gặp (FAQ)

Tìm câu trả lời ở đây cho những câu hỏi của Quý vị về *Danh sách thuốc được bảo hiểm (Danh sách thuốc)*. Quý vị có thể đọc toàn bộ Câu hỏi thường gặp để tìm hiểu thêm hoặc tìm câu hỏi và câu trả lời.

B1. Những loại thuốc theo toa nào có trong *Danh sách thuốc được bảo hiểm*? (Chúng tôi gọi là *Danh sách thuốc được bảo hiểm* và gọi tắt là "*Danh sách thuốc*".)

Các loại thuốc trong *Danh sách thuốc* bắt đầu ở **Phần C1** là những loại thuốc được Alameda Alliance Wellness chi trả. Thuốc có bán tại các hiệu thuốc trong mạng lưới của chúng tôi. Một hiệu thuốc nằm trong mạng lưới của chúng tôi nếu chúng tôi có thỏa thuận hợp tác với họ và cung cấp dịch vụ cho Quý vị. Chúng tôi gọi những nhà thuốc này là "nhà thuốc mạng lưới".

Các loại thuốc khác, chẳng hạn như một số loại thuốc không kê đơn (OTC) và một số loại vitamin, có thể được Medi-Cal Rx chi trả. Vui lòng truy cập trang web Medi-Cal Rx (www.medi-calrx.dhcs.ca.gov) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi đến Trung tâm dịch vụ khách hàng Medi-Cal Rx theo số 800-977-2273. Vui lòng mang theo Thẻ nhận dạng người thụ hưởng Medi-Cal (BIC) khi nhận đơn thuốc thông qua Medi-Cal Rx.

- Alameda Alliance Wellness sẽ chi trả tất cả các loại thuốc cần thiết về mặt y tế trong *Danh sách thuốc* nếu như:
  - bác sĩ hoặc người kê đơn khác nói rằng Quý vị cần chúng để khỏe hơn hoặc duy trì sức khỏe,
  - Alameda Alliance Wellness đồng ý rằng loại thuốc này là cần thiết về mặt y tế đối với Quý vị, **và**
  - Quý vị mua thuốc theo toa tại một hiệu thuốc thuộc mạng lưới Alameda Alliance Wellness.
- Trong một số trường hợp, Quý vị phải làm gì đó trước khi có thể nhận được thuốc. Tham khảo câu hỏi B4 để biết thêm thông tin.

Quý vị cũng có thể tìm thấy danh sách thuốc mới nhất mà chúng tôi cung cấp trên trang web của chúng tôi tại **www.alamedaalliance.org/alliancewellness** hoặc gọi Dịch vụ Thành viên tại **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**) *hoặc* tại các số được liệt kê ở cuối trang này *hoặc* theo các số ở phần chân trang của tài liệu này.

B2. *Danh sách thuốc* có bao giờ thay đổi không?

Có, và Alameda Alliance Wellness phải tuân thủ các quy định của Medicare và Medi-Cal khi thực hiện thay đổi. Chúng tôi có thể thêm hoặc xóa thuốc khỏi *Danh sách thuốc* trong năm.

Chúng tôi cũng có thể thay đổi các quy định về ma túy. Ví dụ, chúng ta có thể:

- Quyết định có yêu cầu hoặc không yêu cầu sự cho phép trước đối với một loại thuốc. (Phải có sự cho phép trước từ Alameda Alliance Wellness trước khi Quý vị có thể nhận được thuốc.)
- Thêm hoặc thay đổi số lượng thuốc Quý vị có thể nhận được (gọi là giới hạn số lượng).
- Thêm hoặc thay đổi các hạn chế về liệu pháp từng bước đối với một loại thuốc. (Liệu pháp từng bước có nghĩa là Quý vị phải thử một loại thuốc trước khi chúng tôi chi trả cho loại thuốc khác.)

Để biết thêm thông tin về các quy định về thuốc này, hãy tham khảo câu hỏi B4.

Nếu Quý vị đang dùng một loại thuốc đã được bảo hiểm chi trả **ngay từ đầu** trong năm, chúng tôi thường sẽ không xóa hoặc thay đổi phạm vi bảo hiểm của loại thuốc đó **trong suốt thời gian còn lại của năm** Trừ khi:

- một loại thuốc mới, rẻ hơn xuất hiện trên thị trường có tác dụng tốt như một loại thuốc trong *Danh sách thuốc* bây giờ, hoặc
- chúng ta biết rằng một loại thuốc không an toàn, hoặc
- một loại thuốc bị loại khỏi thị trường.

Câu hỏi B3 và B6 bên dưới có thêm thông tin về những gì xảy ra khi *Danh sách thuốc* thay đổi.

- Quý vị luôn có thể kiểm tra *Danh sách thuốc* cập nhật của Alameda Alliance Wellness trực tuyến tại **www.alamedaalliance.org/alliancewellness**. Những cập nhật về *Danh sách thuốc* được đăng trên trang web hàng tháng.
- Quý vị cũng có thể gọi đến Dịch vụ Thành viên tại **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**) *hoặc* tại các số được liệt kê ở cuối trang này *hoặc* tại các số ở chân trang của tài liệu này để kiểm tra *Danh sách thuốc* hiện tại.

B3. Điều gì xảy ra khi có sự thay đổi trong *Danh sách thuốc*?

Một số thay đổi đối với *Danh sách thuốc* sẽ xảy ra **ngay lập tức**. Ví dụ:

- **Thay thế một số loại thuốc mới.** Chúng tôi có thể ngay lập tức loại bỏ các loại thuốc khỏi *Danh sách thuốc* nếu chúng ta thay thế chúng bằng một số phiên bản mới của loại thuốc đónhưng chi phí cho loại thuốc mới của Quý vị vẫn là 0 đô la. Khi chúng ta thêm một phiên bản mới của một loại thuốc, chúng tôi cũng có thể quyết định giữ nguyên tên thuốc có nhãn hiệu hoặc sản phẩm sinh học gốc trong danh sách nhưng thay đổi các quy tắc hoặc giới hạn bảo hiểm.
    - Chúng tôi có thể không thông báo cho Quý vị trước khi thực hiện thay đổi này, nhưng chúng tôi sẽ gửi cho Quý vị thông tin về thay đổi cụ thể mà chúng tôi đã thực hiện sau khi thay đổi đó diễn ra.
    - Chúng ta chỉ có thể thực hiện những thay đổi này nếu loại thuốc chúng ta đang thêm vào:
        - là phiên bản chung mới của một loại thuốc có tên thương mại, hoặc

- là một phiên bản thuốc sinh học tương tự mới nhất định của các sản phẩm sinh học gốc trong *Danh sách thuốc* (ví dụ, thêm một loại thuốc sinh học tương tự có thể thay thế cho một sản phẩm sinh học ban đầu mà không cần đơn thuốc mới).
- Một số loại thuốc này có thể mới đối với Quý vị. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo **Phần B14**.

  - Quý vị hoặc nhà cung cấp của Quý vị có thể yêu cầu ngoại lệ đối với những thay đổi này. Chúng tôi sẽ gửi cho Quý vị thông báo nêu rõ các bước Quý vị có thể thực hiện để yêu cầu ngoại lệ. Vui lòng tham khảo câu hỏi B10-B12 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

- **Loại bỏ các loại thuốc không an toàn và các loại thuốc khác bị thu hồi khỏi thị trường.** Đôi khi một loại thuốc có thể bị phát hiện là không an toàn hoặc bị rút khỏi thị trường vì lý do khác. Nếu điều này xảy ra, chúng tôi có thể ngay lập tức xóa nó khỏi *Danh sách thuốc*. Nếu Quý vị đang dùng thuốc, chúng tôi sẽ gửi thông báo cho Quý vị sau khi thực hiện thay đổi. Quý vị nên liên hệ với nhà cung cấp hoặc hiệu thuốc nếu có thắc mắc về cách xử lý thuốc.

Chúng tôi có thể thực hiện những thay đổi khác ảnh hưởng đến loại thuốc Quý vị dùng. Chúng tôi sẽ thông báo trước cho Quý vị về những thay đổi khác đối với *Danh sách thuốc*. Những thay đổi này có thể xảy ra nếu:

- FDA cung cấp hướng dẫn mới hoặc có hướng dẫn lâm sàng mới về một loại thuốc.
- Chúng tôi xóa một loại thuốc có tên thương mại khỏi *Danh sách thuốc* khi thêm một loại thuốc gốc không phải là thuốc mới trên thị trường**,** hoặc
- chúng tôi loại bỏ một sản phẩm sinh học ban đầu khi thêm một sản phẩm sinh học tương tự, hoặc
- chúng tôi thay đổi các quy tắc hoặc giới hạn bảo hiểm cho thuốc có tên thương mại.

Khi những thay đổi này xảy ra, chúng tôi sẽ:

- thông báo cho Quý vị ít nhất 30 ngày trước khi chúng tôi thực hiện thay đổi đối với *Danh sách thuốc* **hoặc**
- cho Quý vị biết và cung cấp cho Quý vị 30 ngày cấp thuốc sau khi Quý vị yêu cầu nạp thêm thuốc.

Điều này sẽ giúp Quý vị có thời gian trao đổi với bác sĩ hoặc người kê đơn khác. Họ có thể giúp Quý vị quyết định:

- nếu có một loại thuốc tương tự trong *Danh sách thuốc* Quý vị có thể thay thế hoặc
- có nên yêu cầu ngoại lệ đối với những thay đổi này không. Để tìm hiểu thêm về các trường hợp ngoại lệ, hãy tham khảo câu hỏi B10-B12.

B4. Có bất kỳ hạn chế hay giới hạn nào về phạm vi bảo hiểm thuốc hoặc bất kỳ hành động bắt buộc nào cần thực hiện để có được một số loại thuốc nhất định không?

Có, một số loại thuốc có quy định về phạm vi bảo hiểm hoặc giới hạn số tiền Quý vị có thể nhận được. Trong một số trường hợp, Quý vị hoặc bác sĩ hoặc người kê đơn khác phải làm gì đó trước khi Quý vị có thể nhận được thuốc. Ví dụ:

- **Sự cho phép trước:** Đối với một số loại thuốc, Quý vị hoặc bác sĩ hoặc người kê đơn khác phải được Alameda Alliance Wellness cho phép trước khi Quý vị lấy đơn thuốc. Sự cho phép trước khác với sự giới thiệu. Alameda Alliance Wellness có thể không chi trả cho loại thuốc này nếu Quý vị không được cấp phép trước.
- **Giới hạn số lượng:** Đôi khi Alameda Alliance Wellness giới hạn số lượng thuốc Quý vị có thể nhận được.
- **Liệu pháp từng bước:** Đôi khi Alameda Alliance Wellness yêu cầu Quý vị phải thực hiện liệu pháp từng bước. Điều này có nghĩa là Quý vị sẽ phải thử thuốc theo thứ tự nhất định tùy theo tình trạng bệnh của mình. Quý vị có thể phải thử một loại thuốc trước khi chúng tôi giới thiệu loại thuốc khác. Nếu người kê đơn cho rằng loại thuốc đầu tiên không hiệu quả với Quý vị, chúng tôi sẽ chi trả cho loại thuốc thứ hai.

Quý vị có thể tìm hiểu xem thuốc của mình có bất kỳ yêu cầu hoặc giới hạn bổ sung nào không bằng cách xem các bảng trong **Phần C1.** Quý vị cũng có thể biết thêm thông tin bằng cách truy cập trang web của chúng tôi tại **www.alamedaalliance.org/alliancewellness**. Chúng tôi đã đăng tải các tài liệu trực tuyến điều đó giải thích sự cho phép trước của chúng tôi và các hạn chế về liệu pháp từng bước. Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi gửi cho Quý vị một bản sao.

Quý vị có thể yêu cầu ngoại lệ đối với những giới hạn này. Điều này sẽ giúp Quý vị có thời gian trao đổi với bác sĩ hoặc người kê đơn khác. Họ có thể giúp Quý vị quyết định xem có loại thuốc tương tự nào trong *Danh sách thuốc không* Quý vị có thể lấy thay thế hoặc yêu cầu một ngoại lệ. Tham khảo câu hỏi B10-B12 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

B5. Làm sao tôi biết được loại thuốc tôi muốn có giới hạn hay có cần phải thực hiện những hành động nào để có được loại thuốc đó không?

Bảng trong phần có tiêu đề “Danh sách thuốc theo loại thuốc” có một cột được đánh dấu là “Cần thiết/Giới hạn”

B6. Điều gì sẽ xảy ra nếu Alameda Alliance Wellness thay đổi các quy định về cách họ chi trả cho một số loại thuốc (ví dụ: phê duyệt trước, giới hạn số lượng và/hoặc hạn chế liệu pháp từng bước)?

Trong một số trường hợp, chúng tôi sẽ thông báo trước cho Quý vị nếu chúng tôi thêm hoặc thay đổi quyền hạn trước, giới hạn số lượng và/hoặc các hạn chế về liệu pháp từng bước đối với một loại thuốc. Tham khảo câu hỏi B3 để biết thêm thông tin về thông báo trước này và các tình huống mà chúng tôi có thể không thể thông báo trước cho Quý vị khi các quy tắc của chúng tôi về thuốc có trong *Danh sách thuốc* thay đổi.

B7. Làm thế nào tôi có thể tìm thấy một loại thuốc trong *Danh sách thuốc*?

Có hai cách để tìm thuốc:

- Quý vị có thể tìm kiếm theo thứ tự bảng chữ cái, **hoặc**
- Quý vị có thể tìm kiếm theo loại thuốc.

Để tìm kiếm **theo thứ tự bảng chữ cái**, hãy tìm loại thuốc của Quý vị trong phần Mục lục thuốc được bảo hiểm. Quý vị có thể tìm thấy nó bằng cách tìm kiếm tên thuốc tương ứng.

Để tìm kiếm **theo loại thuốc**, tìm **Phần C1** được dán nhãn "Danh sách thuốc theo loại thuốc". Các loại thuốc trong phần này được nhóm thành từng loại theo từng loại. Ví dụ, nếu Quý vị đang dùng thuốc trị chứng đau nửa đầu, Quý vị nên tìm trong danh mục "**Thuốc điều trị đau nửa đầu – Phương pháp điều trị chứng đau nửa đầu**". Đó là nơi Quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị chứng đau nửa đầu.

B8. Nếu loại thuốc tôi muốn dùng không có trong *Danh sách thuốc thì sao?*?

Nếu Quý vị không tìm thấy thuốc của mình trên *Danh sách thuốc*, hãy gọi Dịch vụ Thành viên tại **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**) *hoặc* tại các số được liệt kê ở cuối trang này *hoặc* hãy xem các số ở phần chân trang của tài liệu này và hỏi về nó. Nếu Quý vị biết rằng Alameda Alliance Wellness sẽ không chi trả cho loại thuốc này, Quý vị có thể thực hiện một trong những điều sau:

- Hãy hỏi Dịch vụ Thành viên để biết danh sách các loại thuốc giống với loại Quý vị muốn dùng. Sau đó đưa danh sách này cho bác sĩ hoặc người kê đơn khác. Họ có thể kê đơn thuốc trong *Danh sách thuốc* giống như cái mà Quý vị muốn lấy. **Hoặc**
- Hãy yêu cầu Alameda Alliance Wellness tạo một ngoại lệ để chi trả cho thuốc của Quý vị. Tham khảo câu hỏi B10-B12 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

B9. Nếu tôi là thành viên mới của Alameda Alliance Wellness và không tìm thấy thuốc của mình trong *Danh sách thuốc thì sao?* hoặc gặp vấn đề khi nhận thuốc?

Chúng tôi có thể giúp. Chúng tôi có thể chi trả tạm thời 30 ngày cung cấp thuốc cho Quý vị trong 90 ngày đầu tiên những ngày Quý vị là thành viên của Alameda Alliance Wellness. Điều này sẽ giúp Quý vị có thời gian trao đổi với bác sĩ hoặc người kê đơn khác. Họ có thể giúp Quý vị quyết định xem có loại thuốc tương tự nào trong *Danh sách thuốc không* Quý vị có thể lấy thay thế hoặc yêu cầu một ngoại lệ.

Nếu đơn thuốc của Quý vị được kê cho ít ngày hơn, chúng tôi sẽ cho phép nạp lại nhiều lần để cung cấp tối đa 30 ngày thuốc.

Chúng tôi sẽ chi trả cho đợt 30 ngày thuốc của quý vị nếu:

- Quý vị đang dùng một loại thuốc không có trong *Danh sách thuốc của chúng tôi*, **hoặc**

- quy định của kế hoạch của chúng tôi không cho phép Quý vị nhận được số tiền mà người kê đơn của Quý vị đã yêu cầu, **hoặc**
- thuốc này cần phải được Alameda Alliance Wellness, **cho phép trước hoặc**
- Quý vị đang dùng một loại thuốc nằm trong chương trình hạn chế liệu pháp từng bước.

Nếu Quý vị đang dùng một loại thuốc mà Alameda Alliance Wellness không coi là thuốc Phần D và loại thuốc đó không có trong *Danh sách thuốc*và Quý vị gặp vấn đề trong việc nhận thuốc, thuốc đó có thể được chi trả thông qua Medi-Cal Rx. Nếu một loại thuốc bị loại trừ khỏi Phần D yêu cầu ngoại lệ và Quý vị gặp trường hợp khẩn cấp, Medi-Cal Rx sẽ cho phép cung cấp loại thuốc đó trong tối thiểu 72 giờ. Vui lòng truy cập trang web Medi-Cal Rx (www.medi-calrx.dhcs.ca.gov) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi đến Trung tâm dịch vụ khách hàng Medi-Cal Rx theo số 800-977-2273. Vui lòng mang theo thẻ BIC Medi-Cal khi nhận đơn thuốc thông qua Medi-Cal Rx.

Nếu Quý vị đang ở viện dưỡng lão hoặc cơ sở chăm sóc dài hạn khác và cần một loại thuốc không có trong *Danh sách thuốc* hoặc nếu Quý vị không thể dễ dàng có được loại thuốc Quý vị cần, chúng tôi có thể giúp Quý vị. Nếu quý vị đã tham gia chương trình hơn 90 ngày, sống tại một cơ sở chăm sóc dài hạn, và cần cấp thuốc ngay lập tức:

- Chúng tôi sẽ bao trả cho 31 ngày thuốc Quý vị cần (trừ khi Quý vị có đơn thuốc cho ít ngày hơn), bất kể Quý vị có phải là thành viên mới của Alameda Alliance Wellness hay không.
- Điều này là bổ sung cho nguồn cung tạm thời trong 90 ngày đầu khi Quý vị là thành viên của Alameda Alliance Wellness.

B10. Tôi có thể yêu cầu ngoại lệ để chi trả cho thuốc của mình không?

Đúng. Quý vị có thể yêu cầu Alameda Alliance Wellness tạo một ngoại lệ để chi trả cho một loại thuốc không có trong *Danh sách thuốc*.

Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi các quy định về thuốc của Quý vị.

- Ví dụ, Alameda Alliance Wellness có thể giới hạn số lượng thuốc mà chúng tôi sẽ chi trả. Nếu thuốc của Quý vị có giới hạn, Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi giới hạn và chi trả nhiều hơn.
- Ví dụ khác: Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi bỏ các hạn chế về liệu pháp bậc thang hoặc yêu cầu phê duyệt trước.

B11. Tôi có thể yêu cầu ngoại lệ bằng cách nào?

Để yêu cầu ngoại lệ, hãy gọi tới Dịch vụ Thành viên. Đại diện Dịch vụ Thành viên sẽ làm việc với Quý vị và người kê đơn để giúp Quý vị yêu cầu ngoại lệ. Quý vị cũng có thể đọc **Chương 9 Phần G2** của *Sổ tay thành viên* để tìm hiểu thêm về các ngoại lệ.

B12. Phải mất bao lâu để nhận được ngoại lệ?

Sau khi chúng tôi nhận được tuyên bố từ người kê đơn ủng hộ yêu cầu ngoại lệ của Quý vị, chúng tôi sẽ đưa ra quyết định trong vòng 72 giờ. Để yêu cầu ngoại lệ, Quý vị hoặc người kê đơn của Quý

vị phải gửi cho Alameda Alliance Wellness Mẫu yêu cầu ngoại lệ bảo hiểm đã hoàn thành, có trên trang web của chúng tôi hoặc bằng cách gọi đến Dịch vụ thành viên theo số **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**). Người kê đơn cho Quý vị phải gửi một tuyên bố hỗ trợ cho nhà tài trợ chương trình để ghi lại yêu cầu.

Số điện thoại yêu cầu ngoại lệ	
Đường dây điện thoại của người kê đơn	**1.833.793.3767**
Yêu cầu Fax Tiêu chuẩn của Người kê đơn	**1.855.508.1714**
Yêu cầu fax khẩn cấp của người kê đơn	**1.855.806.6237**

Nếu Quý vị hoặc người kê đơn cho rằng sức khỏe của Quý vị có thể bị ảnh hưởng nếu Quý vị phải chờ 72 giờ để nhận được quyết định, Quý vị có thể yêu cầu một ngoại lệ nhanh chóng. Đây là một quyết định nhanh hơn. Nếu người kê đơn ủng hộ yêu cầu của Quý vị, chúng tôi sẽ đưa ra quyết định trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tuyên bố ủng hộ của người kê đơn.

B13. Thuốc gốc là gì?

Thuốc gốc được tạo thành từ các thành phần hoạt chất giống như thuốc có tên thương mại. Chúng thường có giá rẻ hơn thuốc có nhãn hiệu và nhìn chung có hiệu quả tương đương. Họ thường không có tên tuổi nổi tiếng. Thuốc gốc được Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) chấp thuận. Có nhiều loại thuốc gốc thay thế cho nhiều loại thuốc có tên thương mại. Thuốc gốc thường có thể thay thế thuốc có nhãn hiệu tại hiệu thuốc mà không cần đơn thuốc mới—tùy thuộc vào luật của tiểu bang.

Alameda Alliance Wellness bảo hiểm cả thuốc có nhãn hiệu và thuốc gốc.

B14. Sản phẩm sinh học gốc là gì và chúng liên quan như thế nào đến sản phẩm sinh học tương tự?

Khi chúng ta nhắc đến thuốc, điều này có thể có nghĩa là thuốc hoặc sản phẩm sinh học. Sản phẩm sinh học là loại thuốc phức tạp hơn so với thuốc thông thường. Vì các sản phẩm sinh học phức tạp hơn các loại thuốc thông thường nên thay vì có dạng chung, chúng có dạng được gọi là thuốc sinh học tương tự. Nhìn chung, các sản phẩm sinh học tương tự có tác dụng tương tự như sản phẩm sinh học ban đầu và có thể có giá thành thấp hơn. Có những sản phẩm thay thế tương tự sinh học cho một số sản phẩm sinh học ban đầu. Một số thuốc sinh học tương tự có thể thay thế cho nhau và tùy thuộc vào luật của tiểu bang, có thể

thay thế sản phẩm sinh học ban đầu tại hiệu thuốc mà không cần đơn thuốc mới, giống như thuốc gốc có thể thay thế thuốc có tên thương hiệu.

Để biết thêm thông tin về các loại thuốc, hãy tham khảo **Chương 5** của *Sổ tay thành viên*.

B15. Thuốc OTC là gì?

OTC là viết tắt của "thuốc không kê đơn". Một số loại thuốc không kê đơn (OTC) và một số loại vitamin nhất định có thể được Medi-Cal Rx chi trả. Vui lòng truy cập trang web Medi-Cal Rx (www.medi-calrx.dhcs.ca.gov) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi đến Trung tâm dịch vụ khách hàng Medi-Cal Rx theo số 800-977-2273. Vui lòng mang theo Thẻ nhận dạng người thụ hưởng Medi-Cal (BIC) khi nhận đơn thuốc thông qua Medi-Cal Rx.

B16. Alameda Alliance Wellness có bảo hiểm các sản phẩm OTC không phải thuốc không?

Vui lòng xem Chương 4 của Sổ tay thành viên để biết thêm thông tin về các sản phẩm OTC được Alameda Alliance Wellness bảo hiểm.

B17. Alameda Alliance Wellness có chi trả cho việc cung cấp thuốc theo toa dài hạn không?

- **Chương trình đặt hàng qua thư.** Chúng tôi cung cấp chương trình đặt hàng qua thư cho phép Quý vị nhận được lượng thuốc đủ dùng trong 90 ngày và được gửi trực tiếp đến nhà Quý vị. Nguồn cung cấp trong 90 ngày có mức đồng thanh toán tương đương với nguồn cung cấp trong một tháng.

- **Chương Trình Nhà Thuốc Bán Lẻ 90 Ngày.** Một số hiệu thuốc bán lẻ cũng có thể cung cấp lượng thuốc đủ dùng trong 90 ngày. Một đợt cấp thuốc 90 ngày có mức đồng thanh toán tương đương với nguồn cung cấp một tháng.

B18. Tôi có thể nhận thuốc theo toa giao tận nhà từ hiệu thuốc địa phương không?

Nhà thuốc địa phương có thể giao thuốc theo toa đến tận nhà Quý vị. Quý vị có thể gọi đến hiệu thuốc để tìm hiểu xem họ có cung cấp dịch vụ giao hàng tận nhà hay không.

B19. Đồng thanh toán của tôi là bao nhiêu?

Các thành viên của Alameda Alliance Wellness phải trả đồng thanh toán cho thuốc theo toa, thuốc không kê đơn và các sản phẩm không phải thuốc nếu thành viên tuân thủ các quy tắc của chương trình. Tham khảo câu hỏi B15 và B16 để biết thêm thông tin về thuốc OTC và các sản phẩm không phải thuốc.

Các bậc là nhóm thuốc trong *Danh sách thuốc của chúng tôi*.

Nhà thuốc bán lẻ (thuốc Phần D được cung cấp đủ dùng trong 30 ngày)			
Cấp độ trợ giúp bổ sung	Thuốc gốc loại 1	Thuốc nhãn hiệu loại 1	Thuốc sinh học tương tự bậc 1
Cấp độ 1	1,60 đô la	5,10 đô la	5,10 đô la
Cấp độ 2	5,10 đô la	12,65 đô la	12,65 đô la
Cấp độ 3	0 đô la	0 đô la	0 đô la

Nhà thuốc đặt hàng qua thư (thuốc Phần D được bảo hiểm đủ dùng trong tối đa 90 ngày)			
Cấp độ trợ giúp bổ sung	Thuốc gốc loại 1	Thuốc nhãn hiệu loại 1	Thuốc sinh học tương tự bậc 1
Cấp độ 1	1,60 đô la	5,10 đô la	5,10 đô la
Cấp độ 2	5,10 đô la	12,65 đô la	12,65 đô la
Cấp độ 3	0 đô la	0 đô la	0 đô la

Nếu Quý vị có thắc mắc, hãy gọi cho Dịch vụ Thành viên tại **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**) *hoặc* tại các số được liệt kê ở cuối trang này *hoặc* theo các số ở phần chân trang của tài liệu này.

C. Tổng quan về *Danh sách thuốc được bảo hiểm*

Danh sách *Thuốc được bảo hiểm* cung cấp cho Quý vị thông tin về các loại thuốc được Alameda Alliance Wellness chi trả. Nếu Quý vị gặp khó khăn khi tìm thuốc của mình trong danh sách, hãy tham khảo Mục lục Thuốc được Bảo hiểm bắt đầu từ **Phần D**. Mục lục liệt kê theo thứ tự bảng chữ cái tất cả các loại thuốc được Alameda Alliance Wellness bảo hiểm.

Các loại thuốc khác, chẳng hạn như một số loại thuốc không kê đơn (OTC) và một số loại vitamin, có thể được Medi-Cal Rx chi trả. Vui lòng truy cập trang web Medi-Cal Rx (www.medi-calrx.dhcs.ca.gov) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi đến Trung tâm dịch vụ khách hàng Medi-Cal Rx theo số 800-977-2273. Vui lòng mang theo Thẻ nhận dạng người thụ hưởng Medi-Cal (BIC) khi nhận đơn thuốc thông qua Medi-Cal Rx.

Khiếu nại theo Phần D

- Khiếu nại là cách chính thức để yêu cầu chúng tôi xem xét lại quyết định đã đưa ra về phạm vi bảo hiểm của Quý vị và thay đổi quyết định đó nếu Quý vị cho rằng chúng tôi đã mắc sai lầm.
- Ví dụ, chúng tôi có thể quyết định rằng loại thuốc Quý vị muốn không được Medicare hoặc Medi-Cal chi trả hoặc không còn được chi trả nữa.
- Nếu Quý vị hoặc người kê đơn không đồng ý với quyết định của chúng tôi, Quý vị có thể kháng cáo. Nếu Quý vị có bất kỳ câu hỏi nào, hãy gọi cho Dịch vụ Thành viên theo số **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**) *hoặc* tại các số được liệt kê ở cuối trang này *hoặc* theo các số ở phần chân trang của tài liệu này.
- Quý vị cũng có thể đọc **Chương 9** của *Sổ tay thành viên* để tìm hiểu cách kháng cáo quyết định.
- Các loại thuốc không thuộc danh mục thuốc Phần D có quy định kháng cáo khác nhau.

C1. Danh sách thuốc theo loại thuốc

Các loại thuốc trong phần này được nhóm thành từng loại theo loại. Ví dụ, nếu Quý vị bị bệnh tim, Quý vị nên tìm trong danh mục “Thuốc tim mạch”. Đó là nơi Quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị bệnh tim.

Sau đây là ý nghĩa của các mã được sử dụng trong cột “Cần thiết/Hạn chế”:

B/D = Thuốc có thể được chi trả theo quyền lợi của Medicare Phần B hoặc Phần D.

MME = Đơn vị quy đổi tương đương morphine (Milligram Morphine Equivalent):
Thuốc này có thể có **giới hạn về tổng liều dùng hàng ngày** khi quy đổi tương đương với morphine.

PA = Ủy quyền trước: Quý vị phải có sự ủy quyền từ chương trình trước khi Quý vị có thể nhận loại thuốc này.

QL = Giới hạn số lượng (Quantity Limit):
Mô tả giới hạn về **số lượng thuốc** và **số ngày được cấp phát**.

ST = Liệu pháp bậc thang: Quý vị phải thử một loại thuốc khác trước khi có thể dùng loại thuốc này.

Cột đầu tiên của bảng liệt kê tên loại thuốc. Thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in nghiêng thường (ví dụ: *viên nang uống cefadroxil 500 mg*), tên thuốc thương hiệu được viết hoa (ví dụ: MIẾNG DÁN NGOÀI ZTLIDO 1.8%). Thông tin trong cột “Cần thiết/Hạn chế” sẽ cho Quý vị biết liệu Alameda Alliance Wellness có bất kỳ quy tắc nào về việc chi trả cho thuốc của Quý vị hay không.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Analgesics - Treatment Of Pain		
Analgesics		
bac (butalbital-acetamin-caff) oral tablet 50-325-40 mg	1	PA
butalbital-acetaminophen oral tablet 50-325 mg	1	PA
butalbital-apap-caff-cod oral capsule 50-325-40-30 mg	1	PA; MME
butalbital-apap-caffeine oral capsule 50-325-40 mg	1	PA
butalbital-apap-caffeine oral solution 50-325-40 mg/15ml	1	PA
butalbital-apap-caffeine oral tablet 50-325-40 mg	1	PA
butalbital-asa-caff-codeine oral capsule 50-325-40-30 mg	1	PA; MME
butalbital-aspirin-caffeine oral capsule 50-325-40 mg	1	PA
nalbuphine hcl injection solution 10 mg/ml	1	MME
Nonsteroidal Anti-Inflammatory Drugs		
celecoxib oral capsule 100 mg, 200 mg, 400 mg, 50 mg	1	
diclofenac epolamine external patch 1.3 %	1	
diclofenac potassium oral tablet 50 mg	1	
diclofenac sodium er oral tablet extended release 24 hour 100 mg	1	
diclofenac sodium external gel 3 %	1	
diclofenac sodium external solution 1.5 %	1	
diclofenac sodium oral tablet delayed release 25 mg, 50 mg, 75 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
diflunisal oral tablet 500 mg	1	
etodolac er oral tablet extended release 24 hour 400 mg, 500 mg, 600 mg	1	
etodolac oral capsule 200 mg, 300 mg	1	
etodolac oral tablet 400 mg, 500 mg	1	
flurbiprofen oral tablet 100 mg	1	
ibu oral tablet 400 mg, 600 mg, 800 mg	1	
ibuprofen oral suspension 100 mg/5ml	1	
ibuprofen oral tablet 400 mg, 600 mg, 800 mg	1	
indomethacin er oral capsule extended release 75 mg	1	
indomethacin oral capsule 25 mg, 50 mg	1	PA
ketorolac tromethamine oral tablet 10 mg	1	PA; QL (20 EA per 30 days)
meclofenamate sodium oral capsule 100 mg, 50 mg	1	
meloxicam oral tablet 15 mg, 7.5 mg	1	
nabumetone oral tablet 500 mg, 750 mg	1	
naproxen dr oral tablet delayed release 500 mg	1	
naproxen oral suspension 125 mg/5ml	1	
naproxen oral tablet 250 mg, 375 mg, 500 mg	1	
naproxen oral tablet delayed release 375 mg, 500 mg	1	
naproxen sodium oral tablet 275 mg, 550 mg	1	
piroxicam oral capsule 10 mg, 20 mg	1	
sulindac oral tablet 150 mg, 200 mg	1	
Opioid Analgesics, Long-Acting		
buprenorphine transdermal patch weekly 10 mcg/hr, 15 mcg/hr, 20 mcg/hr, 5 mcg/hr, 7.5 mcg/hr	1	QL (4 EA per 28 days)
fentanyl transdermal patch 72 hour 100 mcg/hr, 12 mcg/hr, 25 mcg/hr, 37.5 mcg/hr, 50 mcg/hr, 62.5 mcg/hr, 75 mcg/hr, 87.5 mcg/hr	1	MME; QL (10 EA per 30 days)
methadone hcl oral solution 10 mg/5ml	1	MME; QL (1200 ML per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
methadone hcl oral solution 5 mg/5ml	1	MME; QL (2400 ML per 30 days)
methadone hcl oral tablet 10 mg	1	MME; QL (240 EA per 30 days)
methadone hcl oral tablet 5 mg	1	MME; QL (180 EA per 30 days)
morphine sulfate er oral tablet extended release 100 mg, 15 mg, 200 mg, 30 mg, 60 mg	1	MME; QL (60 EA per 30 days)
OXYCONTIN ORAL TABLET ER 12 HOUR ABUSE-DETERRENT 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	1	PA; MME; QL (90 EA per 30 days)
OXYCONTIN ORAL TABLET ER 12 HOUR ABUSE-DETERRENT 60 MG, 80 MG	1	PA; MME; QL (60 EA per 30 days)
Opioid Analgesics, Short-Acting		
acetaminophen-codeine oral solution 120-12 mg/5ml	1	MME
acetaminophen-codeine oral tablet 300-15 mg, 300-30 mg, 300-60 mg	1	MME
butorphanol tartrate nasal solution 10 mg/ml	1	MME; QL (5 ML per 30 days)
endocet oral tablet 10-325 mg, 2.5-325 mg, 5-325 mg, 7.5-325 mg	1	MME
hydrocodone-acetaminophen oral tablet 10-325 mg, 5-325 mg, 7.5-325 mg	1	MME
hydrocodone-ibuprofen oral tablet 10-200 mg, 5-200 mg, 7.5-200 mg	1	MME
hydromorphone hcl oral tablet 2 mg, 4 mg, 8 mg	1	MME; QL (120 EA per 30 days)
hydromorphone hcl pf injection solution 1 mg/ml, 10 mg/ml, 4 mg/ml, 50 mg/5ml, 500 mg/50ml	1	MME
morphine sulfate (concentrate) oral solution 100 mg/5ml	1	MME
morphine sulfate oral tablet 15 mg, 30 mg	1	MME; QL (120 EA per 30 days)
oxycodone hcl oral solution 5 mg/5ml	1	MME; QL (5400 ML per 30 days)
oxycodone hcl oral tablet 10 mg, 15 mg, 20 mg, 30 mg, 5 mg	1	MME; QL (120 EA per 30 days)
oxycodone hcl oral tablet abuse-deterrent 15 mg	1	MME; QL (120 EA per 30 days)
oxycodone-acetaminophen oral tablet 10-325 mg, 2.5-325 mg, 5-325 mg, 7.5-325 mg	1	MME

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
pentazocine-naloxone hcl oral tablet 50-0.5 mg	1	MME
tramadol hcl oral tablet 50 mg	1	MME; QL (240 EA per 30 days)
tramadol-acetaminophen oral tablet 37.5-325 mg	1	MME
Anesthetics - Local Treatment Of Pain		
Local Anesthetics		
lidocaine external ointment 5 %	1	QL (50 GM per 30 days)
lidocaine external patch 5 %	1	PA; QL (90 EA per 30 days)
lidocaine hcl external solution 4 %	1	
lidocaine viscous hcl mouth/throat solution 2 %	1	
lidocaine-prilocaine external cream 2.5-2.5 %	1	
ZTLIDO EXTERNAL PATCH 1.8 %	1	PA; QL (90 EA per 30 days)
Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents - Treatment Of Substance Abuse Disorders		
Alcohol Deterrents/Anti-Craving		
acamprosate calcium oral tablet delayed release 333 mg	1	
disulfiram oral tablet 250 mg, 500 mg	1	
VIVITROL INTRAMUSCULAR SUSPENSION RECONSTITUTED 380 MG	1	QL (1 EA per 28 days)
Opioid Dependence		
buprenorphine hcl sublingual tablet sublingual 2 mg, 8 mg	1	
buprenorphine hcl-naloxone hcl sublingual film 12-3 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
buprenorphine hcl-naloxone hcl sublingual film 2-0.5 mg	1	QL (150 EA per 30 days)
buprenorphine hcl-naloxone hcl sublingual film 4-1 mg, 8-2 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
buprenorphine hcl-naloxone hcl sublingual tablet sublingual 2-0.5 mg, 8-2 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
lofexidine hcl oral tablet 0.18 mg	1	PA; QL (224 EA per 14 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
naloxone hcl injection solution prefilled syringe 0.4 mg/ml	1	
naltrexone hcl oral tablet 50 mg	1	
ZURNAI INJECTION SOLUTION AUTO-INJECTOR 1.5 MG/0.5ML	1	
Opioid Reversal Agents		
KLOXXADO NASAL LIQUID 8 MG/0.1ML	1	
naloxone hcl injection solution 0.4 mg/ml, 4 mg/10ml	1	
naloxone hcl injection solution cartridge 0.4 mg/ml	1	
naloxone hcl injection solution prefilled syringe 2 mg/2ml	1	
OPVEE NASAL SOLUTION 2.7 MG/0.1ML	1	
REXTOVY NASAL LIQUID 4 MG/0.25ML	1	
Smoking Cessation Agents		
bupropion hcl er (smoking det) oral tablet extended release 12 hour 150 mg	1	
NICOTROL NS NASAL SOLUTION 10 MG/ML	1	
varenicline tartrate (starter) oral tablet therapy pack 0.5 mg x 11 & 1 mg x 42	1	QL (56 EA per 28 days)
varenicline tartrate oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 1 mg (56 pack)	1	QL (56 EA per 28 days)
varenicline tartrate(continue) oral tablet 1 mg	1	QL (56 EA per 28 days)
Antibacterials - Treatment Of Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
amikacin sulfate injection solution 500 mg/2ml	1	
ARIKAYCE INHALATION SUSPENSION 590 MG/8.4ML	1	PA
gentamicin in saline intravenous solution 0.8-0.9 mg/ml-%, 1-0.9 mg/ml-%, 1.2-0.9 mg/ml-%, 1.6-0.9 mg/ml-%, 2-0.9 mg/ml-%	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
gentamicin sulfate injection solution 40 mg/ml	1	
neomycin sulfate oral tablet 500 mg	1	
streptomycin sulfate intramuscular solution reconstituted 1 gm	1	
tobramycin sulfate injection solution 1.2 gm/30ml, 10 mg/ml, 2 gm/50ml, 80 mg/2ml	1	
tobramycin sulfate injection solution reconstituted 1.2 gm	1	
Antibacterials, Other		
aztreonam injection solution reconstituted 1 gm, 2 gm	1	
clindamycin hcl oral capsule 150 mg, 300 mg, 75 mg	1	
clindamycin palmitate hcl oral solution reconstituted 75 mg/5ml	1	
clindamycin phosphate in d5w intravenous solution 300 mg/50ml, 600 mg/50ml, 900 mg/50ml	1	
clindamycin phosphate in nacl intravenous solution 300-0.9 mg/50ml-%, 600-0.9 mg/50ml-%, 900-0.9 mg/50ml-%	1	
clindamycin phosphate injection solution 300 mg/2ml, 900 mg/6ml	1	
clindamycin phosphate vaginal cream 2 %	1	
colistimethate sodium (cba) injection solution reconstituted 150 mg	1	
daptomycin intravenous solution reconstituted 350 mg, 500 mg	1	
fosfomycin tromethamine oral packet 3 gm	1	
linezolid intravenous solution 600 mg/300ml	1	
linezolid oral suspension reconstituted 100 mg/5ml	1	
linezolid oral tablet 600 mg	1	
methenamine hippurate oral tablet 1 gm	1	
metronidazole intravenous solution 500 mg/100ml	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
metronidazole oral capsule 375 mg	1	
metronidazole oral tablet 250 mg, 500 mg	1	
metronidazole vaginal gel 0.75 %	1	
nitrofurantoin macrocrystal oral capsule 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	
nitrofurantoin monohyd macro oral capsule 100 mg	1	
polymyxin b sulfate injection solution reconstituted 500000 unit	1	
PRIMAXIN IV INTRAVENOUS SOLUTION RECONSTITUTED 500-500 MG	1	
sulfamethoxazole-trimethoprim intravenous solution 400-80 mg/5ml	1	
tigecycline intravenous solution reconstituted 50 mg	1	PA
tinidazole oral tablet 250 mg, 500 mg	1	
trimethoprim oral tablet 100 mg	1	
vancomycin hcl in nacl intravenous solution 1-0.9 gm/200ml-%, 500-0.9 mg/100ml-%, 750-0.9 mg/150ml-%	1	
vancomycin hcl intravenous solution 1000 mg/200ml, 1250 mg/250ml, 1500 mg/300ml, 1750 mg/350ml, 2000 mg/400ml, 500 mg/100ml, 750 mg/150ml	1	
vancomycin hcl intravenous solution reconstituted 1 gm, 1.25 gm, 1.5 gm, 1.75 gm, 10 gm, 2 gm, 5 gm, 500 mg, 750 mg	1	
vancomycin hcl oral capsule 125 mg, 250 mg	1	
ZOSYN INTRAVENOUS SOLUTION 2-0.25 GM/50ML	1	
Beta-Lactam, Cephalosporins		
cefaclor er oral tablet extended release 12 hour 500 mg	1	
cefaclor oral capsule 250 mg, 500 mg	1	
cefadroxil oral capsule 500 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
cefadroxil oral suspension reconstituted 250 mg/5ml, 500 mg/5ml	1	
cefadroxil oral tablet 1 gm	1	
cefazolin sodium injection solution reconstituted 1 gm, 2 gm, 3 gm, 500 mg	1	
cefazolin sodium intravenous solution reconstituted 1 gm, 2 gm, 3 gm	1	
cefdinir oral capsule 300 mg	1	
cefdinir oral suspension reconstituted 125 mg/5ml, 250 mg/5ml	1	
cefepime hcl injection solution reconstituted 1 gm	1	
cefepime hcl intravenous solution 1 gm/50ml, 2 gm/100ml	1	
cefepime hcl intravenous solution reconstituted 2 gm	1	
cefepime-dextrose intravenous solution reconstituted 1-5 gm-%(50ml), 2-5 gm-%(50ml)	1	
cefixime oral capsule 400 mg	1	
cefoxitin sodium intravenous solution reconstituted 1 gm, 10 gm, 2 gm	1	
cefpodoxime proxetil oral suspension reconstituted 100 mg/5ml, 50 mg/5ml	1	
cefpodoxime proxetil oral tablet 100 mg, 200 mg	1	
cefprozil oral suspension reconstituted 125 mg/5ml, 250 mg/5ml	1	
cefprozil oral tablet 250 mg, 500 mg	1	
ceftazidime injection solution reconstituted 1 gm, 6 gm	1	
ceftazidime intravenous solution reconstituted 2 gm	1	
ceftriaxone sodium in dextrose intravenous solution 20 mg/ml, 40 mg/ml	1	
ceftriaxone sodium injection solution reconstituted 1 gm, 2 gm, 250 mg, 500 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ceftriaxone sodium intravenous solution reconstituted 1 gm, 10 gm, 2 gm	1	
ceftriaxone sodium-dextrose intravenous solution reconstituted 1-3.74 gm-%(50ml), 2-2.22 gm-%(50ml)	1	
cefuroxime axetil oral tablet 250 mg, 500 mg	1	
cefuroxime sodium injection solution reconstituted 750 mg	1	
cefuroxime sodium intravenous solution reconstituted 1.5 gm	1	
cephalexin oral capsule 250 mg, 500 mg	1	
cephalexin oral suspension reconstituted 125 mg/5ml, 250 mg/5ml	1	
cephalexin oral tablet 250 mg, 500 mg	1	
TAZICEF INJECTION SOLUTION RECONSTITUTED 1 GM	1	
TAZICEF INTRAVENOUS SOLUTION RECONSTITUTED 1 GM, 2 GM, 6 GM	1	
TEFLARO INTRAVENOUS SOLUTION RECONSTITUTED 400 MG, 600 MG	1	
Beta-Lactam, Penicillins		
amoxicillin oral capsule 250 mg, 500 mg	1	
amoxicillin oral suspension reconstituted 125 mg/5ml, 200 mg/5ml, 250 mg/5ml, 400 mg/5ml	1	
amoxicillin oral tablet 500 mg, 875 mg	1	
amoxicillin oral tablet chewable 125 mg, 250 mg	1	
amoxicillin-pot clavulanate er oral tablet extended release 12 hour 1000-62.5 mg	1	
amoxicillin-pot clavulanate oral suspension reconstituted 200-28.5 mg/5ml, 250-62.5 mg/5ml, 400-57 mg/5ml, 600-42.9 mg/5ml	1	
amoxicillin-pot clavulanate oral tablet 250-125 mg, 500-125 mg, 875-125 mg	1	
ampicillin oral capsule 500 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ampicillin sodium injection solution reconstituted 1 gm, 2 gm	1	
ampicillin sodium intravenous solution reconstituted 1 gm, 10 gm, 2 gm	1	
ampicillin-sulbactam sodium injection solution reconstituted 1.5 (1-0.5) gm, 3 (2-1) gm	1	
ampicillin-sulbactam sodium intravenous solution reconstituted 1.5 (1-0.5) gm, 15 (10-5) gm, 3 (2-1) gm	1	
BICILLIN L-A INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 1200000 UNIT/2ML, 2400000 UNIT/4ML, 600000 UNIT/ML	1	
dicloxacillin sodium oral capsule 250 mg, 500 mg	1	
nafcillin sodium injection solution reconstituted 1 gm, 2 gm	1	
oxacillin sodium in dextrose intravenous solution 2 gm/50ml	1	
penicillin g pot in dextrose intravenous solution 40000 unit/ml, 60000 unit/ml	1	
penicillin g sodium injection solution reconstituted 5000000 unit	1	
penicillin v potassium oral solution reconstituted 125 mg/5ml, 250 mg/5ml	1	
penicillin v potassium oral tablet 250 mg, 500 mg	1	
piperacillin sod-tazobactam so intravenous solution reconstituted 13.5 (12-1.5) gm, 2.25 (2-0.25) gm, 3-0.375 gm, 3.375 (3-0.375) gm, 4.5 (4-0.5) gm, 40.5 (36-4.5) gm	1	
piperacillin-tazobactam-nacl intravenous solution reconstituted 2-0.25 gm/50ml, 3-0.375 gm/50ml, 4-0.5 gm/100ml	1	
Carbapenems		
ertapenem sodium injection solution reconstituted 1 gm	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
imipenem-cilastatin intravenous solution reconstituted 250 mg, 500 mg	1	
meropenem intravenous solution reconstituted 1 gm, 500 mg	1	
meropenem-sodium chloride intravenous solution reconstituted 1 gm/50ml, 500 mg/50ml	1	
Macrolides		
azithromycin intravenous solution reconstituted 500 mg	1	
azithromycin oral suspension reconstituted 100 mg/5ml, 200 mg/5ml	1	
azithromycin oral tablet 250 mg, 250 mg (6 pack), 500 mg, 500 mg (3 pack), 600 mg	1	
clarithromycin er oral tablet extended release 24 hour 500 mg	1	
clarithromycin oral suspension reconstituted 125 mg/5ml, 250 mg/5ml	1	
clarithromycin oral tablet 250 mg, 500 mg	1	
DIFICID ORAL SUSPENSION RECONSTITUTED 40 MG/ML	1	
ERYTHROCIN LACTOBIONATE INTRAVENOUS SOLUTION RECONSTITUTED 500 MG	1	
erythromycin base oral tablet 250 mg, 500 mg	1	
erythromycin ethylsuccinate oral suspension reconstituted 200 mg/5ml	1	
erythromycin ethylsuccinate oral tablet 400 mg	1	
fidaxomicin oral tablet 200 mg	1	
ZITHROMAX INTRAVENOUS SOLUTION RECONSTITUTED 500 MG	1	
Quinolones		
ciprofloxacin hcl oral tablet 250 mg, 500 mg, 750 mg	1	
ciprofloxacin in d5w intravenous solution 200 mg/100ml	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
levofloxacin in d5w intravenous solution 500 mg/100ml, 750 mg/150ml	1	
levofloxacin intravenous solution 25 mg/ml	1	
levofloxacin oral solution 25 mg/ml	1	
levofloxacin oral tablet 250 mg, 500 mg, 750 mg	1	
moxifloxacin hcl in nacl intravenous solution 400 mg/250ml	1	
moxifloxacin hcl intravenous solution 400 mg/250ml	1	
moxifloxacin hcl oral tablet 400 mg	1	
ofloxacin oral tablet 300 mg, 400 mg	1	
Sulfonamides		
sulfacetamide sodium (acne) external lotion 10 %	1	
sulfadiazine oral tablet 500 mg	1	
sulfamethoxazole-trimethoprim oral suspension 200-40 mg/5ml	1	
sulfamethoxazole-trimethoprim oral tablet 400-80 mg, 800-160 mg	1	
Tetracyclines		
doxy 100 intravenous solution reconstituted 100 mg	1	
doxycycline hyclate intravenous solution reconstituted 100 mg	1	
doxycycline hyclate oral capsule 100 mg, 50 mg	1	
doxycycline hyclate oral tablet 100 mg, 20 mg	1	
doxycycline monohydrate oral capsule 100 mg, 50 mg	1	
doxycycline monohydrate oral tablet 100 mg, 150 mg, 50 mg, 75 mg	1	
minocycline hcl oral capsule 100 mg, 50 mg, 75 mg	1	
minocycline hcl oral tablet 100 mg, 50 mg, 75 mg	1	
tetracycline hcl oral capsule 250 mg, 500 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anticonvulsants - Treatment Of Seizures		
Anticonvulsants, Other		
BRIVIACT ORAL SOLUTION 10 MG/ML	1	QL (600 ML per 30 days)
BRIVIACT ORAL TABLET 10 MG, 100 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
DIACOMIT ORAL CAPSULE 250 MG, 500 MG	1	PA
DIACOMIT ORAL PACKET 250 MG, 500 MG	1	PA
divalproex sodium er oral tablet extended release 24 hour 250 mg, 500 mg	1	
divalproex sodium oral capsule delayed release sprinkle 125 mg	1	
divalproex sodium oral tablet delayed release 125 mg, 250 mg, 500 mg	1	
EPIDIOLEX ORAL SOLUTION 100 MG/ML	1	PA
felbamate oral suspension 600 mg/5ml	1	
felbamate oral tablet 400 mg, 600 mg	1	
FINTEPLA ORAL SOLUTION 2.2 MG/ML	1	PA
FYCOMPA ORAL SUSPENSION 0.5 MG/ML	1	ST; QL (720 ML per 30 days)
lamotrigine er oral tablet extended release 24 hour 100 mg, 200 mg, 25 mg, 250 mg, 300 mg, 50 mg	1	
lamotrigine oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 25 mg	1	
lamotrigine oral tablet chewable 25 mg, 5 mg	1	
lamotrigine starter kit-blue oral kit 35 x 25 mg	1	
lamotrigine starter kit-green oral kit 84 x 25 mg & 14x100 mg	1	
lamotrigine starter kit-orange oral kit 42 x 25 mg & 7 x 100 mg	1	
levetiracetam er oral tablet extended release 24 hour 500 mg, 750 mg	1	
levetiracetam oral solution 100 mg/ml	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
levetiracetam oral tablet 1000 mg, 250 mg, 500 mg, 750 mg	1	
levetiracetam oral tablet disintegrating soluble 250 mg, 500 mg	1	ST; QL (60 EA per 30 days)
perampanel oral suspension 0.5 mg/ml	1	ST; QL (720 ML per 30 days)
perampanel oral tablet 10 mg, 12 mg, 2 mg, 4 mg, 6 mg, 8 mg	1	ST; QL (30 EA per 30 days)
SPRITAM ORAL TABLET DISINTEGRATING SOLUBLE 250 MG, 500 MG	1	ST; QL (60 EA per 30 days)
topiramate oral capsule sprinkle 15 mg, 25 mg, 50 mg	1	
topiramate oral solution 25 mg/ml	1	PA
topiramate oral tablet 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg	1	
valproic acid oral capsule 250 mg	1	
valproic acid oral solution 250 mg/5ml	1	
XCOPRI (250 MG DAILY DOSE) ORAL TABLET THERAPY PACK 100 & 150 MG	1	ST
XCOPRI (350 MG DAILY DOSE) ORAL TABLET THERAPY PACK 150 & 200 MG	1	ST
XCOPRI ORAL TABLET 100 MG, 150 MG, 200 MG, 25 MG, 50 MG	1	ST
XCOPRI ORAL TABLET THERAPY PACK 14 X 12.5 MG & 14 X 25 MG, 14 X 150 MG & 14 X200 MG, 14 X 50 MG & 14 X100 MG	1	ST
Calcium Channel Modifying Agents		
ethosuximide oral capsule 250 mg	1	
ethosuximide oral solution 250 mg/5ml	1	
methsuximide oral capsule 300 mg	1	
Gamma-Aminobutyric Acid (Gaba) Augmenting Agents		
clobazam oral suspension 2.5 mg/ml	1	QL (480 ML per 30 days)
clobazam oral tablet 10 mg, 20 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
diazepam rectal gel 10 mg, 2.5 mg, 20 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
gabapentin oral capsule 100 mg, 400 mg	1	QL (270 EA per 30 days)
gabapentin oral capsule 300 mg	1	QL (360 EA per 30 days)
gabapentin oral solution 250 mg/5ml, 300 mg/6ml	1	QL (2160 ML per 30 days)
gabapentin oral tablet 600 mg	1	QL (180 EA per 30 days)
gabapentin oral tablet 800 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
midazolam intramuscular solution auto-injector 10 mg/0.7ml	1	QL (2.8 ML per 30 days)
NAYZILAM NASAL SOLUTION 5 MG/0.1ML	1	PA; QL (10 EA per 30 days)
phenobarbital oral elixir 20 mg/5ml, 30 mg/7.5ml, 60 mg/15ml	1	PA
phenobarbital oral tablet 100 mg, 15 mg, 16.2 mg, 30 mg, 32.4 mg, 60 mg, 64.8 mg, 97.2 mg	1	PA
pregabalin oral capsule 100 mg, 150 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
pregabalin oral capsule 225 mg, 300 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
pregabalin oral solution 20 mg/ml	1	QL (900 ML per 30 days)
primidone oral tablet 250 mg, 50 mg	1	
SYMPAZAN ORAL FILM 10 MG, 20 MG, 5 MG	1	ST; QL (60 EA per 30 days)
tiagabine hcl oral tablet 12 mg, 16 mg, 2 mg, 4 mg	1	
VALTOCO 10 MG DOSE NASAL LIQUID 10 MG/0.1ML	1	PA; QL (10 EA per 30 days)
VALTOCO 15 MG DOSE NASAL LIQUID THERAPY PACK 2 X 7.5 MG/0.1ML	1	PA; QL (10 EA per 30 days)
VALTOCO 20 MG DOSE NASAL LIQUID THERAPY PACK 2 X 10 MG/0.1ML	1	PA; QL (10 EA per 30 days)
VALTOCO 5 MG DOSE NASAL LIQUID 5 MG/0.1ML	1	PA; QL (10 EA per 30 days)
vigabatrin oral packet 500 mg	1	PA; QL (180 EA per 30 days)
vigabatrin oral tablet 500 mg	1	PA; QL (180 EA per 30 days)
VIGAFYDE ORAL SOLUTION 100 MG/ML	1	PA
ZTALMY ORAL SUSPENSION 50 MG/ML	1	PA
Sodium Channel Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
carbamazepine er oral capsule extended release 12 hour 100 mg, 200 mg, 300 mg	1	
carbamazepine er oral tablet extended release 12 hour 100 mg, 200 mg, 400 mg	1	
carbamazepine oral suspension 100 mg/5ml	1	
carbamazepine oral tablet 200 mg	1	
carbamazepine oral tablet chewable 100 mg, 200 mg	1	
DILANTIN ORAL CAPSULE 30 MG	1	
eslicarbazepine acetate oral tablet 200 mg, 400 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
eslicarbazepine acetate oral tablet 600 mg, 800 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
lacosamide oral solution 10 mg/ml, 100 mg/10ml, 50 mg/5ml	1	QL (1200 ML per 30 days)
lacosamide oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 50 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
oxcarbazepine er oral tablet extended release 24 hour 150 mg, 300 mg, 600 mg	1	
oxcarbazepine oral suspension 300 mg/5ml	1	
oxcarbazepine oral tablet 150 mg, 300 mg, 600 mg	1	
PHENYTEK ORAL CAPSULE 200 MG, 300 MG	1	
phenytoin infatabs oral tablet chewable 50 mg	1	
phenytoin oral suspension 125 mg/5ml	1	
phenytoin oral tablet chewable 50 mg	1	
phenytoin sodium extended oral capsule 100 mg, 200 mg, 300 mg	1	
rufinamide oral suspension 40 mg/ml	1	PA; QL (2400 ML per 30 days)
rufinamide oral tablet 200 mg, 400 mg	1	PA; QL (240 EA per 30 days)
ZONISADE ORAL SUSPENSION 100 MG/5ML	1	ST
zonisamide oral capsule 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antidementia Agents - Management Of Dementia		
Antidementia Agents, Other		
memantine hcl-donepezil hcl er oral capsule extended release 24 hour 14-10 mg, 21-10 mg, 28-10 mg	1	
NAMZARIC ORAL CAPSULE EXTENDED RELEASE 24 HOUR 7-10 MG	1	
Cholinesterase Inhibitors		
donepezil hcl oral tablet 10 mg, 23 mg, 5 mg	1	
donepezil hcl oral tablet dispersible 10 mg, 5 mg	1	
galantamine hydrobromide er oral capsule extended release 24 hour 16 mg, 24 mg, 8 mg	1	
galantamine hydrobromide oral tablet 12 mg, 4 mg, 8 mg	1	
rivastigmine tartrate oral capsule 1.5 mg, 3 mg, 4.5 mg, 6 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
rivastigmine transdermal patch 24 hour 13.3 mg/24hr, 4.6 mg/24hr, 9.5 mg/24hr	1	QL (30 EA per 30 days)
N-Methyl-D-Aspartate (Nmda) Receptor Antagonist		
memantine hcl er oral capsule extended release 24 hour 14 mg, 21 mg, 28 mg, 7 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
memantine hcl oral tablet 10 mg, 28 x 5 mg & 21 x 10 mg, 5 mg	1	
Antidepressants - Treatment Of Depression		
Antidepressants, Other		
AUVELITY ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 45-105 MG	1	PA
bupropion hcl er (sr) oral tablet extended release 12 hour 100 mg, 150 mg, 200 mg	1	
bupropion hcl er (xl) oral tablet extended release 24 hour 150 mg, 300 mg, 450 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
bupropion hcl oral tablet 100 mg, 75 mg	1	
EXXUA ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 18.2 MG, 36.3 MG, 54.5 MG, 72.6 MG	1	ST
EXXUA TITRATION PACK ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 18.2 MG	1	ST
mirtazapine oral tablet 15 mg, 30 mg, 45 mg, 7.5 mg	1	
mirtazapine oral tablet dispersible 15 mg, 30 mg, 45 mg	1	
perphenazine-amitriptyline oral tablet 2-10 mg, 2-25 mg, 4-10 mg, 4-25 mg, 4-50 mg	1	PA
ZURZUVAE ORAL CAPSULE 20 MG, 25 MG, 30 MG	1	PA
Monoamine Oxidase Inhibitors		
EMSAM TRANSDERMAL PATCH 24 HOUR 12 MG/24HR, 6 MG/24HR, 9 MG/24HR	1	PA
MARPLAN ORAL TABLET 10 MG	1	
phenelzine sulfate oral tablet 15 mg	1	
tranylcypromine sulfate oral tablet 10 mg	1	
Ssri/Snri (Selective Serotonin Reuptake Inhibitor/Serotonin And Norepinephrine Reuptake Inhibitor)		
citalopram hydrobromide oral solution 10 mg/5ml	1	
citalopram hydrobromide oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg	1	
desvenlafaxine succinate er oral tablet extended release 24 hour 100 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
desvenlafaxine succinate er oral tablet extended release 24 hour 25 mg, 50 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
escitalopram oxalate oral solution 10 mg/10ml, 5 mg/5ml	1	
escitalopram oxalate oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FETZIMA ORAL CAPSULE EXTENDED RELEASE 24 HOUR 120 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	1	ST; QL (30 EA per 30 days)
FETZIMA TITRATION ORAL CAPSULE ER 24 HOUR THERAPY PACK 20 & 40 MG	1	ST; QL (28 EA per 180 days)
fluoxetine hcl oral capsule 10 mg, 20 mg, 40 mg	1	
fluoxetine hcl oral capsule delayed release 90 mg	1	
fluoxetine hcl oral solution 20 mg/5ml	1	
fluoxetine hcl oral tablet 10 mg, 20 mg, 60 mg	1	
fluvoxamine maleate oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	
nefazodone hcl oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 250 mg, 50 mg	1	
paroxetine hcl er oral tablet extended release 24 hour 12.5 mg, 25 mg, 37.5 mg	1	
paroxetine hcl oral suspension 10 mg/5ml	1	
paroxetine hcl oral tablet 10 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg	1	
RALDESY ORAL SOLUTION 10 MG/ML	1	
sertraline hcl oral concentrate 20 mg/ml	1	
sertraline hcl oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	
trazodone hcl oral tablet 100 mg, 150 mg, 300 mg, 50 mg	1	
TRINTELLIX ORAL TABLET 10 MG, 20 MG, 5 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
venlafaxine hcl er oral capsule extended release 24 hour 150 mg, 37.5 mg, 75 mg	1	
venlafaxine hcl er oral tablet extended release 24 hour 225 mg	1	
venlafaxine hcl oral tablet 100 mg, 25 mg, 37.5 mg, 50 mg, 75 mg	1	
vilazodone hcl oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg	1	
Tricyclics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
amitriptyline hcl oral tablet 10 mg, 100 mg, 150 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg	1	PA
amoxapine oral tablet 100 mg, 150 mg, 25 mg, 50 mg	1	PA
clomipramine hcl oral capsule 25 mg, 50 mg, 75 mg	1	PA
desipramine hcl oral tablet 10 mg, 100 mg, 150 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg	1	
doxepin hcl oral capsule 10 mg, 100 mg, 150 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg	1	
doxepin hcl oral concentrate 10 mg/ml	1	
imipramine hcl oral tablet 10 mg, 25 mg, 50 mg	1	
imipramine pamoate oral capsule 100 mg, 125 mg, 150 mg, 75 mg	1	
nortriptyline hcl oral capsule 10 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg	1	PA
nortriptyline hcl oral solution 10 mg/5ml	1	PA
protriptyline hcl oral tablet 10 mg, 5 mg	1	
trimipramine maleate oral capsule 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	
Antiemetics - Treatment Of Vomiting Or Nausea		
Antiemetics, Other		
chlorpromazine hcl oral concentrate 100 mg/ml, 30 mg/ml	1	
chlorpromazine hcl oral tablet 10 mg, 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg	1	
meclizine hcl oral tablet 12.5 mg, 25 mg	1	
metoclopramide hcl oral solution 5 mg/5ml	1	
metoclopramide hcl oral tablet 10 mg, 5 mg	1	
perphenazine oral tablet 16 mg, 2 mg, 4 mg, 8 mg	1	
prochlorperazine maleate oral tablet 10 mg, 5 mg	1	
prochlorperazine rectal suppository 25 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
promethazine hcl oral tablet 12.5 mg, 25 mg, 50 mg	1	PA
promethazine hcl rectal suppository 12.5 mg, 25 mg	1	PA
promethegan rectal suppository 50 mg	1	PA
scopolamine transdermal patch 72 hour 1 mg/3days	1	
trimethobenzamide hcl oral capsule 300 mg	1	
Emetogenic Therapy Adjuncts		
aprepitant oral capsule 125 mg, 40 mg, 80 & 125 mg, 80 mg	1	B/D
dronabinol oral capsule 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	1	B/D
EMEND ORAL SUSPENSION RECONSTITUTED 125 MG/5ML	1	B/D
granisetron hcl oral tablet 1 mg	1	B/D
ondansetron hcl oral solution 4 mg/5ml	1	B/D
ondansetron hcl oral tablet 24 mg, 4 mg, 8 mg	1	B/D
ondansetron oral tablet dispersible 4 mg, 8 mg	1	B/D
Antifungals - Treatment Of Fungal Or Yeast Infections		
Antifungals		
amphotericin b intravenous solution reconstituted 50 mg	1	B/D
amphotericin b liposome intravenous suspension reconstituted 50 mg	1	B/D
caspofungin acetate intravenous solution reconstituted 50 mg, 70 mg	1	PA
clotrimazole external cream 1 %	1	QL (45 GM per 28 days)
clotrimazole external solution 1 %	1	QL (30 ML per 28 days)
clotrimazole mouth/throat troche 10 mg	1	
CRESEMBA ORAL CAPSULE 186 MG, 74.5 MG	1	PA
econazole nitrate external cream 1 %	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
fluconazole in sodium chloride intravenous solution 200-0.9 mg/100ml-%, 400-0.9 mg/200ml-%	1	
fluconazole oral suspension reconstituted 10 mg/ml, 40 mg/ml	1	
fluconazole oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 50 mg	1	
flucytosine oral capsule 250 mg, 500 mg	1	PA
griseofulvin microsize oral suspension 125 mg/5ml	1	
itraconazole oral capsule 100 mg	1	
itraconazole oral solution 10 mg/ml	1	
ketoconazole external cream 2 %	1	
ketoconazole external shampoo 2 %	1	
ketoconazole oral tablet 200 mg	1	
klayesta external powder 100000 unit/gm	1	
micafungin sodium intravenous solution reconstituted 100 mg, 50 mg	1	
nyamyc external powder 100000 unit/gm	1	
nystatin external cream 100000 unit/gm	1	
nystatin external ointment 100000 unit/gm	1	
nystatin external powder 100000 unit/gm	1	
nystatin mouth/throat suspension 100000 unit/ml	1	
nystatin oral tablet 500000 unit	1	
nystop external powder 100000 unit/gm	1	
posaconazole intravenous solution 300 mg/16.7ml	1	
posaconazole oral suspension 40 mg/ml	1	PA
posaconazole oral tablet delayed release 100 mg	1	PA
terbinafine hcl oral tablet 250 mg	1	
terconazole vaginal cream 0.4 %, 0.8 %	1	
terconazole vaginal suppository 80 mg	1	
voriconazole intravenous solution reconstituted 200 mg	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
voriconazole oral suspension reconstituted 40 mg/ml	1	
voriconazole oral tablet 200 mg, 50 mg	1	
Antigout Agents - Treatment Or Prevention Of Gouty Arthritis		
Antigout Agents		
allopurinol oral tablet 100 mg, 300 mg	1	
colchicine oral capsule 0.6 mg	1	
colchicine oral tablet 0.6 mg	1	
colchicine-probenecid oral tablet 0.5-500 mg	1	
febuxostat oral tablet 40 mg, 80 mg	1	ST
probenecid oral tablet 500 mg	1	
Antimigraine Agents - Treatment Of Migraine Headaches		
Antimigraine Agents		
NURTEC ORAL TABLET DISPERSIBLE 75 MG	1	PA; QL (18 EA per 30 days)
UBRELVY ORAL TABLET 100 MG, 50 MG	1	PA; QL (16 EA per 30 days)
ZAVZPRET NASAL SOLUTION 10 MG/ACT	1	PA; QL (8 EA per 30 days)
Ergot Alkaloids		
dihydroergotamine mesylate nasal solution 4 mg/ml	1	PA; QL (8 ML per 30 days)
ergotamine-caffeine oral tablet 1-100 mg	1	PA
Prophylactic		
AIMOVIG SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 140 MG/ML, 70 MG/ML	1	PA; QL (1 ML per 30 days)
EMGALITY (300 MG DOSE) SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 100 MG/ML	1	PA; QL (3 ML per 30 days)
EMGALITY SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 120 MG/ML	1	PA; QL (2 ML per 30 days)
EMGALITY SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 120 MG/ML	1	PA; QL (2 ML per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
QULIPTA ORAL TABLET 10 MG, 30 MG, 60 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
Serotonin (5-Ht) Receptor Agonist		
naratriptan hcl oral tablet 1 mg, 2.5 mg	1	QL (9 EA per 28 days)
rizatriptan benzoate oral tablet 10 mg, 5 mg	1	QL (12 EA per 30 days)
rizatriptan benzoate oral tablet dispersible 10 mg, 5 mg	1	QL (12 EA per 30 days)
sumatriptan nasal solution 20 mg/act, 5 mg/act	1	QL (12 EA per 30 days)
sumatriptan succinate oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	QL (9 EA per 30 days)
sumatriptan succinate subcutaneous solution 6 mg/0.5ml	1	QL (4 ML per 30 days)
zolmitriptan oral tablet 2.5 mg, 5 mg	1	QL (9 EA per 28 days)
zolmitriptan oral tablet dispersible 2.5 mg, 5 mg	1	QL (9 EA per 28 days)
Antimyasthenic Agents - Treatment Of Myasthenia		
Parasympathomimetics		
pyridostigmine bromide er oral tablet extended release 180 mg	1	
pyridostigmine bromide er oral tablet extended release 24 hour 105 mg	1	
pyridostigmine bromide oral tablet 60 mg	1	
Antimycobacterials - Treatment For Infections By Tuberculosis-Type Organisms		
Antimycobacterials, Other		
dapsone oral tablet 100 mg, 25 mg	1	
rifabutin oral capsule 150 mg	1	
Antituberculars		
ethambutol hcl oral tablet 100 mg, 400 mg	1	
isoniazid oral tablet 100 mg, 300 mg	1	
pretomanid oral tablet 200 mg	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRIFTIN ORAL TABLET 150 MG	1	
pyrazinamide oral tablet 500 mg	1	
rifampin intravenous solution reconstituted 600 mg	1	
rifampin oral capsule 150 mg, 300 mg	1	
SIRTURO ORAL TABLET 100 MG, 20 MG	1	PA
Antineoplastics - Treatment Of Cancer		
Alkylating Agents		
cyclophosphamide oral capsule 25 mg, 50 mg	1	B/D
cyclophosphamide oral tablet 25 mg, 50 mg	1	B/D
LEUKERAN ORAL TABLET 2 MG	1	PA
lomustine oral capsule 10 mg, 100 mg, 40 mg	1	
MATULANE ORAL CAPSULE 50 MG	1	
VALCHLOR EXTERNAL GEL 0.016 %	1	PA
Antiandrogens		
abiraterone acetate oral tablet 250 mg, 500 mg	1	PA
ABIRTEGA ORAL TABLET 250 MG	1	PA; QL (120 EA per 30 days)
bicalutamide oral tablet 50 mg	1	
ERLEADA ORAL TABLET 240 MG, 60 MG	1	PA
EULEXIN ORAL CAPSULE 125 MG	1	PA
nilutamide oral tablet 150 mg	1	PA
NUBEQA ORAL TABLET 300 MG	1	PA
XTANDI ORAL CAPSULE 40 MG	1	PA
XTANDI ORAL TABLET 40 MG, 80 MG	1	PA
YONSA ORAL TABLET 125 MG	1	PA
Antiangiogenic Agents		
lenalidomide oral capsule 10 mg, 15 mg, 2.5 mg, 20 mg, 25 mg, 5 mg	1	PA
POMALYST ORAL CAPSULE 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG	1	PA
REVLIMID ORAL CAPSULE 10 MG, 15 MG, 2.5 MG, 20 MG, 25 MG, 5 MG	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
THALOMID ORAL CAPSULE 100 MG, 50 MG	1	PA
Antiestrogens/Modifiers		
SOLTAMOX ORAL SOLUTION 10 MG/5ML	1	PA
tamoxifen citrate oral tablet 10 mg, 20 mg	1	
toremifene citrate oral tablet 60 mg	1	PA
Antimetabolites		
DROXIA ORAL CAPSULE 200 MG, 300 MG, 400 MG	1	
hydroxyurea oral capsule 500 mg	1	
INQOVI ORAL TABLET 35-100 MG	1	PA
mercaptopurine oral suspension 2000 mg/100ml	1	PA
mercaptopurine oral tablet 50 mg	1	
ONUREG ORAL TABLET 200 MG, 300 MG	1	PA
SIKLOS ORAL TABLET 100 MG, 1000 MG	1	
TABLOID ORAL TABLET 40 MG	1	PA
XROMI ORAL SOLUTION 100 MG/ML	1	
Antineoplastics, Other		
AKEEGA ORAL TABLET 100-500 MG, 50-500 MG	1	PA
AVMAPKI FAKZYNJA CO-PACK ORAL THERAPY PACK 0.8 & 200 MG	1	PA; QL (66 EA per 28 days)
BESREMI SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 500 MCG/ML	1	PA
DANZITEN ORAL TABLET 71 MG, 95 MG	1	PA
GOMEKLI ORAL CAPSULE 1 MG, 2 MG	1	PA
GOMEKLI ORAL TABLET SOLUBLE 1 MG	1	PA
IDHIFA ORAL TABLET 100 MG, 50 MG	1	PA
INLURIYO ORAL TABLET 200 MG	1	PA
IWILFIN ORAL TABLET 192 MG	1	PA
JYLAMVO ORAL SOLUTION 2 MG/ML	1	PA
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) ORAL TABLET THERAPY PACK 200 & 2.5 MG	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) ORAL TABLET THERAPY PACK 200 & 2.5 MG	1	PA
KOMZIFTI ORAL CAPSULE 200 MG	1	PA
KRAZATI ORAL TABLET 200 MG	1	PA
LAZCLUZE ORAL TABLET 240 MG, 80 MG	1	PA
LONSURF ORAL TABLET 15-6.14 MG, 20-8.19 MG	1	PA
LUMAKRAS ORAL TABLET 120 MG, 240 MG, 320 MG	1	PA
LYSODREN ORAL TABLET 500 MG	1	
MODEYSO ORAL CAPSULE 125 MG	1	PA; QL (20 EA per 28 days)
NINLARO ORAL CAPSULE 2.3 MG, 3 MG, 4 MG	1	PA
OJJAARA ORAL TABLET 100 MG, 150 MG, 200 MG	1	PA
ORSERDU ORAL TABLET 345 MG, 86 MG	1	PA
REVUFORJ ORAL TABLET 110 MG, 160 MG, 25 MG	1	PA
REZLIDHIA ORAL CAPSULE 150 MG	1	PA
ROMVIMZA ORAL CAPSULE 14 MG, 20 MG, 30 MG	1	PA; QL (8 EA per 28 days)
RYLAZE INTRAMUSCULAR SOLUTION 10 MG/0.5ML	1	PA
TIBSOVO ORAL TABLET 250 MG	1	PA
VORANIGO ORAL TABLET 10 MG, 40 MG	1	PA
WELIREG ORAL TABLET 40 MG	1	PA
XATMEP ORAL SOLUTION 2.5 MG/ML	1	PA
XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) ORAL TABLET THERAPY PACK 50 MG	1	PA
XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) ORAL TABLET THERAPY PACK 10 MG, 40 MG	1	PA
XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) ORAL TABLET THERAPY PACK 40 MG	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) ORAL TABLET THERAPY PACK 60 MG	1	PA
XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) ORAL TABLET THERAPY PACK 20 MG	1	PA
XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) ORAL TABLET THERAPY PACK 40 MG	1	PA
XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) ORAL TABLET THERAPY PACK 20 MG	1	PA
ZOLINZA ORAL CAPSULE 100 MG	1	PA
Aromatase Inhibitors, 3Rd Generation		
anastrozole oral tablet 1 mg	1	
exemestane oral tablet 25 mg	1	
letrozole oral tablet 2.5 mg	1	
Molecular Target Inhibitors		
ALECENSA ORAL CAPSULE 150 MG	1	PA
ALUNBRIG ORAL TABLET 180 MG, 30 MG, 90 MG	1	PA
ALUNBRIG ORAL TABLET THERAPY PACK 90 & 180 MG	1	PA
AUGTYRO ORAL CAPSULE 160 MG, 40 MG	1	PA
AYVAKIT ORAL TABLET 100 MG, 200 MG, 25 MG, 300 MG, 50 MG	1	PA
BALVERSA ORAL TABLET 3 MG, 4 MG, 5 MG	1	PA
BOSULIF ORAL CAPSULE 100 MG, 50 MG	1	PA
BOSULIF ORAL TABLET 100 MG, 400 MG, 500 MG	1	PA
BRAFTOVI ORAL CAPSULE 75 MG	1	PA
BRUKINSA ORAL CAPSULE 80 MG	1	PA
BRUKINSA ORAL TABLET 160 MG	1	PA
CABOMETYX ORAL TABLET 20 MG, 40 MG, 60 MG	1	PA
CALQUENCE ORAL TABLET 100 MG	1	PA
CAPRELSA ORAL TABLET 100 MG, 300 MG	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) ORAL KIT 80 & 20 MG	1	PA
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) ORAL KIT 3 X 20 MG & 80 MG	1	PA
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) ORAL KIT 20 MG	1	PA
COPIKTRA ORAL CAPSULE 15 MG, 25 MG	1	PA
COTELLIC ORAL TABLET 20 MG	1	PA
dasatinib oral tablet 100 mg, 140 mg, 20 mg, 50 mg, 70 mg, 80 mg	1	PA
DAURISMO ORAL TABLET 100 MG, 25 MG	1	PA
ENSACOVE ORAL CAPSULE 100 MG, 25 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
ERIVEDGE ORAL CAPSULE 150 MG	1	PA
erlotinib hcl oral tablet 100 mg, 150 mg, 25 mg	1	PA
everolimus oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg, 7.5 mg	1	PA
everolimus oral tablet soluble 2 mg, 3 mg, 5 mg	1	PA
FOTIVDA ORAL CAPSULE 0.89 MG, 1.34 MG	1	PA
FRUZAQLA ORAL CAPSULE 1 MG, 5 MG	1	PA
GAVRETO ORAL CAPSULE 100 MG	1	PA
gefitinib oral tablet 250 mg	1	PA
GILOTRIF ORAL TABLET 20 MG, 30 MG, 40 MG	1	PA
HERNEXEOS ORAL TABLET 60 MG	1	PA; QL (90 EA per 30 days)
HYRNUO ORAL TABLET 10 MG	1	PA; QL (120 EA per 30 days)
IBRANCE ORAL CAPSULE 100 MG, 125 MG, 75 MG	1	PA
IBRANCE ORAL TABLET 100 MG, 125 MG, 75 MG	1	PA
IBTROZI ORAL CAPSULE 200 MG	1	PA
ICLUSIG ORAL TABLET 10 MG, 15 MG, 30 MG, 45 MG	1	PA
imatinib mesylate oral tablet 100 mg, 400 mg	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IMBRUVICA ORAL CAPSULE 140 MG, 70 MG	1	PA
IMBRUVICA ORAL SUSPENSION 70 MG/ML	1	PA
IMBRUVICA ORAL TABLET 140 MG, 280 MG, 420 MG	1	PA
IMKELDI ORAL SOLUTION 80 MG/ML	1	PA
INLYTA ORAL TABLET 1 MG, 5 MG	1	PA
INREBIC ORAL CAPSULE 100 MG	1	PA
ITOVEBI ORAL TABLET 3 MG, 9 MG	1	PA
JAKAFI ORAL TABLET 10 MG, 15 MG, 20 MG, 25 MG, 5 MG	1	PA
JAYPIRCA ORAL TABLET 100 MG, 50 MG	1	PA
KISQALI (200 MG DOSE) ORAL TABLET THERAPY PACK 200 MG	1	PA
KISQALI (400 MG DOSE) ORAL TABLET THERAPY PACK 200 MG	1	PA
KISQALI (600 MG DOSE) ORAL TABLET THERAPY PACK 200 MG	1	PA
KOSELUGO ORAL CAPSULE 10 MG, 25 MG	1	PA
KOSELUGO ORAL CAPSULE SPRINKLE 5 MG, 7.5 MG	1	PA
lapatinib ditosylate oral tablet 250 mg	1	PA
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) ORAL CAPSULE THERAPY PACK 10 MG	1	PA
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) ORAL CAPSULE THERAPY PACK 3 X 4 MG	1	PA
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) ORAL CAPSULE THERAPY PACK 10 & 4 MG	1	PA
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) ORAL CAPSULE THERAPY PACK 10 MG & 2 X 4 MG	1	PA
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) ORAL CAPSULE THERAPY PACK 2 X 10 MG	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) ORAL CAPSULE THERAPY PACK 2 X 10 MG & 4 MG	1	PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ORAL CAPSULE THERAPY PACK 4 MG	1	PA
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ORAL CAPSULE THERAPY PACK 2 X 4 MG	1	PA
LORBRENA ORAL TABLET 100 MG, 25 MG	1	PA
LYNPARZA ORAL TABLET 100 MG, 150 MG	1	PA
LYTGOBI (12 MG DAILY DOSE) ORAL TABLET THERAPY PACK 4 MG	1	PA
LYTGOBI (16 MG DAILY DOSE) ORAL TABLET THERAPY PACK 4 MG	1	PA
LYTGOBI (20 MG DAILY DOSE) ORAL TABLET THERAPY PACK 4 MG	1	PA
MEKINIST ORAL SOLUTION RECONSTITUTED 0.05 MG/ML	1	PA
MEKINIST ORAL TABLET 0.5 MG, 2 MG	1	PA
MEKTOVI ORAL TABLET 15 MG	1	PA
NERLYNX ORAL TABLET 40 MG	1	PA
nilotinib d-tartrate oral capsule 150 mg, 200 mg, 50 mg	1	PA
nilotinib hcl oral capsule 150 mg, 200 mg, 50 mg	1	PA
ODOMZO ORAL CAPSULE 200 MG	1	PA
OGSIVEO ORAL TABLET 100 MG, 150 MG	1	PA
OJEMDA ORAL SUSPENSION RECONSTITUTED 25 MG/ML	1	PA
OJEMDA ORAL TABLET 100 MG, 100 MG (16 PACK), 100 MG (24 PACK)	1	PA
pazopanib hcl oral tablet 200 mg, 400 mg	1	PA
PEMAZYRE ORAL TABLET 13.5 MG, 4.5 MG, 9 MG	1	PA
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) ORAL TABLET THERAPY PACK 200 MG	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) ORAL TABLET THERAPY PACK 200 & 50 MG	1	PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) ORAL TABLET THERAPY PACK 2 X 150 MG	1	PA
QINLOCK ORAL TABLET 50 MG	1	PA
RETEVMO ORAL TABLET 120 MG, 160 MG, 40 MG, 80 MG	1	PA
ROZLYTREK ORAL CAPSULE 100 MG, 200 MG	1	PA
ROZLYTREK ORAL PACKET 50 MG	1	PA
RUBRACA ORAL TABLET 200 MG, 250 MG, 300 MG	1	PA
RYDAPT ORAL CAPSULE 25 MG	1	PA
SCEMBLIX ORAL TABLET 100 MG, 20 MG, 40 MG	1	PA
sorafenib tosylate oral tablet 200 mg	1	PA
STIVARGA ORAL TABLET 40 MG	1	PA
sunitinib malate oral capsule 12.5 mg, 25 mg, 37.5 mg, 50 mg	1	PA
TABRECTA ORAL TABLET 150 MG, 200 MG	1	PA
TAFINLAR ORAL CAPSULE 50 MG, 75 MG	1	PA
TAFINLAR ORAL TABLET SOLUBLE 10 MG	1	PA
TAGRISSO ORAL TABLET 40 MG, 80 MG	1	PA
TALZENNA ORAL CAPSULE 0.1 MG, 0.25 MG, 0.35 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	1	PA
TAZVERIK ORAL TABLET 200 MG	1	PA
TEPMETKO ORAL TABLET 225 MG	1	PA
TRUQAP ORAL TABLET 200 MG	1	PA
TRUQAP ORAL TABLET THERAPY PACK 160 MG, 200 MG	1	PA
TUKYSA ORAL TABLET 150 MG, 50 MG	1	PA
TURALIO ORAL CAPSULE 125 MG	1	PA
VANFLYTA ORAL TABLET 17.7 MG, 26.5 MG	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VENCLEXTA ORAL TABLET 10 MG, 100 MG, 50 MG	1	PA
VENCLEXTA STARTING PACK ORAL TABLET THERAPY PACK 10 & 50 & 100 MG	1	PA
VERZENIO ORAL TABLET 100 MG, 150 MG, 200 MG, 50 MG	1	PA
VIJOICE ORAL PACKET 50 MG	1	PA
VIJOICE ORAL TABLET THERAPY PACK 125 MG, 200 & 50 MG, 50 MG	1	PA
VITRAKVI ORAL CAPSULE 100 MG, 25 MG	1	PA
VITRAKVI ORAL SOLUTION 20 MG/ML	1	PA
VIZIMPRO ORAL TABLET 15 MG, 30 MG, 45 MG	1	PA
VONJO ORAL CAPSULE 100 MG	1	PA
XALKORI ORAL CAPSULE 200 MG, 250 MG	1	PA
XALKORI ORAL CAPSULE SPRINKLE 150 MG, 20 MG, 50 MG	1	PA
XOSPATA ORAL TABLET 40 MG	1	PA
ZEJULA ORAL TABLET 100 MG, 200 MG, 300 MG	1	PA
ZELBORAF ORAL TABLET 240 MG	1	PA
ZYDELIG ORAL TABLET 100 MG, 150 MG	1	PA
ZYKADIA ORAL TABLET 150 MG	1	PA
Retinoids		
bexarotene external gel 1 %	1	PA
bexarotene oral capsule 75 mg	1	PA
PANRETIN EXTERNAL GEL 0.1 %	1	PA
tretinoin oral capsule 10 mg	1	PA
Treatment Adjuncts		
lederle leucovorin oral tablet 5 mg	1	
leucovorin calcium oral tablet 10 mg, 15 mg, 25 mg, 5 mg	1	
mesna oral tablet 400 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antiparasitics - Treatment Of Infections From Parasites		
Anthelmintics		
albendazole oral tablet 200 mg	1	
ivermectin oral tablet 3 mg	1	
praziquantel oral tablet 600 mg	1	
Antiprotozoals		
atovaquone oral suspension 750 mg/5ml	1	
atovaquone-proguanil hcl oral tablet 250-100 mg, 62.5-25 mg	1	
chloroquine phosphate oral tablet 250 mg, 500 mg	1	
COARTEM ORAL TABLET 20-120 MG	1	
hydroxychloroquine sulfate oral tablet 100 mg, 200 mg, 300 mg, 400 mg	1	
IMPAVIDO ORAL CAPSULE 50 MG	1	PA; QL (84 EA per 28 days)
mefloquine hcl oral tablet 250 mg	1	
nitazoxanide oral tablet 500 mg	1	
pentamidine isethionate inhalation solution reconstituted 300 mg	1	B/D
pentamidine isethionate injection solution reconstituted 300 mg	1	
primaquine phosphate oral tablet 26.3 (15 base) mg	1	
pyrimethamine oral tablet 25 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
quinine sulfate oral capsule 324 mg	1	
Antiparkinson Agents - Treatment Of Parkinson's Disease		
Anticholinergics		
benztropine mesylate oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 2 mg	1	PA
trihexyphenidyl hcl oral solution 0.4 mg/ml	1	
trihexyphenidyl hcl oral tablet 2 mg, 5 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antiparkinson Agents, Other		
amantadine hcl oral capsule 100 mg	1	
amantadine hcl oral solution 50 mg/5ml	1	
amantadine hcl oral tablet 100 mg	1	
carbidopa-levodopa-entacapone oral tablet 12.5-50-200 mg, 18.75-75-200 mg, 25-100-200 mg, 31.25-125-200 mg, 37.5-150-200 mg, 50-200-200 mg	1	
entacapone oral tablet 200 mg	1	
GOCOVRI ORAL CAPSULE EXTENDED RELEASE 24 HOUR 137 MG, 68.5 MG	1	PA
ONGENTYS ORAL CAPSULE 25 MG, 50 MG	1	ST
Dopamine Agonists		
apomorphine hcl subcutaneous solution cartridge 30 mg/3ml	1	PA
bromocriptine mesylate oral capsule 5 mg	1	
bromocriptine mesylate oral tablet 2.5 mg	1	
NEUPRO TRANSDERMAL PATCH 24 HOUR 1 MG/24HR, 2 MG/24HR, 3 MG/24HR, 4 MG/24HR, 6 MG/24HR, 8 MG/24HR	1	
pramipexole dihydrochloride er oral tablet extended release 24 hour 0.375 mg, 0.75 mg, 1.5 mg, 2.25 mg, 3 mg, 3.75 mg, 4.5 mg	1	
pramipexole dihydrochloride oral tablet 0.125 mg, 0.25 mg, 0.5 mg, 0.75 mg, 1 mg, 1.5 mg	1	
ropinirole hcl er oral tablet extended release 24 hour 12 mg, 2 mg, 4 mg, 6 mg, 8 mg	1	
ropinirole hcl oral tablet 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg, 2 mg, 3 mg, 4 mg, 5 mg	1	
Dopamine Precursors And/Or L-Amino Acid Decarboxylase Inhibitors		
carbidopa oral tablet 25 mg	1	
carbidopa-levodopa er oral tablet extended release 25-100 mg, 50-200 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
carbidopa-levodopa oral tablet 10-100 mg, 25-100 mg, 25-250 mg	1	
carbidopa-levodopa oral tablet dispersible 10-100 mg, 25-100 mg, 25-250 mg	1	
Monoamine Oxidase B (Mao-B) Inhibitors		
rasagiline mesylate oral tablet 0.5 mg, 1 mg	1	
selegiline hcl oral capsule 5 mg	1	
selegiline hcl oral tablet 5 mg	1	
Antipsychotics - Treatment Of Behavioral And Emotional Disorders		
1St Generation/Typical		
fluphenazine decanoate injection solution 25 mg/ml	1	
fluphenazine hcl injection solution 2.5 mg/ml	1	
fluphenazine hcl oral concentrate 5 mg/ml	1	
fluphenazine hcl oral elixir 2.5 mg/5ml	1	
fluphenazine hcl oral tablet 1 mg, 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	1	
haloperidol decanoate intramuscular solution 100 mg/ml, 100 mg/ml 1 ml, 50 mg/ml, 50 mg/ml(1ml)	1	
haloperidol lactate injection solution 5 mg/ml	1	
haloperidol lactate oral concentrate 2 mg/ml	1	
haloperidol oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 10 mg, 2 mg, 20 mg, 5 mg	1	
loxapine succinate oral capsule 10 mg, 25 mg, 5 mg, 50 mg	1	
molindone hcl oral tablet 10 mg, 25 mg, 5 mg	1	
pimozide oral tablet 1 mg, 2 mg	1	
thioridazine hcl oral tablet 10 mg, 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	
thiothixene oral capsule 1 mg, 10 mg, 2 mg, 5 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
trifluoperazine hcl oral tablet 1 mg, 10 mg, 2 mg, 5 mg	1	
2Nd Generation/Atypical		
ABILIFY ASIMTUFII INTRAMUSCULAR PREFILLED SYRINGE 720 MG/2.4ML	1	QL (2.4 ML per 56 days)
ABILIFY ASIMTUFII INTRAMUSCULAR PREFILLED SYRINGE 960 MG/3.2ML	1	QL (3.2 ML per 56 days)
ABILIFY MAINTENA INTRAMUSCULAR PREFILLED SYRINGE 300 MG, 400 MG	1	QL (1 EA per 28 days)
ABILIFY MAINTENA INTRAMUSCULAR SUSPENSION RECONSTITUTED ER 300 MG, 400 MG	1	QL (1 EA per 28 days)
aripiprazole oral solution 1 mg/ml	1	QL (900 ML per 30 days)
aripiprazole oral tablet 10 mg, 15 mg, 2 mg, 20 mg, 30 mg, 5 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
aripiprazole oral tablet dispersible 10 mg, 15 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
ARISTADA INITIO INTRAMUSCULAR PREFILLED SYRINGE 675 MG/2.4ML	1	PA; QL (4.8 ML per 365 days)
ARISTADA INTRAMUSCULAR PREFILLED SYRINGE 1064 MG/3.9ML	1	PA; QL (3.9 ML per 56 days)
ARISTADA INTRAMUSCULAR PREFILLED SYRINGE 441 MG/1.6ML	1	PA; QL (1.6 ML per 28 days)
ARISTADA INTRAMUSCULAR PREFILLED SYRINGE 662 MG/2.4ML	1	PA; QL (2.4 ML per 28 days)
ARISTADA INTRAMUSCULAR PREFILLED SYRINGE 882 MG/3.2ML	1	PA; QL (3.2 ML per 28 days)
asenapine maleate sublingual tablet sublingual 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
CAPLYTA ORAL CAPSULE 10.5 MG, 21 MG, 42 MG	1	PA
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 117 MG/0.75ML	1	PA; QL (0.75 ML per 28 days)
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 156 MG/ML	1	PA; QL (1 ML per 28 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 234 MG/1.5ML	1	PA; QL (1.5 ML per 28 days)
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 351 MG/2.25ML	1	PA; QL (2.25 ML per 28 days)
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 39 MG/0.25ML	1	PA; QL (0.25 ML per 28 days)
ERZOFRI INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 78 MG/0.5ML	1	PA; QL (0.5 ML per 28 days)
FANAPT ORAL TABLET 1 MG, 10 MG, 12 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG, 8 MG	1	PA; QL (60 EA per 30 days)
FANAPT TITRATION PACK A ORAL TABLET 1 & 2 & 4 & 6 MG	1	PA; QL (8 EA per 180 days)
FANAPT TITRATION PACK B ORAL TABLET 1 & 2 & 6 & 8 MG	1	PA; QL (12 EA per 180 days)
FANAPT TITRATION PACK C ORAL TABLET 1 & 2 & 6 MG	1	PA; QL (8 EA per 180 days)
INVEGA HAFYERA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 1092 MG/3.5ML	1	QL (3.5 ML per 180 days)
INVEGA HAFYERA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 1560 MG/5ML	1	QL (5 ML per 180 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 117 MG/0.75ML	1	QL (0.75 ML per 28 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 156 MG/ML	1	QL (1 ML per 28 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 234 MG/1.5ML	1	QL (1.5 ML per 28 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 39 MG/0.25ML	1	QL (0.25 ML per 28 days)
INVEGA SUSTENNA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 78 MG/0.5ML	1	QL (0.5 ML per 28 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INVEGA TRINZA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 273 MG/0.88ML	1	QL (0.88 ML per 84 days)
INVEGA TRINZA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 410 MG/1.32ML	1	QL (1.32 ML per 84 days)
INVEGA TRINZA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 546 MG/1.75ML	1	QL (1.75 ML per 84 days)
INVEGA TRINZA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 819 MG/2.63ML	1	QL (2.63 ML per 84 days)
lurasidone hcl oral tablet 120 mg, 20 mg, 40 mg, 60 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
lurasidone hcl oral tablet 80 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
LYBALVI ORAL TABLET 10-10 MG, 15-10 MG, 20-10 MG, 5-10 MG	1	PA
NUPLAZID ORAL CAPSULE 34 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
NUPLAZID ORAL TABLET 10 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
olanzapine intramuscular solution reconstituted 10 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
olanzapine oral tablet 10 mg, 15 mg, 2.5 mg, 20 mg, 5 mg, 7.5 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
olanzapine oral tablet dispersible 10 mg, 15 mg, 20 mg, 5 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
OPIPZA ORAL FILM 10 MG, 5 MG	1	PA; QL (90 EA per 30 days)
OPIPZA ORAL FILM 2 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
paliperidone er oral tablet extended release 24 hour 1.5 mg, 3 mg, 9 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
paliperidone er oral tablet extended release 24 hour 6 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
PERSERIS SUBCUTANEOUS PREFILLED SYRINGE 120 MG, 90 MG	1	PA; QL (1 EA per 28 days)
quetiapine fumarate er oral tablet extended release 24 hour 150 mg, 200 mg	1	QL (30 EA per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
quetiapine fumarate er oral tablet extended release 24 hour 300 mg, 400 mg, 50 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
quetiapine fumarate oral tablet 100 mg, 150 mg, 200 mg, 300 mg, 400 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
quetiapine fumarate oral tablet 25 mg, 50 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
REXULTI ORAL TABLET 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
risperidone microspheres er intramuscular suspension reconstituted er 12.5 mg, 25 mg, 37.5 mg, 50 mg	1	QL (2 EA per 28 days)
risperidone oral solution 1 mg/ml	1	QL (360 ML per 30 days)
risperidone oral tablet 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg, 2 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
risperidone oral tablet 3 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
risperidone oral tablet 4 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
risperidone oral tablet dispersible 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg, 2 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
risperidone oral tablet dispersible 3 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
risperidone oral tablet dispersible 4 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
RYKINDO INTRAMUSCULAR SUSPENSION RECONSTITUTED ER 25 MG, 37.5 MG, 50 MG	1	PA; QL (2 EA per 28 days)
SECUADO TRANSDERMAL PATCH 24 HOUR 3.8 MG/24HR, 5.7 MG/24HR, 7.6 MG/24HR	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 100 MG/0.28ML	1	PA; QL (0.28 ML per 28 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 125 MG/0.35ML	1	PA; QL (0.35 ML per 28 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 150 MG/0.42ML	1	PA; QL (0.42 ML per 56 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 200 MG/0.56ML	1	PA; QL (0.56 ML per 56 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 250 MG/0.7ML	1	PA; QL (0.7 ML per 56 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 50 MG/0.14ML	1	PA; QL (0.14 ML per 28 days)
UZEDY SUBCUTANEOUS SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 75 MG/0.21ML	1	PA; QL (0.21 ML per 28 days)
VRAYLAR ORAL CAPSULE 1.5 MG, 3 MG, 4.5 MG, 6 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
ziprasidone hcl oral capsule 20 mg, 40 mg, 60 mg, 80 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
ziprasidone mesylate intramuscular solution reconstituted 20 mg	1	QL (6 EA per 3 days)
Treatment-Resistant		
clozapine oral tablet 100 mg	1	QL (270 EA per 30 days)
clozapine oral tablet 200 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
clozapine oral tablet 25 mg, 50 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
clozapine oral tablet dispersible 100 mg	1	QL (270 EA per 30 days)
clozapine oral tablet dispersible 12.5 mg	1	
clozapine oral tablet dispersible 150 mg	1	QL (180 EA per 30 days)
clozapine oral tablet dispersible 200 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
clozapine oral tablet dispersible 25 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
VERSACLOZ ORAL SUSPENSION 50 MG/ML	1	QL (600 ML per 30 days)
Antispasticity Agents - Treatment Of Muscle Spasms		
Antispasticity Agents		
baclofen oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg	1	
dantrolene sodium oral capsule 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	
tizanidine hcl oral tablet 2 mg, 4 mg	1	
Antivirals - Treatment Of Infections By Viruses		
Anti-Cytomegalovirus (Cmv) Agents		
LIVTENCITY ORAL TABLET 200 MG	1	PA
PREVYMIS ORAL PACKET 120 MG, 20 MG	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PREVYMIS ORAL TABLET 240 MG, 480 MG	1	PA
valganciclovir hcl oral solution reconstituted 50 mg/ml	1	
valganciclovir hcl oral tablet 450 mg	1	
Anti-Hepatitis B (Hbv) Agents		
adefovir dipivoxil oral tablet 10 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
BARACLUDE ORAL SOLUTION 0.05 MG/ML	1	
entecavir oral tablet 0.5 mg, 1 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
lamivudine oral solution 10 mg/ml, 300 mg/30ml	1	QL (960 ML per 30 days)
lamivudine oral tablet 100 mg, 300 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
lamivudine oral tablet 150 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
tenofovir disoproxil fumarate oral tablet 300 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
VEMLIDY ORAL TABLET 25 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
VIREAD ORAL POWDER 40 MG/GM	1	QL (240 GM per 30 days)
VIREAD ORAL TABLET 150 MG, 200 MG, 250 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
Anti-Hepatitis C (Hcv) Agents		
MAVYRET ORAL PACKET 50-20 MG	1	PA
MAVYRET ORAL TABLET 100-40 MG	1	PA
ribavirin oral capsule 200 mg	1	
ribavirin oral tablet 200 mg	1	
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR ORAL TABLET 400-100 MG	1	PA
VOSEVI ORAL TABLET 400-100-100 MG	1	PA
Antiherpetic Agents		
acyclovir oral capsule 200 mg	1	
acyclovir oral suspension 200 mg/5ml	1	
acyclovir oral tablet 400 mg, 800 mg	1	
acyclovir sodium intravenous solution 50 mg/ml	1	B/D
famciclovir oral tablet 125 mg, 250 mg, 500 mg	1	
trifluridine ophthalmic solution 1 %	1	
valacyclovir hcl oral tablet 1 gm, 500 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anti-Hiv Agents, Integrase Inhibitors (Insti)		
ISENTRESS HD ORAL TABLET 600 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
ISENTRESS ORAL PACKET 100 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
ISENTRESS ORAL TABLET 400 MG	1	QL (120 EA per 30 days)
ISENTRESS ORAL TABLET CHEWABLE 100 MG, 25 MG	1	QL (180 EA per 30 days)
TIVICAY ORAL TABLET 50 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
TIVICAY PD ORAL TABLET SOLUBLE 5 MG	1	QL (180 EA per 30 days)
Anti-Hiv Agents, Non-Nucleoside Reverse Transcriptase Inhibitors (Nnrti)		
EDURANT ORAL TABLET 25 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
EDURANT PED ORAL TABLET SOLUBLE 2.5 MG	1	QL (180 EA per 30 days)
efavirenz oral tablet 600 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
etravirine oral tablet 100 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
etravirine oral tablet 200 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
INTELENCE ORAL TABLET 25 MG	1	QL (120 EA per 30 days)
nevirapine er oral tablet extended release 24 hour 400 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
nevirapine oral suspension 50 mg/5ml	1	QL (1200 ML per 30 days)
nevirapine oral tablet 200 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
PIFELTRO ORAL TABLET 100 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
Anti-Hiv Agents, Nucleoside And Nucleotide Reverse Transcriptase Inhibitors (Nrti)		
abacavir sulfate oral solution 20 mg/ml	1	QL (960 ML per 30 days)
abacavir sulfate oral tablet 300 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
abacavir sulfate-lamivudine oral tablet 600-300 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
CIMDUO ORAL TABLET 300-300 MG	1	QL (30 EA per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DESCOVY ORAL TABLET 120-15 MG, 200-25 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
emtricitabine oral capsule 200 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
emtricitabine-tenofovir df oral tablet 100-150 mg, 133-200 mg, 167-250 mg, 200-300 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
EMTRIVA ORAL SOLUTION 10 MG/ML	1	
lamivudine-zidovudine oral tablet 150-300 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
zidovudine oral capsule 100 mg	1	QL (180 EA per 30 days)
zidovudine oral syrup 50 mg/5ml	1	QL (1920 ML per 30 days)
zidovudine oral tablet 300 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
Anti-Hiv Agents, Other		
BIKTARVY ORAL TABLET 30-120-15 MG, 50-200-25 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
DELSTRIGO ORAL TABLET 100-300-300 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
DOVATO ORAL TABLET 50-300 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
efavirenz-emtricitab-tenofo df oral tablet 600-200-300 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
efavirenz-lamivudine-tenofovir oral tablet 400-300-300 mg, 600-300-300 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
emtricitab-rilpivir-tenofov df oral tablet 200-25-300 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
EVOTAZ ORAL TABLET 300-150 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
GENVOYA ORAL TABLET 150-150-200-10 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
JULUCA ORAL TABLET 50-25 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
maraviroc oral tablet 150 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
maraviroc oral tablet 300 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
ODEFSEY ORAL TABLET 200-25-25 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
PREZCOBIX ORAL TABLET 675-150 MG, 800-150 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
RUKOBIA ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 12 HOUR 600 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
SELZENTRY ORAL SOLUTION 20 MG/ML	1	QL (1840 ML per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
STRIBILD ORAL TABLET 150-150-200-300 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
SUNLENCA ORAL TABLET 300 MG	1	QL (10 EA per 365 days)
SUNLENCA ORAL TABLET THERAPY PACK 4 X 300 MG	1	QL (8 EA per 365 days)
SUNLENCA ORAL TABLET THERAPY PACK 5 X 300 MG	1	QL (10 EA per 365 days)
SUNLENCA SUBCUTANEOUS SOLUTION 463.5 MG/1.5ML	1	QL (6 ML per 365 days)
SYMTUZA ORAL TABLET 800-150-200-10 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
TRIUMEQ ORAL TABLET 600-50-300 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
TRIUMEQ PD ORAL TABLET SOLUBLE 60-5-30 MG	1	QL (180 EA per 30 days)
TYBOST ORAL TABLET 150 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
Anti-Hiv Agents, Protease Inhibitors (Pi)		
APTIVUS ORAL CAPSULE 250 MG	1	QL (120 EA per 30 days)
atazanavir sulfate oral capsule 150 mg, 300 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
atazanavir sulfate oral capsule 200 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
darunavir oral tablet 600 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
darunavir oral tablet 800 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
fosamprenavir calcium oral tablet 700 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
KALETRA ORAL SOLUTION 400-100 MG/5ML	1	QL (390 ML per 30 days)
lopinavir-ritonavir oral tablet 100-25 mg	1	QL (300 EA per 30 days)
lopinavir-ritonavir oral tablet 200-50 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
NORVIR ORAL PACKET 100 MG	1	QL (360 EA per 30 days)
PREZISTA ORAL SUSPENSION 100 MG/ML	1	QL (400 ML per 30 days)
PREZISTA ORAL TABLET 150 MG	1	QL (180 EA per 30 days)
PREZISTA ORAL TABLET 75 MG	1	QL (300 EA per 30 days)
REYATAZ ORAL PACKET 50 MG	1	
ritonavir oral tablet 100 mg	1	QL (360 EA per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VIRACEPT ORAL TABLET 250 MG	1	QL (300 EA per 30 days)
VIRACEPT ORAL TABLET 625 MG	1	QL (120 EA per 30 days)
Anti-Influenza Agents		
oseltamivir phosphate oral capsule 30 mg	1	QL (84 EA per 180 days)
oseltamivir phosphate oral capsule 45 mg, 75 mg	1	QL (42 EA per 180 days)
oseltamivir phosphate oral suspension reconstituted 6 mg/ml	1	QL (540 ML per 180 days)
RELENZA DISKHALER INHALATION AEROSOL POWDER BREATH ACTIVATED 5 MG/ACT	1	QL (60 EA per 180 days)
rimantadine hcl oral tablet 100 mg	1	
Antiviral, Coronavirus Agents		
PAXLOVID (150/100) ORAL TABLET THERAPY PACK 10 X 150 MG & 10 X 100MG	1	QL (20 EA per 5 days)
paxlovid (300/100 & 150/100) oral tablet therapy pack 6 x 150 mg & 5 x 100mg	1	QL (11 EA per 5 days)
PAXLOVID (300/100) ORAL TABLET THERAPY PACK 20 X 150 MG & 10 X 100MG	1	QL (30 EA per 5 days)
Anxiolytics - Treatment Of Anxiety Or Nervousness		
Anxiolytics, Other		
buspirone hcl oral tablet 10 mg, 15 mg, 30 mg, 5 mg, 7.5 mg	1	
hydroxyzine pamoate oral capsule 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	PA
Benzodiazepines		
alprazolam intensol oral concentrate 1 mg/ml	1	QL (300 ML per 30 days)
alprazolam oral tablet 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
alprazolam oral tablet 2 mg	1	QL (150 EA per 30 days)
clonazepam oral tablet 0.5 mg, 1 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
clonazepam oral tablet 2 mg	1	QL (300 EA per 30 days)
clonazepam oral tablet dispersible 0.125 mg, 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg	1	QL (90 EA per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
clonazepam oral tablet dispersible 2 mg	1	QL (300 EA per 30 days)
clorazepate dipotassium oral tablet 15 mg	1	QL (180 EA per 30 days)
clorazepate dipotassium oral tablet 3.75 mg, 7.5 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
diazepam intensol oral concentrate 5 mg/ml	1	QL (240 ML per 30 days)
diazepam oral concentrate 5 mg/ml	1	QL (240 ML per 30 days)
diazepam oral solution 5 mg/5ml	1	QL (1200 ML per 30 days)
diazepam oral tablet 10 mg, 2 mg, 5 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
lorazepam intensol oral concentrate 2 mg/ml	1	QL (150 ML per 30 days)
lorazepam oral concentrate 2 mg/ml	1	QL (150 ML per 30 days)
lorazepam oral tablet 0.5 mg, 1 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
lorazepam oral tablet 2 mg	1	QL (150 EA per 30 days)
Bipolar Agents - Treatment For Bipolar Illnesses		
Mood Stabilizers		
EQUETRO ORAL CAPSULE EXTENDED RELEASE 12 HOUR 100 MG, 200 MG, 300 MG	1	
lithium carbonate er oral tablet extended release 300 mg, 450 mg	1	
lithium carbonate oral capsule 150 mg, 300 mg, 600 mg	1	
lithium carbonate oral tablet 300 mg	1	
lithium oral solution 8 meq/5ml	1	
Blood Glucose Regulators - Control Of Diabetes		
Antidiabetic Agents		
acarbose oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
dapagliflozin propanediol oral tablet 10 mg, 5 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
FARXIGA ORAL TABLET 10 MG, 5 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
glimepiride oral tablet 1 mg	1	QL (240 EA per 30 days)
glimepiride oral tablet 2 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
glimepiride oral tablet 4 mg	1	QL (60 EA per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
glipizide er oral tablet extended release 24 hour 10 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
glipizide er oral tablet extended release 24 hour 2.5 mg	1	QL (240 EA per 30 days)
glipizide er oral tablet extended release 24 hour 5 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
glipizide oral tablet 10 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
glipizide oral tablet 2.5 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
glipizide oral tablet 5 mg	1	QL (240 EA per 30 days)
glipizide-metformin hcl oral tablet 2.5-250 mg	1	QL (240 EA per 30 days)
glipizide-metformin hcl oral tablet 2.5-500 mg, 5-500 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
glyburide micronized oral tablet 1.5 mg, 3 mg	1	PA; QL (90 EA per 30 days)
glyburide micronized oral tablet 6 mg	1	PA; QL (60 EA per 30 days)
glyburide oral tablet 1.25 mg, 2.5 mg	1	PA; QL (60 EA per 30 days)
glyburide oral tablet 5 mg	1	PA; QL (120 EA per 30 days)
glyburide-metformin oral tablet 1.25-250 mg	1	PA; QL (240 EA per 30 days)
glyburide-metformin oral tablet 2.5-500 mg, 5-500 mg	1	PA; QL (120 EA per 30 days)
GLYXAMBI ORAL TABLET 10-5 MG, 25-5 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
JANUMET ORAL TABLET 50-1000 MG, 50-500 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
JANUMET XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 100-1000 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
JANUMET XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 50-1000 MG, 50-500 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
JANUVIA ORAL TABLET 100 MG, 25 MG, 50 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
JARDIANCE ORAL TABLET 10 MG, 25 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
JENTADUETO ORAL TABLET 2.5-1000 MG, 2.5-500 MG, 2.5-850 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
JENTADUETO XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 2.5-1000 MG	1	QL (60 EA per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
JENTADUETO XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 5-1000 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
liraglutide subcutaneous solution pen-injector 18 mg/3ml	1	PA; QL (9 ML per 30 days)
metformin hcl er oral tablet extended release 24 hour 500 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
metformin hcl er oral tablet extended release 24 hour 750 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
metformin hcl oral tablet 1000 mg	1	QL (75 EA per 30 days)
metformin hcl oral tablet 500 mg	1	QL (150 EA per 30 days)
metformin hcl oral tablet 850 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
MOUNJARO SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 10 MG/0.5ML, 12.5 MG/0.5ML, 15 MG/0.5ML, 2.5 MG/0.5ML, 5 MG/0.5ML, 7.5 MG/0.5ML	1	PA; QL (2 ML per 28 days)
nateglinide oral tablet 120 mg, 60 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 2 MG/3ML	1	PA; QL (3 ML per 28 days)
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 4 MG/3ML	1	PA; QL (3 ML per 28 days)
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 8 MG/3ML	1	PA; QL (3 ML per 28 days)
pioglitazone hcl oral tablet 15 mg, 30 mg, 45 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
pioglitazone hcl-metformin hcl oral tablet 15-500 mg, 15-850 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
repaglinide oral tablet 0.5 mg, 1 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
repaglinide oral tablet 2 mg	1	QL (240 EA per 30 days)
RYBELSUS ORAL TABLET 14 MG, 3 MG, 7 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
SYMLINPEN 120 SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 2700 MCG/2.7ML	1	
SYMLINPEN 60 SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 1500 MCG/1.5ML	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNJARDY ORAL TABLET 12.5-1000 MG, 12.5-500 MG, 5-1000 MG, 5-500 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
SYNJARDY XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 10-1000 MG, 12.5-1000 MG, 5-1000 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
SYNJARDY XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 25-1000 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
TRADJENTA ORAL TABLET 5 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
TRIJARDY XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 10-5-1000 MG, 25-5-1000 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
TRIJARDY XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 12.5-2.5-1000 MG, 5-2.5-1000 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
TRULICITY SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 0.75 MG/0.5ML, 1.5 MG/0.5ML, 3 MG/0.5ML, 4.5 MG/0.5ML	1	PA; QL (2 ML per 28 days)
XIGDUO XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 10-1000 MG, 10-500 MG, 5-500 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
XIGDUO XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 2.5-1000 MG, 5-1000 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
Glycemic Agents		
BAQSIMI ONE PACK NASAL POWDER 3 MG/DOSE	1	QL (4 EA per 30 days)
BAQSIMI TWO PACK NASAL POWDER 3 MG/DOSE	1	QL (4 EA per 30 days)
diazoxide oral suspension 50 mg/ml	1	
glucagon emergency injection solution reconstituted 1 mg, 1 mg/ml	1	QL (4 EA per 30 days)
mifepristone oral tablet 300 mg	1	PA
Insulins		
FIASP FLEXTOUCH SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML	1	
FIASP INJECTION SOLUTION 100 UNIT/ML	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FIASP PENFILL SUBCUTANEOUS SOLUTION CARTRIDGE 100 UNIT/ML	1	
gauze pad 2"x2"	1	
HUMALOG INJECTION SOLUTION 100 UNIT/ML	1	
HUMALOG JUNIOR KWIKPEN SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML	1	
HUMALOG KWIKPEN SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML, 200 UNIT/ML	1	
HUMALOG MIX 50/50 KWIKPEN SUBCUTANEOUS SUSPENSION PEN-INJECTOR (50-50) 100 UNIT/ML	1	
HUMALOG MIX 75/25 KWIKPEN SUBCUTANEOUS SUSPENSION PEN-INJECTOR (75-25) 100 UNIT/ML	1	
HUMALOG MIX 75/25 SUBCUTANEOUS SUSPENSION (75-25) 100 UNIT/ML	1	
HUMALOG SUBCUTANEOUS SOLUTION CARTRIDGE 100 UNIT/ML	1	
HUMULIN 70/30 KWIKPEN SUBCUTANEOUS SUSPENSION PEN-INJECTOR (70-30) 100 UNIT/ML	1	
HUMULIN 70/30 SUBCUTANEOUS SUSPENSION (70-30) 100 UNIT/ML	1	
HUMULIN N KWIKPEN SUBCUTANEOUS SUSPENSION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML	1	
HUMULIN N SUBCUTANEOUS SUSPENSION 100 UNIT/ML	1	
HUMULIN R INJECTION SOLUTION 100 UNIT/ML	1	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SUBCUTANEOUS SOLUTION 500 UNIT/ML	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 500 UNIT/ML	1	
insulin asp prot & asp flexpen subcutaneous suspension pen-injector (70-30) 100 unit/ml	1	
INSULIN ASPART FLEXPEN SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML	1	
INSULIN ASPART INJECTION SOLUTION 100 UNIT/ML	1	
insulin aspart prot & aspart subcutaneous suspension (70-30) 100 unit/ml	1	
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML	1	
INSULIN LISPRO INJECTION SOLUTION 100 UNIT/ML	1	
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML	1	
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUBCUTANEOUS SUSPENSION PEN-INJECTOR (75-25) 100 UNIT/ML	1	
insulin syringe 27g x 1/2" 0.5 ml, 27g x 1/2" 1 ml, 27g x 5/8" 1 ml, 28g x 1/2" 0.5 ml, 28g x 1/2" 1 ml, 29g 0.3 ml, 29g x 1/2" 0.3 ml, 29g x 1/2" 0.5 ml, 29g x 1/2" 1 ml, 29g x 5/16" 1 ml, 30g x 1/2" 0.3 ml, 30g x 1/2" 0.5 ml, 30g x 1/2" 1 ml, 30g x 5/16" 0.3 ml, 30g x 5/16" 0.5 ml, 30g x 5/16" 1 ml, 31g x 1/2" 0.3 ml, 31g x 1/4" 0.3 ml, 31g x 1/4" 0.5 ml, 31g x 1/4" 1 ml, 31g x 15/64" 0.3 ml, 31g x 15/64" 0.5 ml, 31g x 15/64" 1 ml, 31g x 5/16" 0.3 ml, 31g x 5/16" 0.5 ml, 31g x 5/16" 1 ml, 31g x 6mm 0.5 ml, u-100 1 ml	1	
LANTUS SOLOSTAR SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML	1	
LANTUS SUBCUTANEOUS SOLUTION 100 UNIT/ML	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN RELION SUBCUTANEOUS SUSPENSION PEN-INJECTOR (70-30) 100 UNIT/ML	1	
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUBCUTANEOUS SUSPENSION PEN-INJECTOR (70-30) 100 UNIT/ML	1	
NOVOLIN 70/30 RELION SUBCUTANEOUS SUSPENSION (70-30) 100 UNIT/ML	1	
NOVOLIN 70/30 SUBCUTANEOUS SUSPENSION (70-30) 100 UNIT/ML	1	
NOVOLIN N FLEXPEN RELION SUBCUTANEOUS SUSPENSION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML	1	
NOVOLIN N FLEXPEN SUBCUTANEOUS SUSPENSION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML	1	
NOVOLIN N RELION SUBCUTANEOUS SUSPENSION 100 UNIT/ML	1	
NOVOLIN N SUBCUTANEOUS SUSPENSION 100 UNIT/ML	1	
NOVOLIN R FLEXPEN INJECTION SOLUTION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML	1	
NOVOLIN R FLEXPEN RELION INJECTION SOLUTION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML	1	
NOVOLIN R INJECTION SOLUTION 100 UNIT/ML	1	
NOVOLIN R RELION INJECTION SOLUTION 100 UNIT/ML	1	
NOVOLOG 70/30 FLEXPEN RELION SUBCUTANEOUS SUSPENSION PEN-INJECTOR (70-30) 100 UNIT/ML	1	
NOVOLOG FLEXPEN RELION SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML	1	
NOVOLOG FLEXPEN SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 100 UNIT/ML	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLOG INJECTION SOLUTION 100 UNIT/ML	1	
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUBCUTANEOUS SUSPENSION PEN-INJECTOR (70-30) 100 UNIT/ML	1	
NOVOLOG MIX 70/30 RELION SUBCUTANEOUS SUSPENSION (70-30) 100 UNIT/ML	1	
NOVOLOG MIX 70/30 SUBCUTANEOUS SUSPENSION (70-30) 100 UNIT/ML	1	
NOVOLOG PENFILL SUBCUTANEOUS SOLUTION CARTRIDGE 100 UNIT/ML	1	
NOVOLOG RELION INJECTION SOLUTION 100 UNIT/ML	1	
OMNIPOD 5 DEXG7G6 INTRO GEN 5 KIT	1	
OMNIPOD 5 DEXG7G6 PODS GEN 5	1	
OMNIPOD 5 G7 INTRO (GEN 5) KIT	1	
OMNIPOD 5 G7 PODS (GEN 5)	1	
OMNIPOD 5 LIBRE2 G6 INTRO GEN5 KIT	1	
OMNIPOD 5 LIBRE2 PLUS G6 PODS	1	
OMNIPOD DASH INTRO (GEN 4) KIT	1	
OMNIPOD DASH PODS (GEN 4)	1	
pen needles 29g x 12.7mm , 29g x 12mm , 29g x 4mm , 30g x 5 mm , 30g x 8 mm , 31g x 4 mm , 31g x 5 mm , 31g x 6 mm , 31g x 8 mm , 32g x 4 mm , 32g x 5 mm , 32g x 6 mm , 32g x 8 mm	1	
SOLIQUA SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 100-33 UNT-MCG/ML	1	QL (15 ML per 25 days)
TOUJEO MAX SOLOSTAR SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 300 UNIT/ML	1	
TOUJEO SOLOSTAR SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 300 UNIT/ML	1	
Blood Products And Modifiers - Prevention Of Clotting And Increasing Blood Cell Production		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anticoagulants		
dabigatran etexilate mesylate oral capsule 110 mg, 150 mg, 75 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
ELIQUIS (1.5 MG PACK) ORAL TABLET SOLUBLE 3 X 0.5 MG	1	
ELIQUIS (2 MG PACK) ORAL TABLET SOLUBLE 4 X 0.5 MG	1	
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK ORAL TABLET THERAPY PACK 5 MG	1	QL (148 EA per 365 days)
ELIQUIS ORAL CAPSULE SPRINKLE 0.15 MG	1	QL (74 EA per 30 days)
ELIQUIS ORAL TABLET 2.5 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
ELIQUIS ORAL TABLET 5 MG	1	QL (74 EA per 30 days)
ELIQUIS ORAL TABLET SOLUBLE 0.5 MG	1	
enoxaparin sodium injection solution 300 mg/3ml	1	
enoxaparin sodium injection solution prefilled syringe 100 mg/ml, 120 mg/0.8ml, 150 mg/ml, 30 mg/0.3ml, 40 mg/0.4ml, 60 mg/0.6ml, 80 mg/0.8ml	1	
fondaparinux sodium subcutaneous solution 10 mg/0.8ml, 2.5 mg/0.5ml, 5 mg/0.4ml, 7.5 mg/0.6ml	1	
heparin sodium (porcine) injection solution 10000 unit/ml, 5000 unit/ml	1	
heparin sodium (porcine) pf injection solution 1000 unit/ml	1	
jantoven oral tablet 1 mg, 10 mg, 2 mg, 2.5 mg, 3 mg, 4 mg, 5 mg, 6 mg, 7.5 mg	1	
warfarin sodium oral tablet 1 mg, 10 mg, 2 mg, 2.5 mg, 3 mg, 4 mg, 5 mg, 6 mg, 7.5 mg	1	
XARELTO ORAL SUSPENSION RECONSTITUTED 1 MG/ML	1	QL (900 ML per 30 days)
XARELTO ORAL TABLET 10 MG, 20 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
XARELTO ORAL TABLET 15 MG, 2.5 MG	1	QL (60 EA per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XARELTO STARTER PACK ORAL TABLET THERAPY PACK 15 & 20 MG	1	QL (102 EA per 365 days)
Blood Products And Modifiers, Other		
anagrelide hcl oral capsule 0.5 mg, 1 mg	1	
ARANESP (ALBUMIN FREE) INJECTION SOLUTION 100 MCG/ML, 200 MCG/ML, 25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML	1	PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) INJECTION SOLUTION PREFILLED SYRINGE 10 MCG/0.4ML, 100 MCG/0.5ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 25 MCG/0.42ML, 300 MCG/0.6ML, 40 MCG/0.4ML, 500 MCG/ML, 60 MCG/0.3ML	1	PA
eltrombopag olamine oral packet 12.5 mg	1	PA; QL (360 EA per 30 days)
eltrombopag olamine oral packet 25 mg	1	PA; QL (180 EA per 30 days)
eltrombopag olamine oral tablet 12.5 mg, 25 mg	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
eltrombopag olamine oral tablet 50 mg, 75 mg	1	PA; QL (60 EA per 30 days)
EPOGEN INJECTION SOLUTION 10000 UNIT/ML, 2000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML	1	PA
FULPHILA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 6 MG/0.6ML	1	PA
FYLNETRA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 6 MG/0.6ML	1	PA
LEUKINE INJECTION SOLUTION RECONSTITUTED 250 MCG	1	PA
NEULASTA ONPRO SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 6 MG/0.6ML	1	PA
NEULASTA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 6 MG/0.6ML	1	PA
PROCRIT INJECTION SOLUTION 10000 UNIT/ML, 2000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 40000 UNIT/ML	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PYRUKYND ORAL TABLET 20 MG, 5 MG, 50 MG	1	PA
PYRUKYND TAPER PACK ORAL TABLET THERAPY PACK 5 MG, 7 X 20 MG & 7 X 5 MG, 7 X 50 MG & 7 X 20 MG	1	PA
RETACRIT INJECTION SOLUTION 10000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML(1ML), 2000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 40000 UNIT/ML	1	PA
TAVNEOS ORAL CAPSULE 10 MG	1	PA
tranexamic acid oral tablet 650 mg	1	
XOLREMDI ORAL CAPSULE 100 MG	1	PA
ZARXIO INJECTION SOLUTION PREFILLED SYRINGE 300 MCG/0.5ML, 480 MCG/0.8ML	1	PA
Platelet Modifying Agents		
aspirin-dipyridamole er oral capsule extended release 12 hour 25-200 mg	1	
BRILINTA ORAL TABLET 90 MG	1	
cilostazol oral tablet 100 mg, 50 mg	1	
clopidogrel bisulfate oral tablet 75 mg	1	
dipyridamole oral tablet 25 mg, 50 mg, 75 mg	1	PA
DOPTELET ORAL TABLET 20 MG, 20 MG (10 PACK), 20 MG(15 PACK)	1	PA
DOPTELET SPRINKLE ORAL CAPSULE SPRINKLE 10 MG	1	PA
prasugrel hcl oral tablet 10 mg, 5 mg	1	
ticagrelor oral tablet 60 mg, 90 mg	1	
Cardiovascular Agents - Treatment Of Conditions Affecting The Heart And Blood Vessels		
Alpha-Adrenergic Agonists		
clonidine hcl oral tablet 0.1 mg, 0.2 mg, 0.3 mg	1	
clonidine transdermal patch weekly 0.1 mg/24hr, 0.2 mg/24hr, 0.3 mg/24hr	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
droxidopa oral capsule 100 mg, 200 mg, 300 mg	1	
guanfacine hcl oral tablet 1 mg, 2 mg	1	PA
midodrine hcl oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	1	
Alpha-Adrenergic Blocking Agents		
doxazosin mesylate oral tablet 1 mg, 2 mg, 4 mg, 8 mg	1	
phenoxybenzamine hcl oral capsule 10 mg	1	PA
prazosin hcl oral capsule 1 mg, 2 mg, 5 mg	1	
terazosin hcl oral capsule 1 mg, 10 mg, 2 mg, 5 mg	1	
Angiotensin Ii Receptor Antagonists		
candesartan cilexetil oral tablet 16 mg, 32 mg, 4 mg, 8 mg	1	
irbesartan oral tablet 150 mg, 300 mg, 75 mg	1	
losartan potassium oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	
olmesartan medoxomil oral tablet 20 mg, 40 mg, 5 mg	1	
telmisartan oral tablet 20 mg, 40 mg, 80 mg	1	
valsartan oral tablet 160 mg, 320 mg, 40 mg, 80 mg	1	
Angiotensin-Converting Enzyme (Ace) Inhibitors		
benazepril hcl oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 5 mg	1	
captopril oral tablet 100 mg, 12.5 mg, 25 mg, 50 mg	1	
enalapril maleate oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 5 mg	1	
fosinopril sodium oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg	1	
lisinopril oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg, 5 mg	1	
moexipril hcl oral tablet 15 mg, 7.5 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
perindopril erbumine oral tablet 2 mg, 4 mg, 8 mg	1	
quinapril hcl oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 5 mg	1	
ramipril oral capsule 1.25 mg, 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	1	
trandolapril oral tablet 1 mg, 2 mg, 4 mg	1	
Antiarrhythmics		
amiodarone hcl oral tablet 100 mg, 200 mg, 400 mg	1	
disopyramide phosphate oral capsule 100 mg, 150 mg	1	
dofetilide oral capsule 125 mcg, 250 mcg, 500 mcg	1	
flecainide acetate oral tablet 100 mg, 150 mg, 50 mg	1	
mexiletine hcl oral capsule 150 mg, 200 mg, 250 mg	1	
MULTAQ ORAL TABLET 400 MG	1	
NORPACE CR ORAL CAPSULE EXTENDED RELEASE 12 HOUR 100 MG, 150 MG	1	
propafenone hcl oral tablet 150 mg, 225 mg, 300 mg	1	
quinidine gluconate er oral tablet extended release 324 mg	1	
quinidine sulfate oral tablet 200 mg, 300 mg	1	
sotalol hcl (af) oral tablet 120 mg, 160 mg, 80 mg	1	
sotalol hcl oral tablet 120 mg, 160 mg, 240 mg, 80 mg	1	
Beta-Adrenergic Blocking Agents		
acebutolol hcl oral capsule 200 mg, 400 mg	1	
atenolol oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	
betaxolol hcl oral tablet 10 mg, 20 mg	1	
bisoprolol fumarate oral tablet 10 mg, 5 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
carvedilol oral tablet 12.5 mg, 25 mg, 3.125 mg, 6.25 mg	1	
labetalol hcl oral tablet 100 mg, 200 mg, 300 mg	1	
metoprolol succinate er oral tablet extended release 24 hour 100 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg	1	
metoprolol tartrate oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	
nadolol oral tablet 20 mg, 40 mg, 80 mg	1	
nebivolol hcl oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
nebivolol hcl oral tablet 20 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
pindolol oral tablet 10 mg, 5 mg	1	
propranolol hcl er oral capsule extended release 24 hour 120 mg, 160 mg, 60 mg, 80 mg	1	
propranolol hcl oral solution 20 mg/5ml, 40 mg/5ml	1	
propranolol hcl oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 60 mg, 80 mg	1	
timolol maleate oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg	1	
Calcium Channel Blocking Agents, Dihydropyridines		
amlodipine besylate oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	1	
felodipine er oral tablet extended release 24 hour 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	1	
isradipine oral capsule 2.5 mg, 5 mg	1	
nifedipine er oral tablet extended release 24 hour 30 mg, 60 mg, 90 mg	1	
nifedipine er osmotic release oral tablet extended release 24 hour 30 mg, 60 mg, 90 mg	1	
nifedipine oral capsule 10 mg, 20 mg	1	PA
nimodipine oral capsule 30 mg	1	
Calcium Channel Blocking Agents, Nondihydropyridines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
cartia xt oral capsule extended release 24 hour 120 mg, 180 mg, 240 mg, 300 mg	1	
diltiazem hcl er beads oral capsule extended release 24 hour 120 mg, 180 mg, 240 mg, 300 mg, 360 mg, 420 mg	1	
diltiazem hcl er coated beads oral capsule extended release 24 hour 120 mg, 180 mg, 240 mg, 300 mg, 360 mg	1	
diltiazem hcl er oral capsule extended release 12 hour 120 mg, 60 mg, 90 mg	1	
diltiazem hcl er oral capsule extended release 24 hour 120 mg, 180 mg, 240 mg	1	
diltiazem hcl oral tablet 120 mg, 30 mg, 60 mg, 90 mg	1	
dilt-xr oral capsule extended release 24 hour 120 mg, 180 mg, 240 mg	1	
verapamil hcl er oral capsule extended release 24 hour 100 mg, 120 mg, 180 mg, 200 mg, 240 mg, 300 mg, 360 mg	1	
verapamil hcl er oral tablet extended release 120 mg, 180 mg, 240 mg	1	
verapamil hcl oral tablet 120 mg, 40 mg, 80 mg	1	
Cardiovascular Agents, Other		
acetazolamide oral tablet 125 mg, 250 mg	1	
aliskiren fumarate oral tablet 150 mg, 300 mg	1	
amiloride-hydrochlorothiazide oral tablet 5-50 mg	1	
amlodipine besy-benazepril hcl oral capsule 10-20 mg, 10-40 mg, 2.5-10 mg, 5-10 mg, 5-20 mg, 5-40 mg	1	
amlodipine besylate-valsartan oral tablet 10-160 mg, 10-320 mg, 5-160 mg, 5-320 mg	1	
amlodipine-atorvastatin oral tablet 10-10 mg, 10-20 mg, 10-40 mg, 10-80 mg, 2.5-10 mg, 2.5-20 mg, 2.5-40 mg, 5-10 mg, 5-20 mg, 5-40 mg, 5-80 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
amlodipine-olmesartan oral tablet 10-20 mg, 10-40 mg, 5-20 mg, 5-40 mg	1	
amlodipine-valsartan-hctz oral tablet 10-160-12.5 mg, 10-160-25 mg, 10-320-25 mg, 5-160-12.5 mg, 5-160-25 mg	1	
atenolol-chlorthalidone oral tablet 100-25 mg, 50-25 mg	1	
benazepril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-12.5 mg, 20-12.5 mg, 20-25 mg, 5-6.25 mg	1	
bisoprolol-hydrochlorothiazide oral tablet 10-6.25 mg, 2.5-6.25 mg, 5-6.25 mg	1	
CAMZYOS ORAL CAPSULE 10 MG, 15 MG, 2.5 MG, 5 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
candesartan cilexetil-hctz oral tablet 16-12.5 mg, 32-12.5 mg, 32-25 mg	1	
CORLANOR ORAL SOLUTION 5 MG/5ML	1	PA; QL (450 ML per 30 days)
digoxin oral solution 0.05 mg/ml	1	QL (150 ML per 30 days)
digoxin oral tablet 125 mcg, 250 mcg	1	QL (30 EA per 30 days)
enalapril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-25 mg, 5-12.5 mg	1	
ENTRESTO ORAL CAPSULE SPRINKLE 15-16 MG, 6-6 MG	1	QL (240 EA per 30 days)
ENTRESTO ORAL TABLET 24-26 MG, 49-51 MG, 97-103 MG	1	QL (60 EA per 30 days)
fosinopril sodium-hctz oral tablet 10-12.5 mg, 20-12.5 mg	1	
irbesartan-hydrochlorothiazide oral tablet 150-12.5 mg, 300-12.5 mg	1	
ivabradine hcl oral tablet 5 mg, 7.5 mg	1	PA
KERENDIA ORAL TABLET 10 MG, 20 MG, 40 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
lisinopril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-12.5 mg, 20-12.5 mg, 20-25 mg	1	
LODOCO ORAL TABLET 0.5 MG	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
losartan potassium-hctz oral tablet 100-12.5 mg, 100-25 mg, 50-12.5 mg	1	
metoprolol-hydrochlorothiazide oral tablet 100-25 mg, 100-50 mg, 50-25 mg	1	
metyrosine oral capsule 250 mg	1	PA
NEXLETOL ORAL TABLET 180 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
NEXLIZET ORAL TABLET 180-10 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
olmesartan medoxomil-hctz oral tablet 20-12.5 mg, 40-12.5 mg, 40-25 mg	1	
olmesartan-amlodipine-hctz oral tablet 20-5-12.5 mg, 40-10-12.5 mg, 40-10-25 mg, 40-5-12.5 mg, 40-5-25 mg	1	
pentoxifylline er oral tablet extended release 400 mg	1	
quinapril-hydrochlorothiazide oral tablet 10-12.5 mg, 20-12.5 mg, 20-25 mg	1	
ranolazine er oral tablet extended release 12 hour 1000 mg, 500 mg	1	
spironolactone-hctz oral tablet 25-25 mg	1	
telmisartan-hctz oral tablet 40-12.5 mg, 80-12.5 mg, 80-25 mg	1	
triamterene-hctz oral capsule 37.5-25 mg	1	
triamterene-hctz oral tablet 37.5-25 mg, 75-50 mg	1	
valsartan-hydrochlorothiazide oral tablet 160-12.5 mg, 160-25 mg, 320-12.5 mg, 320-25 mg, 80-12.5 mg	1	
VERQUVO ORAL TABLET 10 MG, 2.5 MG, 5 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
WEGOVY SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 0.25 MG/0.5ML, 0.5 MG/0.5ML, 1 MG/0.5ML	1	PA; QL (2 ML per 28 days)
WEGOVY SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 1.7 MG/0.75ML, 2.4 MG/0.75ML	1	PA; QL (3 ML per 28 days)
Diuretics, Loop		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
bumetanide oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 2 mg	1	
furosemide injection solution 10 mg/ml	1	
furosemide oral solution 10 mg/ml, 8 mg/ml	1	
furosemide oral tablet 20 mg, 40 mg, 80 mg	1	
torsemide oral tablet 10 mg, 100 mg, 20 mg, 5 mg	1	
Diuretics, Potassium-Sparing		
amiloride hcl oral tablet 5 mg	1	
eplerenone oral tablet 25 mg, 50 mg	1	
spironolactone oral tablet 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	
Diuretics, Thiazide		
chlorthalidone oral tablet 25 mg, 50 mg	1	
hydrochlorothiazide oral capsule 12.5 mg	1	
hydrochlorothiazide oral tablet 12.5 mg, 25 mg, 50 mg	1	
indapamide oral tablet 1.25 mg, 2.5 mg	1	
metolazone oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	1	
Dyslipidemics, Fibric Acid Derivatives		
fenofibrate micronized oral capsule 134 mg, 200 mg, 43 mg, 67 mg	1	
fenofibrate oral capsule 134 mg, 200 mg, 67 mg	1	
fenofibrate oral tablet 145 mg, 160 mg, 48 mg, 54 mg	1	
fenofibric acid oral capsule delayed release 135 mg, 45 mg	1	
gemfibrozil oral tablet 600 mg	1	
Dyslipidemics, Hmg Coa Reductase Inhibitors		
atorvastatin calcium oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 80 mg	1	
lovastatin oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg	1	
pravastatin sodium oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 80 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
rosuvastatin calcium oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 5 mg	1	
simvastatin oral tablet 10 mg, 20 mg, 40 mg, 5 mg, 80 mg	1	
Dyslipidemics, Other		
cholestyramine light oral packet 4 gm	1	
cholestyramine light oral powder 4 gm/dose	1	
cholestyramine oral packet 4 gm	1	
cholestyramine oral powder 4 gm/dose	1	
colesevelam hcl oral packet 3.75 gm	1	
colesevelam hcl oral tablet 625 mg	1	
colestipol hcl oral granules 5 gm	1	
colestipol hcl oral packet 5 gm	1	
colestipol hcl oral tablet 1 gm	1	
ezetimibe oral tablet 10 mg	1	
ezetimibe-simvastatin oral tablet 10-10 mg, 10-20 mg, 10-40 mg, 10-80 mg	1	
icosapent ethyl oral capsule 0.5 gm, 1 gm	1	
niacin er (antihyperlipidemic) oral tablet extended release 1000 mg, 500 mg, 750 mg	1	
omega-3-acid ethyl esters oral capsule 1 gm	1	
prevalite oral packet 4 gm	1	
prevalite oral powder 4 gm/dose	1	
REPATHA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 140 MG/ML	1	PA; QL (2 ML per 28 days)
REPATHA SURECLICK SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 140 MG/ML	1	PA; QL (2 ML per 28 days)
Vasodilators, Direct-Acting Arterial		
hydralazine hcl oral tablet 10 mg, 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	
isosorb dinitrate-hydralazine oral tablet 20-37.5 mg	1	
minoxidil oral tablet 10 mg, 2.5 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Vasodilators, Direct-Acting Arterial/ Venous		
isosorbide dinitrate oral tablet 10 mg, 20 mg, 30 mg, 5 mg	1	
isosorbide mononitrate er oral tablet extended release 24 hour 120 mg, 30 mg, 60 mg	1	
isosorbide mononitrate oral tablet 10 mg, 20 mg	1	
NITRO-BID TRANSDERMAL OINTMENT 2 %	1	
NITRO-DUR TRANSDERMAL PATCH 24 HOUR 0.3 MG/HR, 0.8 MG/HR	1	
nitroglycerin rectal ointment 0.4 %	1	
nitroglycerin sublingual tablet sublingual 0.3 mg, 0.4 mg, 0.6 mg	1	
nitroglycerin transdermal patch 24 hour 0.1 mg/hr, 0.2 mg/hr, 0.4 mg/hr, 0.6 mg/hr	1	
nitroglycerin translingual solution 0.4 mg/spray	1	
Central Nervous System Agents - Treatment Of Disorders Of The Brain And Spinal Column		
Attention Deficit Hyperactivity Disorder Agents, Amphetamines		
amphetamine-dextroamphet er oral capsule extended release 24 hour 10 mg, 15 mg, 20 mg, 25 mg, 30 mg, 5 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
amphetamine-dextroamphetamine oral tablet 10 mg, 20 mg, 30 mg, 5 mg, 7.5 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
amphetamine-dextroamphetamine oral tablet 12.5 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
amphetamine-dextroamphetamine oral tablet 15 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
dextroamphetamine sulfate er oral capsule extended release 24 hour 10 mg	1	QL (150 EA per 30 days)
dextroamphetamine sulfate er oral capsule extended release 24 hour 15 mg	1	QL (120 EA per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
dextroamphetamine sulfate er oral capsule extended release 24 hour 5 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
dextroamphetamine sulfate oral tablet 10 mg, 5 mg	1	QL (180 EA per 30 days)
Attention Deficit Hyperactivity Disorder Agents, Non-Amphetamines		
atomoxetine hcl oral capsule 10 mg, 100 mg, 18 mg, 25 mg, 40 mg, 60 mg, 80 mg	1	
clonidine hcl er oral tablet extended release 12 hour 0.1 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
dexmethylphenidate hcl er oral capsule extended release 24 hour 10 mg, 15 mg, 20 mg, 25 mg, 30 mg, 35 mg, 40 mg, 5 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
dexmethylphenidate hcl oral tablet 10 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
dexmethylphenidate hcl oral tablet 2.5 mg, 5 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
guanfacine hcl er oral tablet extended release 24 hour 1 mg, 2 mg, 4 mg	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
guanfacine hcl er oral tablet extended release 24 hour 3 mg	1	PA; QL (60 EA per 30 days)
methylphenidate hcl er (cd) oral capsule extended release 10 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg, 50 mg, 60 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
methylphenidate hcl er (la) oral capsule extended release 24 hour 10 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg, 60 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
methylphenidate hcl er (osm) oral tablet extended release 18 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
methylphenidate hcl er (osm) oral tablet extended release 27 mg, 54 mg, 72 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
methylphenidate hcl er (osm) oral tablet extended release 36 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
methylphenidate hcl er (xr) oral capsule extended release 24 hour 10 mg, 15 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg, 50 mg, 60 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
methylphenidate hcl er oral tablet extended release 10 mg	1	QL (30 EA per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
methylphenidate hcl er oral tablet extended release 20 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
methylphenidate hcl er oral tablet extended release 24 hour 18 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
methylphenidate hcl oral solution 10 mg/5ml	1	QL (900 ML per 30 days)
methylphenidate hcl oral solution 5 mg/5ml	1	QL (1800 ML per 30 days)
methylphenidate hcl oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
methylphenidate hcl oral tablet chewable 10 mg	1	QL (180 EA per 30 days)
methylphenidate hcl oral tablet chewable 2.5 mg, 5 mg	1	QL (90 EA per 30 days)
Central Nervous System, Other		
AQNEURSA ORAL PACKET 1 GM	1	PA; QL (120 EA per 30 days)
AUSTEDO ORAL TABLET 12 MG, 6 MG, 9 MG	1	PA
AUSTEDO XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 12 MG, 18 MG, 24 MG, 30 MG, 36 MG, 42 MG, 48 MG, 6 MG	1	PA
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION ORAL TABLET EXTENDED RELEASE THERAPY PACK 12 & 18 & 24 & 30 MG	1	PA
COBENFY ORAL CAPSULE 100-20 MG, 125-30 MG, 50-20 MG	1	PA; QL (56 EA per 28 days)
COBENFY STARTER PACK ORAL CAPSULE THERAPY PACK 50-20 & 100-20 MG	1	PA; QL (56 EA per 180 days)
EVRYSDI ORAL SOLUTION RECONSTITUTED 0.75 MG/ML	1	PA
EVRYSDI ORAL TABLET 5 MG	1	PA
FIRDAPSE ORAL TABLET 10 MG	1	PA
INGREZZA ORAL CAPSULE 40 MG, 60 MG, 80 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
INGREZZA ORAL CAPSULE SPRINKLE 40 MG, 60 MG, 80 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
INGREZZA ORAL CAPSULE THERAPY PACK 40 & 80 MG	1	PA; QL (56 EA per 365 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LEQEMBI IQLIK SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 360 MG/1.8ML	1	PA
NUEDEXTA ORAL CAPSULE 20-10 MG	1	PA
RADICAVA ORS ORAL SUSPENSION 105 MG/5ML	1	PA
RADICAVA ORS STARTER KIT ORAL SUSPENSION 105 MG/5ML	1	PA
riluzole oral tablet 50 mg	1	
tetrabenazine oral tablet 12.5 mg, 25 mg	1	PA
VEOZAH ORAL TABLET 45 MG	1	PA
Fibromyalgia Agents		
DRIZALMA SPRINKLE ORAL CAPSULE DELAYED RELEASE SPRINKLE 20 MG, 30 MG, 40 MG, 60 MG	1	ST
duloxetine hcl oral capsule delayed release particles 20 mg, 30 mg, 60 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
SAVELLA ORAL TABLET 100 MG, 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	1	ST
SAVELLA TITRATION PACK ORAL 12.5 & 25 & 50 MG	1	ST
Multiple Sclerosis Agents		
BAFIERTAM ORAL CAPSULE DELAYED RELEASE 95 MG	1	PA
BETASERON SUBCUTANEOUS KIT 0.3 MG	1	PA
cladribine (10 tabs) oral tablet therapy pack 10 mg	1	PA
cladribine (4 tabs) oral tablet therapy pack 10 mg	1	PA
cladribine (5 tabs) oral tablet therapy pack 10 mg	1	PA
cladribine (6 tabs) oral tablet therapy pack 10 mg	1	PA
cladribine (7 tabs) oral tablet therapy pack 10 mg	1	PA
cladribine (8 tabs) oral tablet therapy pack 10 mg	1	PA
cladribine (9 tabs) oral tablet therapy pack 10 mg	1	PA
dalfampridine er oral tablet extended release 12 hour 10 mg	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
dimethyl fumarate oral capsule delayed release 120 mg	1	PA; QL (56 EA per 28 days)
dimethyl fumarate oral capsule delayed release 240 mg	1	PA; QL (60 EA per 30 days)
dimethyl fumarate starter pack oral capsule delayed release therapy pack 120 & 240 mg	1	PA
fingolimod hcl oral capsule 0.5 mg	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
glatiramer acetate subcutaneous solution prefilled syringe 20 mg/ml	1	PA; QL (30 ML per 30 days)
glatiramer acetate subcutaneous solution prefilled syringe 40 mg/ml	1	PA; QL (12 ML per 28 days)
glatopa subcutaneous solution prefilled syringe 20 mg/ml	1	PA; QL (30 ML per 30 days)
glatopa subcutaneous solution prefilled syringe 40 mg/ml	1	PA; QL (12 ML per 28 days)
KESIMPTA SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 20 MG/0.4ML	1	PA
MAVENCLAD (10 TABS) ORAL TABLET THERAPY PACK 10 MG	1	PA
MAVENCLAD (4 TABS) ORAL TABLET THERAPY PACK 10 MG	1	PA
MAVENCLAD (5 TABS) ORAL TABLET THERAPY PACK 10 MG	1	PA
MAVENCLAD (6 TABS) ORAL TABLET THERAPY PACK 10 MG	1	PA
MAVENCLAD (7 TABS) ORAL TABLET THERAPY PACK 10 MG	1	PA
MAVENCLAD (8 TABS) ORAL TABLET THERAPY PACK 10 MG	1	PA
MAVENCLAD (9 TABS) ORAL TABLET THERAPY PACK 10 MG	1	PA
MAYZENT ORAL TABLET 0.25 MG, 1 MG, 2 MG	1	PA
MAYZENT STARTER PACK ORAL TABLET THERAPY PACK 12 X 0.25 MG, 7 X 0.25 MG	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PONVORY ORAL TABLET 20 MG	1	PA
PONVORY STARTER PACK ORAL TABLET THERAPY PACK 2-3-4-5-6-7-8-9 & 10 MG	1	PA
REBIF REBIDOSE SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 22 MCG/0.5ML, 44 MCG/0.5ML	1	PA
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 6X8.8 & 6X22 MCG	1	PA
REBIF SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 22 MCG/0.5ML, 44 MCG/0.5ML	1	PA
REBIF TITRATION PACK SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 6X8.8 & 6X22 MCG	1	PA
TASCENSO ODT ORAL TABLET DISPERSIBLE 0.25 MG, 0.5 MG	1	PA
teriflunomide oral tablet 14 mg, 7 mg	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
ZEPOSIA 7-DAY STARTER PACK ORAL CAPSULE THERAPY PACK 4 X 0.23MG & 3 X 0.46MG	1	PA
ZEPOSIA ORAL CAPSULE 0.92 MG	1	PA
ZEPOSIA STARTER KIT ORAL CAPSULE THERAPY PACK 0.23MG &0.46MG 0.92MG(21)	1	PA
Dental And Oral Agents - Treatment Of Mouth And Gum Disorders		
Dental And Oral Agents		
cevimeline hcl oral capsule 30 mg	1	
chlorhexidine gluconate mouth/throat solution 0.12 %	1	
pilocarpine hcl oral tablet 5 mg, 7.5 mg	1	
triamcinolone acetonide mouth/throat paste 0.1 %	1	
Dermatological Agents - Treatment Of Skin Conditions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Acne And Rosacea Agents		
acitretin oral capsule 10 mg, 17.5 mg, 25 mg	1	PA
adapalene external gel 0.3 %	1	
adapalene-benzoyl peroxide external gel 0.1-2.5 %	1	
amnesteem oral capsule 10 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg	1	
benzoyl peroxide-erythromycin external gel 5-3 %	1	
claravis oral capsule 10 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg	1	
clindamycin phos-benzoyl perox external gel 1-5 %, 1.2-2.5 %, 1.2-5 %	1	
isotretinoin oral capsule 10 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg	1	
tazarotene external cream 0.05 %, 0.1 %	1	
tazarotene external gel 0.05 %, 0.1 %	1	
tretinoin external cream 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	1	
tretinoin external gel 0.01 %, 0.025 %	1	
zenatane oral capsule 10 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg	1	
Dermatitis And Pruritus Agents		
alclometasone dipropionate external cream 0.05 %	1	
alclometasone dipropionate external ointment 0.05 %	1	
ammonium lactate external cream 12 %	1	
ammonium lactate external lotion 12 %	1	
betamethasone dipropionate aug external cream 0.05 %	1	
betamethasone dipropionate aug external gel 0.05 %	1	
betamethasone dipropionate aug external lotion 0.05 %	1	
betamethasone dipropionate aug external ointment 0.05 %	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
betamethasone dipropionate external cream 0.05 %	1	
betamethasone dipropionate external lotion 0.05 %	1	
betamethasone dipropionate external ointment 0.05 %	1	
betamethasone valerate external cream 0.1 %	1	
betamethasone valerate external lotion 0.1 %	1	
betamethasone valerate external ointment 0.1 %	1	
clobetasol prop emollient base external cream 0.05 %	1	QL (60 GM per 30 days)
clobetasol propionate e external cream 0.05 %	1	
clobetasol propionate external cream 0.05 %	1	QL (60 GM per 30 days)
clobetasol propionate external gel 0.05 %	1	QL (60 GM per 30 days)
clobetasol propionate external ointment 0.05 %	1	QL (60 GM per 30 days)
clobetasol propionate external solution 0.05 %	1	QL (50 ML per 30 days)
desonide external cream 0.05 %	1	
desonide external lotion 0.05 %	1	
desonide external ointment 0.05 %	1	
desoximetasone external cream 0.05 %, 0.25 %	1	
desoximetasone external gel 0.05 %	1	
desoximetasone external ointment 0.05 %, 0.25 %	1	
doxepin hcl external cream 5 %	1	PA; QL (45 GM per 30 days)
EUCRISA EXTERNAL OINTMENT 2 %	1	PA
fluocinolone acetonide external cream 0.01 %, 0.025 %	1	
fluocinolone acetonide external ointment 0.025 %	1	
fluocinolone acetonide external solution 0.01 %	1	
fluocinonide emulsified base external cream 0.05 %	1	
fluocinonide external cream 0.05 %	1	QL (120 GM per 30 days)
fluocinonide external gel 0.05 %	1	QL (120 GM per 30 days)
fluocinonide external ointment 0.05 %	1	QL (60 GM per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
fluocinonide external solution 0.05 %	1	QL (60 ML per 30 days)
fluticasone propionate external cream 0.05 %	1	
fluticasone propionate external lotion 0.05 %	1	
fluticasone propionate external ointment 0.005 %	1	
halobetasol propionate external cream 0.05 %	1	
halobetasol propionate external ointment 0.05 %	1	
hydrocortisone (perianal) external cream 1 %, 2.5 %	1	
hydrocortisone butyrate external cream 0.1 %	1	
hydrocortisone butyrate external ointment 0.1 %	1	
hydrocortisone butyrate external solution 0.1 %	1	
hydrocortisone external cream 1 %, 2.5 %	1	
hydrocortisone external lotion 2.5 %	1	
hydrocortisone external ointment 1 %, 2.5 %	1	
hydrocortisone valerate external cream 0.2 %	1	
hydrocortisone valerate external ointment 0.2 %	1	
HYFTOR EXTERNAL GEL 0.2 %	1	PA
mometasone furoate external cream 0.1 %	1	
mometasone furoate external ointment 0.1 %	1	
mometasone furoate external solution 0.1 %	1	
pimecrolimus external cream 1 %	1	ST
selenium sulfide external lotion 2.5 %	1	
tacrolimus external ointment 0.03 %, 0.1 %	1	ST
triamcinolone acetonide external cream 0.025 %, 0.1 %, 0.5 %	1	
triamcinolone acetonide external lotion 0.025 %, 0.1 %	1	
triamcinolone acetonide external ointment 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %, 0.5 %	1	
triamcinolone in absorbase external ointment 0.05 %	1	
Dermatological Agents, Other		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
alcohol pad , 70 %	1	
alcohol sheet , 70 %	1	
calcipotriene external cream 0.005 %	1	QL (120 GM per 30 days)
calcipotriene external ointment 0.005 %	1	QL (120 GM per 30 days)
calcipotriene external solution 0.005 %	1	QL (120 ML per 30 days)
calcitriol external ointment 3 mcg/gm	1	
clotrimazole-betamethasone external cream 1-0.05 %	1	QL (45 GM per 28 days)
clotrimazole-betamethasone external lotion 1-0.05 %	1	QL (60 ML per 28 days)
fluorouracil external cream 5 %	1	QL (40 GM per 30 days)
fluorouracil external solution 2 %, 5 %	1	
imiquimod external cream 5 %	1	
methoxsalen rapid oral capsule 10 mg	1	
nystatin-triamcinolone external cream 100000-0.1 unit/gm-%	1	
nystatin-triamcinolone external ointment 100000-0.1 unit/gm-%	1	
OTEZLA ORAL TABLET 20 MG, 30 MG	1	PA
OTEZLA ORAL TABLET THERAPY PACK 10 & 20 & 30 MG, 4 X 10 & 51 X20 MG	1	PA
OTEZLA XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 75 MG	1	PA
OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK ORAL TABLET THERAPY PACK 10&20&30&(ER)75 MG	1	PA
podofilox external solution 0.5 %	1	
SANTYL EXTERNAL OINTMENT 250 UNIT/GM	1	QL (90 GM per 30 days)
silver sulfadiazine external cream 1 %	1	
sodium chloride irrigation solution 0.9 %	1	
Pediculicides/Scabicides		
malathion external lotion 0.5 %	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
permethrin external cream 5 %	1	QL (60 GM per 30 days)
Topical Anti-Infectives		
acyclovir external cream 5 %	1	
acyclovir external ointment 5 %	1	
ciclopirox external solution 8 %	1	
ciclopirox olamine external cream 0.77 %	1	
ciclopirox olamine external suspension 0.77 %	1	
clindamycin phos (once-daily) external gel 1 %	1	
clindamycin phos (twice-daily) external gel 1 %	1	
clindamycin phosphate external lotion 1 %	1	
clindamycin phosphate external solution 1 %	1	
clindamycin phosphate external swab 1 %	1	
ery external pad 2 %	1	
erythromycin external gel 2 %	1	
erythromycin external solution 2 %	1	
gentamicin sulfate external cream 0.1 %	1	
gentamicin sulfate external ointment 0.1 %	1	
metronidazole external cream 0.75 %	1	
metronidazole external gel 0.75 %, 1 %	1	
metronidazole external lotion 0.75 %	1	
mupirocin external ointment 2 %	1	QL (88 GM per 30 days)
penciclovir external cream 1 %	1	
Electrolytes/Minerals/ Metals/ Vitamins - Products That Supplement Or Replace Electrolytes, Minerals, Metals Or Vitamins		
Electrolyte/ Mineral Replacement		
carglumic acid oral tablet soluble 200 mg	1	PA
ISOLYTE-S INTRAVENOUS SOLUTION	1	
ISOLYTE-S PH 7.4 INTRAVENOUS SOLUTION	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
kcl in dextrose-nacl intravenous solution 20-5-0.45 meq/l-%-%	1	
KLOR-CON 10 ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 10 MEQ	1	
klor-con m10 oral tablet extended release 10 meq	1	
klor-con m15 oral tablet extended release 15 meq	1	
klor-con m20 oral tablet extended release 20 meq	1	
KLOR-CON ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 8 MEQ	1	
magnesium sulfate injection solution 50 %, 50 % (10ml syringe)	1	
potassium chloride crys er oral tablet extended release 10 meq, 15 meq, 20 meq	1	
potassium chloride er oral capsule extended release 10 meq, 8 meq	1	
potassium chloride er oral tablet extended release 10 meq, 15 meq, 20 meq, 8 meq	1	
potassium chloride intravenous solution 2 meq/ml, 2 meq/ml (20 ml), 40 meq/100ml	1	
potassium chloride oral solution 10 %, 20 meq/15ml (10%), 40 meq/15ml (20%)	1	
potassium citrate er oral tablet extended release 10 meq (1080 mg), 15 meq (1620 mg), 5 meq (540 mg)	1	
sodium chloride (pf) injection solution 0.9 %	1	
sodium chloride intravenous solution 0.45 %, 0.9 %, 3 %	1	
sodium fluoride oral tablet 2.2 (1 f) mg	1	
Electrolyte/Mineral/Metal Modifiers		
CUVRIOR ORAL TABLET 300 MG	1	PA
deferasirox granules oral packet 180 mg, 360 mg, 90 mg	1	PA
deferasirox oral packet 180 mg, 360 mg, 90 mg	1	PA
deferasirox oral tablet 180 mg, 360 mg, 90 mg	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
deferasirox oral tablet soluble 125 mg, 250 mg, 500 mg	1	PA
deferiprone oral tablet 1000 mg, 500 mg	1	PA
penicillamine oral tablet 250 mg	1	PA
tolvaptan (hyponatremia) oral tablet 15 mg, 30 mg	1	PA
tolvaptan oral tablet 15 mg, 30 mg	1	PA
tolvaptan oral tablet therapy pack 15 mg, 30 & 15 mg, 45 & 15 mg, 60 & 30 mg, 90 & 30 mg	1	PA
trientine hcl oral capsule 250 mg	1	PA
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
clinisol sf intravenous solution 15 %	1	B/D
dextrose intravenous solution 10 %, 5 %	1	
dextrose-sodium chloride intravenous solution 10-0.2 %, 10-0.45 %, 2.5-0.45 %, 5-0.2 %, 5-0.45 %, 5-0.9 %	1	
INTRALIPID INTRAVENOUS EMULSION 20 %, 30 %	1	B/D
ISOLYTE-P IN D5W INTRAVENOUS SOLUTION	1	
levocarnitine oral solution 1 gm/10ml	1	
levocarnitine oral tablet 330 mg	1	
levocarnitine sf oral solution 1 gm/10ml	1	
NUTRILIPID INTRAVENOUS EMULSION 20 %	1	B/D
plenamine intravenous solution 15 %	1	B/D
pnv 27-ca/fe/fa oral tablet 60-1 mg	1	
prenatal oral tablet 27-1 mg	1	
Phosphate Binders		
calcium acetate (phos binder) oral capsule 667 mg	1	
lanthanum carbonate oral tablet chewable 1000 mg, 500 mg, 750 mg	1	
sevelamer carbonate oral packet 0.8 gm, 2.4 gm	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
sevelamer carbonate oral tablet 800 mg	1	
Potassium Binders		
LOKELMA ORAL PACKET 10 GM, 5 GM	1	
sodium polystyrene sulfonate oral powder	1	
sps (sodium polystyrene sulf) combination suspension 15 gm/60ml	1	
sps (sodium polystyrene sulf) rectal suspension 30 gm/120ml	1	
VELTASSA ORAL PACKET 16.8 GM, 25.2 GM	1	QL (30 EA per 30 days)
VELTASSA ORAL PACKET 8.4 GM	1	QL (90 EA per 30 days)
Vitamins		
trinatal rx 1 oral tablet 60-1 mg	1	
Gastrointestinal Agents - Treatment Of Stomach And Intestinal Conditions		
Anti-Constipation Agents		
constulose oral solution 10 gm/15ml	1	
enulose oral solution 10 gm/15ml	1	
gavilyte-c oral solution reconstituted 240 gm	1	
gavilyte-g oral solution reconstituted 236 gm	1	
gavilyte-n with flavor pack oral solution reconstituted 420 gm	1	
generlac oral solution 10 gm/15ml	1	
lactulose encephalopathy oral solution 10 gm/15ml	1	
lactulose oral solution 10 gm/15ml, 20 gm/30ml	1	
LINZESS ORAL CAPSULE 145 MCG, 290 MCG, 72 MCG	1	QL (30 EA per 30 days)
lubiprostone oral capsule 24 mcg, 8 mcg	1	QL (60 EA per 30 days)
MOVANTIK ORAL TABLET 12.5 MG, 25 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
peg 3350-kcl-na bicarb-nacl oral solution reconstituted 420 gm	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
peg-3350/electrolytes oral solution reconstituted 236 gm	1	
RELISTOR ORAL TABLET 150 MG	1	PA
RELISTOR SUBCUTANEOUS SOLUTION 12 MG/0.6ML, 12 MG/0.6ML (0.6ML SYRINGE)	1	PA
RELISTOR SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 12 MG/0.6ML, 8 MG/0.4ML	1	PA
TRULANCE ORAL TABLET 3 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
Anti-Diarrheal Agents		
alosetron hcl oral tablet 0.5 mg, 1 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
diphenoxylate-atropine oral liquid 2.5-0.025 mg/5ml	1	PA
diphenoxylate-atropine oral tablet 2.5-0.025 mg	1	PA
loperamide hcl oral capsule 2 mg	1	
XERMELO ORAL TABLET 250 MG	1	PA
XIFAXAN ORAL TABLET 200 MG, 550 MG	1	PA
Antispasmodics, Gastrointestinal		
dicyclomine hcl oral capsule 10 mg	1	
dicyclomine hcl oral solution 10 mg/5ml	1	
dicyclomine hcl oral tablet 20 mg	1	
glycopyrrolate oral solution 1 mg/5ml	1	
glycopyrrolate oral tablet 1 mg, 2 mg	1	
Gastrointestinal Agents, Other		
GATTEX SUBCUTANEOUS KIT 5 MG	1	PA
LIVMARLI ORAL SOLUTION 19 MG/ML, 9.5 MG/ML	1	PA
LIVMARLI ORAL TABLET 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	1	PA
ursodiol oral capsule 300 mg	1	
ursodiol oral tablet 250 mg, 500 mg	1	
VOQUEZNA DUAL PAK ORAL THERAPY PACK 500-20 MG	1	QL (112 EA per 14 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VOQUEZNA ORAL TABLET 10 MG, 20 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
VOQUEZNA TRIPLE PAK ORAL THERAPY PACK 500-500-20 MG	1	QL (112 EA per 14 days)
VOWST ORAL CAPSULE	1	PA
Histamine2 (H2) Receptor Antagonists		
cimetidine oral tablet 200 mg, 300 mg, 400 mg, 800 mg	1	
famotidine oral tablet 20 mg, 40 mg	1	
Protectants		
misoprostol oral tablet 100 mcg, 200 mcg	1	
sucralfate oral tablet 1 gm	1	
Proton Pump Inhibitors		
esomeprazole magnesium oral capsule delayed release 20 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
esomeprazole magnesium oral capsule delayed release 40 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
lansoprazole oral capsule delayed release 15 mg, 30 mg	1	
omeprazole oral capsule delayed release 10 mg, 20 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
omeprazole oral capsule delayed release 40 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
pantoprazole sodium oral tablet delayed release 20 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
pantoprazole sodium oral tablet delayed release 40 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
Genetic Or Enzyme Or Protein Disorder: Replacement, Modifiers, Treatment - Products That Replace, Modify, Or Treat Genetic Or Enzyme Disorders		
Genetic Or Enzyme Or Protein Disorder: Replacement, Modifiers, Treatment		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARALAST NP INTRAVENOUS SOLUTION RECONSTITUTED 1000 MG, 500 MG	1	PA
betaine oral powder	1	
CERDELGA ORAL CAPSULE 84 MG	1	PA
CHOLBAM ORAL CAPSULE 250 MG, 50 MG	1	PA
CREON ORAL CAPSULE DELAYED RELEASE PARTICLES 12000-38000 UNIT, 24000-76000 UNIT, 3000-9500 UNIT, 36000-114000 UNIT, 6000-19000 UNIT	1	
CYSTAGON ORAL CAPSULE 150 MG, 50 MG	1	PA
GALAFOLD ORAL CAPSULE 123 MG	1	PA
GLASSIA INTRAVENOUS SOLUTION 1000 MG/50ML, 4 GM/200ML, 5 GM/250ML	1	PA
glycerol phenylbutyrate oral liquid 1.1 gm/ml	1	PA
l-glutamine oral packet 5 gm	1	PA
miglustat oral capsule 100 mg	1	PA
nitisinone oral capsule 10 mg, 2 mg, 20 mg, 5 mg	1	PA
ORFADIN ORAL SUSPENSION 4 MG/ML	1	PA
PROLASTIN-C INTRAVENOUS SOLUTION 1000 MG/20ML	1	PA
REVCOVI INTRAMUSCULAR SOLUTION 2.4 MG/1.5ML	1	PA
sapropterin dihydrochloride oral packet 100 mg, 500 mg	1	PA
sapropterin dihydrochloride oral tablet 100 mg	1	PA
sodium phenylbutyrate oral powder 3 gm/tsp	1	PA
sodium phenylbutyrate oral tablet 500 mg	1	PA
SUCRAID ORAL SOLUTION 8500 UNIT/ML	1	PA
ZEMAIRA INTRAVENOUS SOLUTION RECONSTITUTED 1000 MG, 4000 MG, 5000 MG	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZENPEP ORAL CAPSULE DELAYED RELEASE PARTICLES 10000-32000 UNIT, 15000-47000 UNIT, 20000-63000 UNIT, 25000-79000 UNIT, 3000-10000 UNIT, 40000-126000 UNIT, 5000-24000 UNIT, 60000-189600 UNIT	1	
Genitourinary Agents - Treatment Of Urinary Tract And Prostate Conditions		
Antispasmodics, Urinary		
darifenacin hydrobromide er oral tablet extended release 24 hour 15 mg, 7.5 mg	1	ST
fesoterodine fumarate er oral tablet extended release 24 hour 4 mg, 8 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
flavoxate hcl oral tablet 100 mg	1	
GEMTESA ORAL TABLET 75 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
MYRBETRIQ ORAL SUSPENSION RECONSTITUTED ER 8 MG/ML	1	QL (300 ML per 30 days)
MYRBETRIQ ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 25 MG, 50 MG	1	QL (30 EA per 30 days)
oxybutynin chloride er oral tablet extended release 24 hour 10 mg, 15 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
oxybutynin chloride er oral tablet extended release 24 hour 5 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
oxybutynin chloride oral solution 5 mg/5ml	1	
oxybutynin chloride oral tablet 5 mg	1	
solifenacin succinate oral tablet 10 mg, 5 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
tolterodine tartrate er oral capsule extended release 24 hour 2 mg, 4 mg	1	
tolterodine tartrate oral tablet 1 mg, 2 mg	1	
trospium chloride er oral capsule extended release 24 hour 60 mg	1	ST
trospium chloride oral tablet 20 mg	1	
Benign Prostatic Hypertrophy Agents		
alfuzosin hcl er oral tablet extended release 24 hour 10 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
dutasteride oral capsule 0.5 mg	1	
finasteride oral tablet 5 mg	1	
tadalafil oral tablet 5 mg	1	PA
tamsulosin hcl oral capsule 0.4 mg	1	
Genitourinary Agents, Other		
bethanechol chloride oral tablet 10 mg, 25 mg, 5 mg, 50 mg	1	
ELMIRON ORAL CAPSULE 100 MG	1	
FILSPARI ORAL TABLET 200 MG, 400 MG	1	PA
tiopronin oral tablet 100 mg	1	PA
tiopronin oral tablet delayed release 100 mg, 300 mg	1	PA
Hormonal Agents, Stimulant/ Replacement/ Modifying (Adrenal) - Treatment Of Conditions Requiring Steroids		
Hormonal Agents, Stimulant/ Replacement/ Modifying (Adrenal)		
CORTROPHIN GEL SUBCUTANEOUS PREFILLED SYRINGE 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	1	PA
CORTROPHIN INJECTION GEL 80 UNIT/ML	1	PA
dexamethasone oral solution 0.5 mg/5ml	1	
dexamethasone oral tablet 0.5 mg, 0.75 mg, 1 mg, 1.5 mg, 2 mg, 4 mg, 6 mg	1	
fludrocortisone acetate oral tablet 0.1 mg	1	
hydrocortisone oral tablet 10 mg, 20 mg, 5 mg	1	
methylprednisolone oral tablet 16 mg, 32 mg, 4 mg, 8 mg	1	
methylprednisolone oral tablet therapy pack 4 mg	1	
prednisolone oral solution 15 mg/5ml	1	
prednisolone sodium phosphate oral solution 25 mg/5ml, 5 mg/5ml	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Hormonal Agents, Stimulant/ Replacement/ Modifying (Pituitary) - Treatment Of Pituitary Gland Conditions		
Hormonal Agents, Stimulant/ Replacement/ Modifying (Pituitary)		
desmopressin ace spray refrig nasal solution 0.01 %	1	
desmopressin acetate oral tablet 0.1 mg, 0.2 mg	1	
desmopressin acetate spray nasal solution 0.01 %	1	
EGRIFTA SV SUBCUTANEOUS SOLUTION RECONSTITUTED 2 MG	1	PA
EGRIFTA WR SUBCUTANEOUS KIT 11.6 MG	1	PA
GENOTROPIN MINIQUICK SUBCUTANEOUS PREFILLED SYRINGE 0.2 MG, 0.4 MG, 0.6 MG, 0.8 MG, 1 MG, 1.2 MG, 1.4 MG, 1.6 MG, 1.8 MG, 2 MG	1	PA
GENOTROPIN SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 12 MG, 5 MG	1	PA
INCRELEX SUBCUTANEOUS SOLUTION 40 MG/4ML	1	PA
NGENLA SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 24 MG/1.2ML, 60 MG/1.2ML	1	PA
OMNITROPE SUBCUTANEOUS SOLUTION CARTRIDGE 10 MG/1.5ML, 5 MG/1.5ML	1	PA
OMNITROPE SUBCUTANEOUS SOLUTION RECONSTITUTED 5.8 MG	1	PA
SEROSTIM SUBCUTANEOUS SOLUTION RECONSTITUTED 4 MG, 5 MG, 6 MG	1	PA
SKYTROFA SUBCUTANEOUS CARTRIDGE 0.7 MG, 1.4 MG, 1.8 MG, 11 MG, 13.3 MG, 2.1 MG, 2.5 MG, 3 MG, 3.6 MG, 4.3 MG, 5.2 MG, 6.3 MG, 7.6 MG, 9.1 MG	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Hormonal Agents, Stimulant/ Replacement/ Modifying (Sex Hormones/ Modifiers) - For The Replacement Or Modification Of Sex Hormones		
Androgens		
danazol oral capsule 100 mg, 200 mg, 50 mg	1	
methyltestosterone oral capsule 10 mg	1	PA
testosterone cypionate intramuscular solution 100 mg/ml, 200 mg/ml, 200 mg/ml (1 ml)	1	
testosterone enanthate intramuscular solution 200 mg/ml	1	
testosterone transdermal gel 1.62 %, 12.5 mg/act (1%), 20.25 mg/1.25gm (1.62%), 20.25 mg/act (1.62%), 25 mg/2.5gm (1%), 40.5 mg/2.5gm (1.62%), 50 mg/5gm (1%)	1	PA
testosterone transdermal solution 30 mg/act	1	PA
Estrogens		
estradiol oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 2 mg	1	
estradiol transdermal patch twice weekly 0.025 mg/24hr, 0.0375 mg/24hr, 0.05 mg/24hr, 0.075 mg/24hr, 0.1 mg/24hr	1	QL (8 EA per 28 days)
estradiol transdermal patch weekly 0.025 mg/24hr, 0.0375 mg/24hr, 0.05 mg/24hr, 0.06 mg/24hr, 0.075 mg/24hr, 0.1 mg/24hr	1	QL (4 EA per 28 days)
estradiol vaginal cream 0.01 %	1	
estradiol vaginal tablet 10 mcg	1	
estradiol valerate intramuscular oil 10 mg/ml, 20 mg/ml, 40 mg/ml	1	
PREMARIN ORAL TABLET 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG	1	
PREMARIN VAGINAL CREAM 0.625 MG/GM	1	
yuvafem vaginal tablet 10 mcg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Hormonal Agents, Stimulant/ Replacement/ Modifying (Sex Hormones/ Modifiers)		
abigale lo oral tablet 0.5-0.1 mg	1	
abigale oral tablet 1-0.5 mg	1	
afirmelle oral tablet 0.1-20 mg-mcg	1	
altavera oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	
alyacen 1/35 oral tablet 1-35 mg-mcg	1	
apri oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	
aranelle oral tablet 0.5/1/0.5-35 mg-mcg	1	
ashlyna oral tablet 0.15-0.03 &0.01 mg	1	
aubra eq oral tablet 0.1-20 mg-mcg	1	
aurovela 1.5/30 oral tablet 1.5-30 mg-mcg	1	
aurovela 1/20 oral tablet 1-20 mg-mcg	1	
aurovela 24 fe oral tablet 1-20 mg-mcg(24)	1	
aurovela fe 1.5/30 oral tablet 1.5-30 mg-mcg	1	
aurovela fe 1/20 oral tablet 1-20 mg-mcg	1	
aviane oral tablet 0.1-20 mg-mcg	1	
ayuna oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	
azurette oral tablet 0.15-0.02/0.01 mg (21/5)	1	
balziva oral tablet 0.4-35 mg-mcg	1	
blisovi 24 fe oral tablet 1-20 mg-mcg(24)	1	
blisovi fe 1.5/30 oral tablet 1.5-30 mg-mcg	1	
blisovi fe 1/20 oral tablet 1-20 mg-mcg	1	
briellyn oral tablet 0.4-35 mg-mcg	1	
charlotte 24 fe oral tablet chewable 1-20 mg-mcg(24)	1	
chateal eq oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	
COMBIPATCH TRANSDERMAL PATCH TWICE WEEKLY 0.05-0.14 MG/DAY, 0.05-0.25 MG/DAY	1	
cryselle oral tablet 0.3-30 mg-mcg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
cryselle-28 oral tablet 0.3-30 mg-mcg	1	
cyred eq oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	
dasetta 1/35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg	1	
dasetta 7/7/7 oral tablet 0.5/0.75/1-35 mg-mcg	1	
daysee oral tablet 0.15-0.03 &0.01 mg	1	
DEPO-PROVERA INTRAMUSCULAR SUSPENSION 150 MG/ML	1	
DEPO-PROVERA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 150 MG/ML	1	
drospirenone-ethinyl estradiol oral tablet 3-0.02 mg, 3-0.03 mg	1	
elinest oral tablet 0.3-30 mg-mcg	1	
eluryng vaginal ring 0.12-0.015 mg/24hr	1	
emzahh oral tablet 0.35 mg	1	
enilloring vaginal ring 0.12-0.015 mg/24hr	1	
enskyce oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	
estarylla oral tablet 0.25-35 mg-mcg	1	
estradiol-norethindrone acet oral tablet 0.5-0.1 mg, 1-0.5 mg	1	
etonogestrel-ethinyl estradiol vaginal ring 0.12-0.015 mg/24hr	1	
falmina oral tablet 0.1-20 mg-mcg	1	
finzala oral tablet chewable 1-20 mg-mcg(24)	1	
fyavolv oral tablet 0.5-2.5 mg-mcg, 1-5 mg-mcg	1	
hailey 1.5/30 oral tablet 1.5-30 mg-mcg	1	
hailey 24 fe oral tablet 1-20 mg-mcg(24)	1	
hailey fe 1.5/30 oral tablet 1.5-30 mg-mcg	1	
hailey fe 1/20 oral tablet 1-20 mg-mcg	1	
haloette vaginal ring 0.12-0.015 mg/24hr	1	
heather oral tablet 0.35 mg	1	
iclevia oral tablet 0.15-0.03 mg	1	
introvale oral tablet 0.15-0.03 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
isibloom oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	
jaimiess oral tablet 0.15-0.03 &0.01 mg	1	
jasmiel oral tablet 3-0.02 mg	1	
jencycla oral tablet 0.35 mg	1	
jinteli oral tablet 1-5 mg-mcg	1	
jolessa oral tablet 0.15-0.03 mg	1	
juleber oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	
junel 1.5/30 oral tablet 1.5-30 mg-mcg	1	
junel 1/20 oral tablet 1-20 mg-mcg	1	
junel fe 1.5/30 oral tablet 1.5-30 mg-mcg	1	
junel fe 1/20 oral tablet 1-20 mg-mcg	1	
junel fe 24 oral tablet 1-20 mg-mcg(24)	1	
kalliga oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	
kariva oral tablet 0.15-0.02/0.01 mg (21/5)	1	
kelnor 1/35 oral tablet 1-35 mg-mcg	1	
kurvelo oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	
KYLEENA INTRAUTERINE INTRAUTERINE DEVICE 19.5 MG	1	
larin 1.5/30 oral tablet 1.5-30 mg-mcg	1	
larin 1/20 oral tablet 1-20 mg-mcg	1	
larin 24 fe oral tablet 1-20 mg-mcg(24)	1	
larin fe 1.5/30 oral tablet 1.5-30 mg-mcg	1	
larin fe 1/20 oral tablet 1-20 mg-mcg	1	
lessina oral tablet 0.1-20 mg-mcg	1	
levonest oral tablet 50-30/75-40/ 125-30 mcg	1	
levonorgest-eth estrad 91-day oral tablet 0.1-0.02 & 0.01 mg, 0.15-0.03 &0.01 mg, 0.15-0.03 mg	1	
levonorgestrel-ethinyl estrad oral tablet 0.1-20 mg-mcg, 0.15-30 mg-mcg	1	
levonorg-eth estrad triphasic oral tablet 50-30/75-40/ 125-30 mcg	1	
levora 0.15/30 (28) oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LILETTA (52 MG) INTRAUTERINE INTRAUTERINE DEVICE 20.1 MCG/DAY	1	
lojaimiess oral tablet 0.1-0.02 & 0.01 mg	1	
loryna oral tablet 3-0.02 mg	1	
low-ogestrel oral tablet 0.3-30 mg-mcg	1	
lo-zumandimine oral tablet 3-0.02 mg	1	
luizza 1.5/30 oral tablet 1.5-30 mg-mcg	1	
luizza 1/20 oral tablet 1-20 mg-mcg	1	
lutera oral tablet 0.1-20 mg-mcg	1	
lyleq oral tablet 0.35 mg	1	
marlissa oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	
mibelas 24 fe oral tablet chewable 1-20 mg-mcg(24)	1	
microgestin 1.5/30 oral tablet 1.5-30 mg-mcg	1	
microgestin 1/20 oral tablet 1-20 mg-mcg	1	
microgestin fe 1.5/30 oral tablet 1.5-30 mg-mcg	1	
microgestin fe 1/20 oral tablet 1-20 mg-mcg	1	
mili oral tablet 0.25-35 mg-mcg	1	
mimvey oral tablet 1-0.5 mg	1	
MIRENA (52 MG) INTRAUTERINE INTRAUTERINE DEVICE 20 MCG/DAY	1	
mono-linyah oral tablet 0.25-35 mg-mcg	1	
necon 0.5/35 (28) oral tablet 0.5-35 mg-mcg	1	
NEXPLANON SUBCUTANEOUS IMPLANT 68 MG	1	
nikki oral tablet 3-0.02 mg	1	
norelgestromin-eth estradiol transdermal patch weekly 150-35 mcg/24hr	1	
norethin ace-eth estrad-fe oral tablet chewable 1-20 mg-mcg(24)	1	
norethindrone acet-ethinyl est oral tablet 1-20 mg-mcg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
norethindrone-eth estradiol oral tablet 0.5-2.5 mg-mcg, 1-5 mg-mcg	1	
norgestimate-eth estradiol oral tablet 0.25-35 mg-mcg	1	
norgestim-eth estrad triphasic oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-25 mcg, 0.18/0.215/0.25 mg-35 mcg	1	
nortrel 0.5/35 (28) oral tablet 0.5-35 mg-mcg	1	
nortrel 1/35 (21) oral tablet 1-35 mg-mcg	1	
nortrel 1/35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg	1	
nortrel 7/7/7 oral tablet 0.5/0.75/1-35 mg-mcg	1	
nylia 1/35 oral tablet 1-35 mg-mcg	1	
nylia 7/7/7 oral tablet 0.5/0.75/1-35 mg-mcg	1	
philith oral tablet 0.4-35 mg-mcg	1	
pimtrea oral tablet 0.15-0.02/0.01 mg (21/5)	1	
portia-28 oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	
PREMPHASE ORAL TABLET 0.625-5 MG	1	
PREMPRO ORAL TABLET 0.3-1.5 MG, 0.45-1.5 MG, 0.625-2.5 MG, 0.625-5 MG	1	
reclipsen oral tablet 0.15-30 mg-mcg	1	
setlakin oral tablet 0.15-0.03 mg	1	
simliya oral tablet 0.15-0.02/0.01 mg (21/5)	1	
simpesse oral tablet 0.15-0.03 &0.01 mg	1	
SKYLA INTRAUTERINE INTRAUTERINE DEVICE 13.5 MG	1	
sprintec 28 oral tablet 0.25-35 mg-mcg	1	
sronyx oral tablet 0.1-20 mg-mcg	1	
syeda oral tablet 3-0.03 mg	1	
tarina 24 fe oral tablet 1-20 mg-mcg(24)	1	
tarina fe 1/20 eq oral tablet 1-20 mg-mcg	1	
tilia fe oral tablet 1-20/1-30/1-35 mg-mcg	1	
tri-estarylla oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-35 mcg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
tri-legest fe oral tablet 1-20/1-30/1-35 mg-mcg	1	
tri-linyah oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-35 mcg	1	
tri-lo-estarylla oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-25 mcg	1	
tri-lo-marzia oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-25 mcg	1	
tri-lo-mili oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-25 mcg	1	
tri-lo-sprintec oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-25 mcg	1	
tri-mili oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-35 mcg	1	
tri-sprintec oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-35 mcg	1	
tri-vylibra lo oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-25 mcg	1	
tri-vylibra oral tablet 0.18/0.215/0.25 mg-35 mcg	1	
turqoz oral tablet 0.3-30 mg-mcg	1	
velivet oral tablet 0.1/0.125/0.15 -0.025 mg	1	
vestura oral tablet 3-0.02 mg	1	
vienva oral tablet 0.1-20 mg-mcg	1	
viorele oral tablet 0.15-0.02/0.01 mg (21/5)	1	
volnea oral tablet 0.15-0.02/0.01 mg (21/5)	1	
vyfemla oral tablet 0.4-35 mg-mcg	1	
vylibra oral tablet 0.25-35 mg-mcg	1	
wera oral tablet 0.5-35 mg-mcg	1	
wymzya fe oral tablet chewable 0.4-35 mg-mcg	1	
xulane transdermal patch weekly 150-35 mcg/24hr	1	
zafemy transdermal patch weekly 150-35 mcg/24hr	1	
zovia 1/35 (28) oral tablet 1-35 mg-mcg	1	
zumandimine oral tablet 3-0.03 mg	1	
Progestins		
camila oral tablet 0.35 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
deblitane oral tablet 0.35 mg	1	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUBCUTANEOUS SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 104 MG/0.65ML	1	
errin oral tablet 0.35 mg	1	
incassia oral tablet 0.35 mg	1	
lyza oral tablet 0.35 mg	1	
medroxyprogesterone acetate intramuscular suspension 150 mg/ml	1	
medroxyprogesterone acetate intramuscular suspension prefilled syringe 150 mg/ml	1	
medroxyprogesterone acetate oral tablet 10 mg, 2.5 mg, 5 mg	1	
megestrol acetate oral suspension 40 mg/ml, 400 mg/10ml, 625 mg/5ml	1	PA
megestrol acetate oral tablet 20 mg, 40 mg	1	PA
meleya oral tablet 0.35 mg	1	
nora-be oral tablet 0.35 mg	1	
norethindrone acetate oral tablet 5 mg	1	
norethindrone oral tablet 0.35 mg	1	
norlyroc oral tablet 0.35 mg	1	
orquidea oral tablet 0.35 mg	1	
progesterone oral capsule 100 mg, 200 mg	1	
sharobel oral tablet 0.35 mg	1	
Selective Estrogen Receptor Modifying Agents		
DUAVEE ORAL TABLET 0.45-20 MG	1	
raloxifene hcl oral tablet 60 mg	1	
Hormonal Agents, Stimulant/ Replacement/ Modifying (Thyroid) - Treatment Of Thyroid Conditions		
Hormonal Agents, Stimulant/ Replacement/ Modifying (Thyroid)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LEVO-T ORAL TABLET 100 MCG, 112 MCG, 125 MCG, 137 MCG, 150 MCG, 175 MCG, 200 MCG, 25 MCG, 300 MCG, 50 MCG, 75 MCG, 88 MCG	1	
levothyroxine sodium oral tablet 100 mcg, 112 mcg, 125 mcg, 137 mcg, 150 mcg, 175 mcg, 200 mcg, 25 mcg, 300 mcg, 50 mcg, 75 mcg, 88 mcg	1	
LEVOXYL ORAL TABLET 100 MCG, 112 MCG, 125 MCG, 137 MCG, 150 MCG, 175 MCG, 200 MCG, 25 MCG, 50 MCG, 75 MCG, 88 MCG	1	
liothyronine sodium oral tablet 25 mcg, 5 mcg, 50 mcg	1	
REZDIFFRA ORAL TABLET 100 MG, 60 MG, 80 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
SYNTHROID ORAL TABLET 100 MCG, 112 MCG, 125 MCG, 137 MCG, 150 MCG, 175 MCG, 200 MCG, 25 MCG, 300 MCG, 50 MCG, 75 MCG, 88 MCG	1	
UNITHROID ORAL TABLET 100 MCG, 112 MCG, 125 MCG, 137 MCG, 150 MCG, 175 MCG, 200 MCG, 25 MCG, 300 MCG, 50 MCG, 75 MCG, 88 MCG	1	
Hormonal Agents, Suppressant (Pituitary) - Treatment Of Or Modification Of Pituitary Hormone Secretion		
Hormonal Agents, Suppressant (Pituitary)		
cabergoline oral tablet 0.5 mg	1	
ELIGARD SUBCUTANEOUS KIT 22.5 MG, 30 MG, 45 MG, 7.5 MG	1	PA
FIRMAGON (240 MG DOSE) SUBCUTANEOUS SOLUTION RECONSTITUTED 120 MG/VIAL	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FIRMAGON SUBCUTANEOUS SOLUTION RECONSTITUTED 80 MG	1	PA
leuprolide acetate (3 month) intramuscular injectable 22.5 mg	1	PA
leuprolide acetate injection kit 1 mg/0.2ml	1	PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) INTRAMUSCULAR KIT 3.75 MG, 7.5 MG	1	PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) INTRAMUSCULAR KIT 11.25 MG, 22.5 MG	1	PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) INTRAMUSCULAR KIT 30 MG	1	PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) INTRAMUSCULAR KIT 45 MG	1	PA
LUTRATE DEPOT INTRAMUSCULAR INJECTABLE 22.5 MG	1	PA
MYFEMBREE ORAL TABLET 40-1-0.5 MG	1	PA
octreotide acetate injection solution 100 mcg/ml, 1000 mcg/ml, 200 mcg/ml, 50 mcg/ml, 500 mcg/ml	1	PA
octreotide acetate intramuscular kit 10 mg, 20 mg, 30 mg	1	PA
octreotide acetate subcutaneous solution prefilled syringe 100 mcg/ml, 50 mcg/ml, 500 mcg/ml	1	
ORGOVYX ORAL TABLET 120 MG	1	PA
ORIAHNN ORAL CAPSULE THERAPY PACK 300-1-0.5 & 300 MG	1	PA
ORILISSA ORAL TABLET 150 MG, 200 MG	1	PA
RECORLEV ORAL TABLET 150 MG	1	PA
SIGNIFOR SUBCUTANEOUS SOLUTION 0.3 MG/ML, 0.6 MG/ML, 0.9 MG/ML	1	PA
SOMAVERT SUBCUTANEOUS SOLUTION RECONSTITUTED 10 MG, 15 MG, 20 MG, 25 MG, 30 MG	1	PA
SYNAREL NASAL SOLUTION 2 MG/ML	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TARPEYO ORAL CAPSULE DELAYED RELEASE 4 MG	1	PA
TRELSTAR MIXJECT INTRAMUSCULAR SUSPENSION RECONSTITUTED 11.25 MG, 22.5 MG, 3.75 MG	1	PA
Hormonal Agents, Suppressant (Thyroid) - Treatment For Overactive Thyroid		
Antithyroid Agents		
methimazole oral tablet 10 mg, 5 mg	1	
propylthiouracil oral tablet 50 mg	1	
Immunological Agents - Medications That Alter The Immune System Including Vaccinations		
Angioedema Agents		
CINRYZE INTRAVENOUS SOLUTION RECONSTITUTED 500 UNIT	1	PA
HAEGARDA SUBCUTANEOUS SOLUTION RECONSTITUTED 2000 UNIT, 3000 UNIT	1	PA
icatibant acetate subcutaneous solution prefilled syringe 30 mg/3ml	1	PA
ORLADEYO ORAL CAPSULE 110 MG, 150 MG	1	PA
Immunoglobulins		
GAMMAGARD ERC INJECTION SOLUTION 10 GM/100ML, 5 GM/50ML	1	B/D
GAMMAGARD INJECTION SOLUTION 1 GM/10ML, 10 GM/100ML, 2.5 GM/25ML, 20 GM/200ML, 30 GM/300ML, 5 GM/50ML	1	B/D
GAMMAGARD S/D LESS IGA INTRAVENOUS SOLUTION RECONSTITUTED 10 GM, 5 GM	1	B/D
GAMMAKED INJECTION SOLUTION 1 GM/10ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 5 GM/50ML	1	B/D

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GAMMAPLEX INTRAVENOUS SOLUTION 10 GM/100ML, 10 GM/200ML, 20 GM/200ML, 20 GM/400ML, 5 GM/100ML, 5 GM/50ML	1	B/D
GAMUNEX-C INJECTION SOLUTION 1 GM/10ML, 10 GM/100ML, 2.5 GM/25ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML, 5 GM/50ML	1	B/D
OCTAGAM INTRAVENOUS SOLUTION 1 GM/20ML, 10 GM/100ML, 10 GM/200ML, 2 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 20 GM/200ML, 30 GM/300ML, 5 GM/100ML, 5 GM/50ML	1	B/D
PRIVIGEN INTRAVENOUS SOLUTION 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML, 5 GM/50ML	1	B/D
Immunological Agents, Other		
ACTEMRA ACTPEN SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 162 MG/0.9ML	1	PA; QL (3.6 ML per 28 days)
ACTEMRA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 162 MG/0.9ML	1	PA; QL (3.6 ML per 28 days)
ARCALYST SUBCUTANEOUS SOLUTION RECONSTITUTED 220 MG	1	PA
BENLYSTA SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 200 MG/ML	1	PA
BENLYSTA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 200 MG/ML	1	PA
CIBINQO ORAL TABLET 100 MG, 200 MG, 50 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
COSENTYX (300 MG DOSE) SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 150 MG/ML	1	PA; QL (10 ML per 28 days)
COSENTYX INTRAVENOUS SOLUTION 125 MG/5ML	1	PA
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 150 MG/ML	1	PA; QL (10 ML per 28 days)
COSENTYX SENSOREADY PEN SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 150 MG/ML	1	PA; QL (10 ML per 28 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COSENTYX SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 150 MG/ML	1	PA; QL (10 ML per 28 days)
COSENTYX SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 75 MG/0.5ML	1	PA; QL (2.5 ML per 28 days)
COSENTYX UNOREADY SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 300 MG/2ML	1	PA; QL (10 ML per 28 days)
ENTYVIO PEN SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 108 MG/0.68ML	1	PA
FABHALTA ORAL CAPSULE 200 MG	1	PA
ILARIS SUBCUTANEOUS SOLUTION 150 MG/ML	1	PA
ILUMYA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 100 MG/ML	1	PA
IMULDOSA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 45 MG/0.5ML	1	PA; QL (0.5 ML per 28 days)
IMULDOSA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 90 MG/ML	1	PA; QL (1 ML per 28 days)
KEVZARA SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 150 MG/1.14ML, 200 MG/1.14ML	1	PA; QL (2.28 ML per 28 days)
KEVZARA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 150 MG/1.14ML, 200 MG/1.14ML	1	PA; QL (2.28 ML per 28 days)
KINERET SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 100 MG/0.67ML	1	PA
LEQSELVI ORAL TABLET 8 MG	1	PA; QL (60 EA per 30 days)
LITFULO ORAL CAPSULE 50 MG	1	PA
ORENCIA CLICKJECT SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 125 MG/ML	1	PA; QL (4 ML per 28 days)
ORENCIA INTRAVENOUS SOLUTION RECONSTITUTED 250 MG	1	PA; QL (4 EA per 28 days)
ORENCIA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 125 MG/ML	1	PA; QL (4 ML per 28 days)
ORENCIA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 50 MG/0.4ML	1	PA; QL (1.6 ML per 28 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ORENCIA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 87.5 MG/0.7ML	1	PA; QL (2.8 ML per 28 days)
SELARSDI INTRAVENOUS SOLUTION 130 MG/26ML	1	PA; QL (104 ML per 180 days)
SELARSDI SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 45 MG/0.5ML	1	PA; QL (0.5 ML per 28 days)
SELARSDI SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 90 MG/ML	1	PA; QL (1 ML per 28 days)
SILIQ SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 210 MG/1.5ML	1	PA; QL (4.5 ML per 28 days)
SOTYKTU ORAL TABLET 6 MG	1	PA
STELARA INTRAVENOUS SOLUTION 130 MG/26ML	1	PA; QL (104 ML per 180 days)
STELARA SUBCUTANEOUS SOLUTION 45 MG/0.5ML	1	PA; QL (0.5 ML per 28 days)
STELARA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 45 MG/0.5ML	1	PA; QL (0.5 ML per 28 days)
STELARA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 90 MG/ML	1	PA; QL (1 ML per 28 days)
STEQEYMA INTRAVENOUS SOLUTION 130 MG/26ML	1	PA; QL (104 ML per 180 days)
STEQEYMA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 45 MG/0.5ML	1	PA; QL (0.5 ML per 28 days)
STEQEYMA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 90 MG/ML	1	PA; QL (1 ML per 28 days)
TALTZ SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 80 MG/ML	1	PA; QL (3 ML per 28 days)
TALTZ SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 20 MG/0.25ML	1	PA; QL (0.75 ML per 28 days)
TALTZ SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 40 MG/0.5ML	1	PA; QL (1.5 ML per 28 days)
TALTZ SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 80 MG/ML	1	PA; QL (3 ML per 28 days)
TREMFYA ONE-PRESS SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 100 MG/ML	1	PA; QL (1 ML per 28 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TREMFYA PEN SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 100 MG/ML	1	PA; QL (1 ML per 28 days)
TREMFYA PEN SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 200 MG/2ML	1	PA; QL (4 ML per 28 days)
TREMFYA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 100 MG/ML	1	PA; QL (1 ML per 28 days)
TREMFYA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 200 MG/2ML	1	PA; QL (4 ML per 28 days)
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 200 MG/2ML	1	PA
ustekinumab subcutaneous solution 45 mg/0.5ml	1	PA; QL (0.5 ML per 28 days)
ustekinumab subcutaneous solution prefilled syringe 45 mg/0.5ml	1	PA; QL (0.5 ML per 28 days)
ustekinumab subcutaneous solution prefilled syringe 90 mg/ml	1	PA; QL (1 ML per 28 days)
ustekinumab-aekn subcutaneous solution prefilled syringe 45 mg/0.5ml	1	PA; QL (0.5 ML per 28 days)
ustekinumab-aekn subcutaneous solution prefilled syringe 90 mg/ml	1	PA; QL (1 ML per 28 days)
XELJANZ ORAL SOLUTION 1 MG/ML	1	PA; QL (480 ML per 24 days)
XELJANZ ORAL TABLET 10 MG, 5 MG	1	PA; QL (60 EA per 30 days)
XELJANZ XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 11 MG, 22 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
YESINTEK INTRAVENOUS SOLUTION 130 MG/26ML	1	PA; QL (104 ML per 180 days)
YESINTEK SUBCUTANEOUS SOLUTION 45 MG/0.5ML	1	PA; QL (0.5 ML per 28 days)
YESINTEK SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 45 MG/0.5ML	1	PA; QL (0.5 ML per 28 days)
YESINTEK SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 90 MG/ML	1	PA; QL (1 ML per 28 days)
ZILBRYSQ SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 16.6 MG/0.416ML, 23 MG/0.574ML, 32.4 MG/0.81ML	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Immunostimulants		
ACTIMMUNE SUBCUTANEOUS SOLUTION 100 MCG/0.5ML	1	
PEGASYS SUBCUTANEOUS SOLUTION 180 MCG/ML	1	PA
PEGASYS SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 180 MCG/0.5ML	1	PA
Immunosuppressants		
adalimumab-fkjp (2 pen) subcutaneous auto-injector kit 40 mg/0.8ml	1	PA; QL (6 EA per 28 days)
adalimumab-fkjp (2 syringe) subcutaneous prefilled syringe kit 20 mg/0.4ml	1	PA; QL (4 EA per 28 days)
adalimumab-fkjp (2 syringe) subcutaneous prefilled syringe kit 40 mg/0.8ml	1	PA; QL (6 EA per 28 days)
ASTAGRAF XL ORAL CAPSULE EXTENDED RELEASE 24 HOUR 0.5 MG, 1 MG, 5 MG	1	B/D
azathioprine oral tablet 50 mg	1	B/D
CIMZIA (1 SYRINGE) SUBCUTANEOUS PREFILLED SYRINGE KIT 200 MG/ML	1	PA; QL (2 EA per 28 days)
CIMZIA (2 SYRINGE) SUBCUTANEOUS PREFILLED SYRINGE KIT 200 MG/ML	1	PA; QL (2 EA per 28 days)
CIMZIA SUBCUTANEOUS KIT 2 X 200 MG	1	PA; QL (2 EA per 28 days)
CIMZIA-STARTER SUBCUTANEOUS PREFILLED SYRINGE KIT 200 MG/ML	1	PA; QL (3 EA per 28 days)
cyclosporine modified oral capsule 100 mg, 25 mg, 50 mg	1	B/D
cyclosporine modified oral solution 100 mg/ml	1	B/D
cyclosporine oral capsule 100 mg, 25 mg	1	B/D
ENBREL MINI SUBCUTANEOUS SOLUTION CARTRIDGE 50 MG/ML	1	PA; QL (8 ML per 28 days)
ENBREL SUBCUTANEOUS SOLUTION 25 MG/0.5ML	1	PA; QL (8 ML per 28 days)
ENBREL SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 25 MG/0.5ML, 50 MG/ML	1	PA; QL (8 ML per 28 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ENBREL SURECLICK SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 50 MG/ML	1	PA; QL (8 ML per 28 days)
ENVARSUS XR ORAL TABLET EXTENDED RELEASE 24 HOUR 0.75 MG, 1 MG, 4 MG	1	B/D
everolimus oral tablet 0.25 mg, 0.5 mg, 0.75 mg, 1 mg	1	B/D
gengraf oral capsule 100 mg, 25 mg	1	B/D
leflunomide oral tablet 10 mg, 20 mg	1	
LUPKYNIS ORAL CAPSULE 7.9 MG	1	PA
methotrexate sodium (pf) injection solution 50 mg/2ml	1	
methotrexate sodium injection solution 250 mg/10ml, 50 mg/2ml	1	
methotrexate sodium oral tablet 2.5 mg	1	
mycophenolate mofetil oral capsule 250 mg	1	B/D
mycophenolate mofetil oral suspension reconstituted 200 mg/ml	1	B/D
mycophenolate mofetil oral tablet 500 mg	1	B/D
mycophenolate sodium oral tablet delayed release 180 mg, 360 mg	1	B/D
PROGRAF INTRAVENOUS SOLUTION 5 MG/ML	1	B/D
PROGRAF ORAL PACKET 0.2 MG, 1 MG	1	B/D
REZUROCK ORAL TABLET 200 MG	1	PA
SIMLANDI (1 PEN) SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR KIT 40 MG/0.4ML	1	PA; QL (6 EA per 28 days)
SIMLANDI (1 PEN) SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR KIT 80 MG/0.8ML	1	PA; QL (3 EA per 28 days)
SIMLANDI (1 SYRINGE) SUBCUTANEOUS PREFILLED SYRINGE KIT 80 MG/0.8ML	1	PA; QL (3 EA per 28 days)
SIMLANDI (2 PEN) SUBCUTANEOUS AUTO-INJECTOR KIT 40 MG/0.4ML	1	PA; QL (6 EA per 28 days)
SIMLANDI (2 SYRINGE) SUBCUTANEOUS PREFILLED SYRINGE KIT 20 MG/0.2ML	1	PA; QL (4 EA per 28 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SIMLANDI (2 SYRINGE) SUBCUTANEOUS PREFILLED SYRINGE KIT 40 MG/0.4ML	1	PA; QL (6 EA per 28 days)
SIMPONI SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 100 MG/ML, 50 MG/0.5ML	1	PA
SIMPONI SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 100 MG/ML, 50 MG/0.5ML	1	PA
sirolimus oral solution 1 mg/ml	1	B/D
sirolimus oral tablet 0.5 mg, 1 mg, 2 mg	1	B/D
tacrolimus intravenous solution 5 mg/ml	1	B/D
tacrolimus oral capsule 0.5 mg, 1 mg, 5 mg	1	B/D
Vaccines		
ABRYSVO INTRAMUSCULAR SOLUTION RECONSTITUTED 120 MCG/0.5ML	1	
ACTHIB INTRAMUSCULAR SOLUTION RECONSTITUTED	1	
ADACEL INTRAMUSCULAR SUSPENSION 5-2-15.5 (PREFILLED SYRINGE), 5-2-15.5 LF-MCG/0.5	1	
ADACEL INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 5-2-15.5 LF-MCG/0.5	1	
AREXVY INTRAMUSCULAR SUSPENSION RECONSTITUTED 120 MCG/0.5ML	1	
BCG VACCINE INJECTION SOLUTION RECONSTITUTED 50 MG	1	
BEXSERO INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 0.5 ML	1	
BEYFORTUS INTRAMUSCULAR SOLUTION PREFILLED SYRINGE 100 MG/ML, 50 MG/0.5ML	1	
BOOSTRIX INTRAMUSCULAR SUSPENSION 5-2.5-18.5 LF-MCG/0.5	1	
BOOSTRIX INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 5-2.5-18.5 LF-MCG/0.5	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DAPTACEL INTRAMUSCULAR SUSPENSION 23-15-5	1	
ENFLONSIA INTRAMUSCULAR SOLUTION PREFILLED SYRINGE 105 MG/0.7ML	1	
ENGERIX-B INJECTION SUSPENSION 20 MCG/ML	1	B/D
ENGERIX-B INJECTION SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 10 MCG/0.5ML, 20 MCG/ML	1	B/D
ERVEBO INTRAMUSCULAR SUSPENSION	1	
GARDASIL 9 INTRAMUSCULAR SUSPENSION 0.5 ML	1	
GARDASIL 9 INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 0.5 ML	1	
HAVRIX INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 1440 EL U/ML, 720 EL U/0.5ML	1	
HEPLISAV-B INTRAMUSCULAR SOLUTION PREFILLED SYRINGE 20 MCG/0.5ML	1	B/D
HIBERIX INJECTION SOLUTION RECONSTITUTED 10 MCG	1	
IMOVAX RABIES INTRAMUSCULAR SUSPENSION RECONSTITUTED 2.5 UNIT/ML	1	B/D
INFANRIX INTRAMUSCULAR SUSPENSION 25-58-10	1	
IPOL INJECTION SUSPENSION	1	
IXIARO INTRAMUSCULAR SUSPENSION	1	
JYNNEOS SUBCUTANEOUS SUSPENSION 0.5 ML	1	
KINRIX INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 0.5 ML	1	
MENQUADFI INTRAMUSCULAR SOLUTION 0.5 ML	1	
MENVEO INTRAMUSCULAR SOLUTION	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MENVEO INTRAMUSCULAR SOLUTION RECONSTITUTED	1	
M-M-R II INJECTION SOLUTION RECONSTITUTED	1	
MRESVIA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 50 MCG/0.5ML	1	
PEDIARIX INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE	1	
PEDVAX HIB INTRAMUSCULAR SUSPENSION 7.5 MCG/0.5ML	1	
PENBRAYA INTRAMUSCULAR SUSPENSION RECONSTITUTED	1	
PENMENVY INTRAMUSCULAR SUSPENSION RECONSTITUTED	1	
PENTACEL INTRAMUSCULAR SUSPENSION RECONSTITUTED	1	
PRIORIX SUBCUTANEOUS SUSPENSION RECONSTITUTED	1	
PROQUAD SUBCUTANEOUS SUSPENSION RECONSTITUTED	1	
QUADRACEL INTRAMUSCULAR SUSPENSION	1	
QUADRACEL INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 0.5 ML	1	
RABAVERT INTRAMUSCULAR SUSPENSION RECONSTITUTED	1	B/D
RECOMBIVAX HB INJECTION SUSPENSION 10 MCG/ML, 40 MCG/ML, 5 MCG/0.5ML	1	B/D
RECOMBIVAX HB INJECTION SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 10 MCG/ML, 5 MCG/0.5ML	1	B/D
ROTARIX ORAL SUSPENSION	1	
ROTATEQ ORAL SOLUTION	1	
SHINGRIX INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 50 MCG/0.5ML	1	QL (2 ML per 999 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SHINGRIX INTRAMUSCULAR SUSPENSION RECONSTITUTED 50 MCG/0.5ML	1	QL (2 EA per 999 days)
TENIVAC INTRAMUSCULAR INJECTABLE 5-2 LFU (INJECTION)	1	B/D
TENIVAC INTRAMUSCULAR SUSPENSION 5-2 LF/0.5ML	1	B/D
TICOVAC INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 1.2 MCG/0.25ML, 2.4 MCG/0.5ML	1	
TRUMENBA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 0.5 ML	1	
TWINRIX INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 720-20 ELU-MCG/ML	1	
TYPHIM VI INTRAMUSCULAR SOLUTION 25 MCG/0.5ML	1	
TYPHIM VI INTRAMUSCULAR SOLUTION PREFILLED SYRINGE 25 MCG/0.5ML	1	
VAQTA INTRAMUSCULAR SUSPENSION 25 UNIT/0.5ML, 25 UNIT/0.5ML 0.5 ML, 50 UNIT/ML, 50 UNIT/ML 1 ML	1	
VAQTA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	1	
VARIVAX INJECTION SUSPENSION RECONSTITUTED 1350 PFU/0.5ML	1	
VAXCHORA ORAL SUSPENSION RECONSTITUTED	1	
VIMKUNYA INTRAMUSCULAR SUSPENSION PREFILLED SYRINGE 40 MCG/0.8ML	1	
VIVOTIF ORAL CAPSULE DELAYED RELEASE	1	
YF-VAX SUBCUTANEOUS INJECTABLE (2.5 ML IN 1 VIAL, MULTI-DOSE)	1	
YF-VAX SUBCUTANEOUS SUSPENSION RECONSTITUTED	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Inflammatory Bowel Disease Agents - Treatment Of Ulcerative Colitis Or Crohn's Disease		
Aminosalicylates		
balsalazide disodium oral capsule 750 mg	1	
mesalamine er oral capsule extended release 24 hour 0.375 gm	1	
mesalamine oral capsule delayed release 400 mg	1	
mesalamine oral tablet delayed release 1.2 gm	1	
mesalamine rectal enema 4 gm	1	
mesalamine rectal suppository 1000 mg	1	
sulfasalazine oral tablet 500 mg	1	
sulfasalazine oral tablet delayed release 500 mg	1	
Glucocorticoids		
budesonide er oral tablet extended release 24 hour 9 mg	1	
budesonide oral capsule delayed release particles 3 mg	1	
dexamethasone intensol oral concentrate 1 mg/ml	1	
dexamethasone oral elixir 0.5 mg/5ml	1	
dexamethasone sodium phosphate injection solution 120 mg/30ml, 20 mg/5ml, 4 mg/ml	1	
hydrocortisone rectal enema 100 mg/60ml	1	
methylprednisolone acetate injection suspension 40 mg/ml, 80 mg/ml	1	
prednisolone sodium phosphate oral solution 15 mg/5ml	1	
prednisone intensol oral concentrate 5 mg/ml	1	
prednisone oral solution 5 mg/5ml	1	
prednisone oral tablet 1 mg, 10 mg, 2.5 mg, 20 mg, 5 mg, 50 mg	1	
prednisone oral tablet therapy pack 10 mg (21), 10 mg (48), 5 mg (21), 5 mg (48)	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Metabolic Bone Disease Agents - Treatment Of Bone Diseases Including Osteoporosis		
Metabolic Bone Disease Agents		
alendronate sodium oral tablet 10 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
alendronate sodium oral tablet 35 mg, 70 mg	1	QL (4 EA per 28 days)
BONSITY SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 560 MCG/2.24ML	1	PA
calcitonin (salmon) nasal solution 200 unit/act	1	
calcitriol oral capsule 0.25 mcg, 0.5 mcg	1	
calcitriol oral solution 1 mcg/ml	1	
cinacalcet hcl oral tablet 30 mg, 60 mg	1	QL (60 EA per 30 days)
cinacalcet hcl oral tablet 90 mg	1	QL (120 EA per 30 days)
doxercalciferol oral capsule 0.5 mcg, 1 mcg, 2.5 mcg	1	
ibandronate sodium oral tablet 150 mg	1	
JUBBONTI SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 60 MG/ML	1	
OSENVELT SUBCUTANEOUS SOLUTION 120 MG/1.7ML	1	
paricalcitol oral capsule 1 mcg, 2 mcg, 4 mcg	1	
risedronate sodium oral tablet 150 mg, 30 mg, 35 mg, 35 mg (12 pack), 35 mg (4 pack), 5 mg	1	
STOBOCLO SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 60 MG/ML	1	
teriparatide subcutaneous solution pen-injector 560 mcg/2.24ml	1	PA
TYMLOS SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 3120 MCG/1.56ML	1	PA
WYOST SUBCUTANEOUS SOLUTION 120 MG/1.7ML	1	
YORVIPATH SUBCUTANEOUS SOLUTION PEN-INJECTOR 168 MCG/0.56ML, 294 MCG/0.98ML, 420 MCG/1.4ML	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Ophthalmic Agents - Treatment Of Eye Conditions		
Ophthalmic Agents, Other		
atropine sulfate ophthalmic solution 1 %	1	
brimonidine tartrate-timolol ophthalmic solution 0.2-0.5 %	1	
cyclosporine ophthalmic emulsion 0.05 %	1	QL (60 EA per 30 days)
CYSTARAN OPHTHALMIC SOLUTION 0.44 %	1	PA
dorzolamide hcl-timolol mal ophthalmic solution 2-0.5 %	1	
dorzolamide hcl-timolol mal pf ophthalmic solution 2-0.5 %	1	ST
neomycin-polymyxin-dexameth ophthalmic ointment 3.5-10000-0.1	1	
neomycin-polymyxin-dexameth ophthalmic suspension 0.1 %, 3.5-10000-0.1	1	
neomycin-polymyxin-gramicidin ophthalmic solution 1.75-10000-.025	1	
OXERVATE OPHTHALMIC SOLUTION 0.002 %	1	PA
sulfacetamide-prednisolone ophthalmic solution 10-0.23 %	1	
TEPEZZA INTRAVENOUS SOLUTION RECONSTITUTED 500 MG	1	PA
tobramycin-dexamethasone ophthalmic suspension 0.3-0.1 %	1	
XDEMVY OPHTHALMIC SOLUTION 0.25 %	1	PA
Ophthalmic Anti-Allergy Agents		
azelastine hcl ophthalmic solution 0.05 %	1	
cromolyn sodium ophthalmic solution 4 %	1	
Ophthalmic Anti-Infectives		
bacitracin ophthalmic ointment 500 unit/gm	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
bacitracin-polymyxin b ophthalmic ointment 500-10000 unit/gm	1	
ciprofloxacin hcl ophthalmic solution 0.3 %	1	
erythromycin ophthalmic ointment 5 mg/gm	1	
gentamicin sulfate ophthalmic solution 0.3 %	1	
moxifloxacin hcl ophthalmic solution 0.5 %	1	
NATACYN OPHTHALMIC SUSPENSION 5 %	1	
ofloxacin ophthalmic solution 0.3 %	1	
polymyxin b-trimethoprim ophthalmic solution 10000-0.1 unit/ml-%	1	
sulfacetamide sodium ophthalmic solution 10 %	1	
tobramycin ophthalmic solution 0.3 %	1	
Ophthalmic Anti-Inflammatories		
dexamethasone sodium phosphate ophthalmic solution 0.1 %	1	
diclofenac sodium ophthalmic solution 0.1 %	1	
difluprednate ophthalmic emulsion 0.05 %	1	
fluorometholone ophthalmic suspension 0.1 %	1	
flurbiprofen sodium ophthalmic solution 0.03 %	1	
ketorolac tromethamine ophthalmic solution 0.4 %, 0.5 %	1	
prednisolone acetate ophthalmic suspension 1 %	1	
prednisolone sodium phosphate ophthalmic solution 1 %	1	
Ophthalmic Beta-Adrenergic Blocking Agents		
carteolol hcl ophthalmic solution 1 %	1	
levobunolol hcl ophthalmic solution 0.5 %	1	
timolol maleate ophthalmic solution 0.25 %, 0.5 %	1	
Ophthalmic Intraocular Pressure Lowering Agents, Other		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
acetazolamide er oral capsule extended release 12 hour 500 mg	1	
brimonidine tartrate ophthalmic solution 0.1 %, 0.2 %	1	
brinzolamide ophthalmic suspension 1 %	1	ST
dorzolamide hcl ophthalmic solution 2 %	1	
methazolamide oral tablet 25 mg, 50 mg	1	
pilocarpine hcl ophthalmic solution 1 %, 1.25 %, 2 %, 4 %	1	
RHOPRESSA OPHTHALMIC SOLUTION 0.02 %	1	ST
ROCKLATAN OPHTHALMIC SOLUTION 0.02-0.005 %	1	ST
SIMBRINZA OPHTHALMIC SUSPENSION 1-0.2 %	1	
Ophthalmic Prostaglandin And Prostamide Analogs		
latanoprost ophthalmic solution 0.005 %	1	
LUMIGAN OPHTHALMIC SOLUTION 0.01 %	1	
travoprost (bak free) ophthalmic solution 0.004 %	1	
Otic Agents - Treatment Of Ear Conditions		
Otic Agents		
acetic acid otic solution 2 %	1	
hydrocortisone-acetic acid otic solution 1-2 %	1	
neomycin-polymyxin-hc otic solution 1 %, 3.5-10000-1	1	
neomycin-polymyxin-hc otic suspension 3.5-10000-1	1	
ofloxacin otic solution 0.3 %	1	
Respiratory Tract/ Pulmonary Agents - Treatment Of Breathing Conditions		
Antihistamines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
azelastine hcl nasal solution 0.1 %, 137 mcg/spray	1	
cetirizine hcl oral solution 1 mg/ml, 5 mg/5ml	1	
clemastine fumarate oral tablet 2.68 mg	1	
cyproheptadine hcl oral syrup 2 mg/5ml	1	PA
cyproheptadine hcl oral tablet 4 mg	1	PA
hydroxyzine hcl oral syrup 10 mg/5ml	1	PA
hydroxyzine hcl oral tablet 10 mg, 25 mg, 50 mg	1	PA
levocetirizine dihydrochloride oral solution 2.5 mg/5ml	1	
levocetirizine dihydrochloride oral tablet 5 mg	1	
promethazine hcl oral solution 6.25 mg/5ml	1	PA
Anti-Inflammatories, Inhaled Corticosteroids		
ARNUITY ELLIPTA INHALATION AEROSOL POWDER BREATH ACTIVATED 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT, 50 MCG/ACT	1	
budesonide inhalation suspension 0.25 mg/2ml, 0.5 mg/2ml	1	B/D; QL (120 ML per 30 days)
budesonide inhalation suspension 1 mg/2ml	1	B/D; QL (60 ML per 30 days)
flunisolide nasal solution 25 mcg/act (0.025%)	1	
fluticasone propionate diskus inhalation aerosol powder breath activated 100 mcg/act, 250 mcg/act, 50 mcg/act	1	
fluticasone propionate hfa inhalation aerosol 110 mcg/act	1	QL (12 GM per 30 days)
fluticasone propionate hfa inhalation aerosol 220 mcg/act	1	QL (24 GM per 30 days)
fluticasone propionate hfa inhalation aerosol 44 mcg/act	1	QL (10.6 GM per 30 days)
fluticasone propionate nasal suspension 50 mcg/act	1	QL (16 GM per 30 days)
mometasone furoate nasal suspension 50 mcg/act	1	
Bronchodilators, Anticholinergic		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ATROVENT HFA INHALATION AEROSOL SOLUTION 17 MCG/ACT	1	
INCRUSE ELLIPTA INHALATION AEROSOL POWDER BREATH ACTIVATED 62.5 MCG/ACT	1	QL (30 EA per 30 days)
ipratropium bromide inhalation solution 0.02 %	1	B/D
ipratropium bromide nasal solution 0.03 %, 0.06 %	1	
SPIRIVA RESPIMAT INHALATION AEROSOL SOLUTION 1.25 MCG/ACT, 2.5 MCG/ACT	1	QL (4 GM per 30 days)
tiotropium bromide inhalation capsule 18 mcg	1	QL (90 EA per 90 days)
Bronchodilators, Sympathomimetic		
albuterol sulfate hfa inhalation aerosol solution 108 (90 base) mcg/act, 108 (90 base) mcg/act (nda020503), 108 (90 base) mcg/act (nda020983)	1	QL (36 GM per 30 days)
albuterol sulfate inhalation nebulization solution (2.5 mg/3ml) 0.083%, (5 mg/ml) 0.5%, 0.63 mg/3ml, 1.25 mg/3ml, 2.5 mg/0.5ml	1	B/D
albuterol sulfate oral syrup 2 mg/5ml	1	
albuterol sulfate oral tablet 2 mg, 4 mg	1	
epinephrine injection solution auto-injector 0.15 mg/0.15ml, 0.15 mg/0.3ml, 0.3 mg/0.3ml	1	QL (2 EA per 30 days)
formoterol fumarate inhalation nebulization solution 20 mcg/2ml	1	B/D
levalbuterol hcl inhalation nebulization solution 0.31 mg/3ml, 0.63 mg/3ml, 1.25 mg/3ml	1	B/D
SEREVENT DISKUS INHALATION AEROSOL POWDER BREATH ACTIVATED 50 MCG/ACT	1	QL (60 EA per 30 days)
terbutaline sulfate oral tablet 2.5 mg, 5 mg	1	
VENTOLIN HFA INHALATION AEROSOL SOLUTION 108 (90 BASE) MCG/ACT	1	QL (36 GM per 30 days)
Cystic Fibrosis Agents		
ALYFTREK ORAL TABLET 10-50-125 MG	1	PA; QL (56 EA per 28 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALYFTREK ORAL TABLET 4-20-50 MG	1	PA; QL (84 EA per 28 days)
CAYSTON INHALATION SOLUTION RECONSTITUTED 75 MG	1	PA
KALYDECO ORAL PACKET 13.4 MG, 25 MG, 5.8 MG, 50 MG, 75 MG	1	PA
KALYDECO ORAL TABLET 150 MG	1	PA
ORKAMBI ORAL PACKET 100-125 MG, 150-188 MG, 75-94 MG	1	PA
ORKAMBI ORAL TABLET 100-125 MG, 200-125 MG	1	PA
PULMOZYME INHALATION SOLUTION 2.5 MG/2.5ML	1	B/D
SYMDEKO ORAL TABLET THERAPY PACK 100-150 & 150 MG, 50-75 & 75 MG	1	PA
TOBI PODHALER INHALATION CAPSULE 28 MG	1	PA; QL (224 EA per 56 days)
tobramycin inhalation nebulization solution 300 mg/4ml	1	B/D
tobramycin inhalation nebulization solution 300 mg/5ml	1	B/D; QL (280 ML per 56 days)
TRIKAFTA ORAL TABLET THERAPY PACK 100-50-75 & 150 MG, 50-25-37.5 & 75 MG	1	PA
TRIKAFTA ORAL THERAPY PACK 100-50-75 & 75 MG, 80-40-60 & 59.5 MG	1	PA
Mast Cell Stabilizers		
cromolyn sodium inhalation nebulization solution 20 mg/2ml	1	B/D
cromolyn sodium oral concentrate 100 mg/5ml	1	
Phosphodiesterase Inhibitors, Airways Disease		
roflumilast oral tablet 250 mcg, 500 mcg	1	
theophylline er oral tablet extended release 12 hour 100 mg, 200 mg, 300 mg, 450 mg	1	
theophylline er oral tablet extended release 24 hour 400 mg, 600 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
theophylline oral solution 80 mg/15ml	1	
Pulmonary Antihypertensives		
ADEMPAS ORAL TABLET 0.5 MG, 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 2.5 MG	1	PA
ambrisentan oral tablet 10 mg, 5 mg	1	PA
bosentan oral tablet 125 mg, 62.5 mg	1	PA
OPSUMIT ORAL TABLET 10 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
sildenafil citrate oral suspension reconstituted 10 mg/ml	1	PA
sildenafil citrate oral tablet 20 mg	1	PA
tadalafil (pah) oral tablet 20 mg	1	PA
TADLIQ ORAL SUSPENSION 20 MG/5ML	1	PA
TYVASO DPI MAINTENANCE KIT INHALATION POWDER 112 X 32MCG & 112 X64MCG, 112 X 48MCG & 112 X64MCG, 16 MCG, 32 MCG, 48 MCG, 64 MCG, 80 MCG	1	PA
TYVASO DPI TITRATION KIT INHALATION POWDER 16 & 32 & 48 MCG	1	PA
UPTRAVI ORAL TABLET 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG, 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG	1	PA
UPTRAVI TITRATION ORAL TABLET THERAPY PACK 200 & 800 MCG	1	PA
WINREVAIR SUBCUTANEOUS KIT 2 X 45 MG, 2 X 60 MG, 45 MG, 60 MG	1	PA
YUTREPIA INHALATION CAPSULE 106 MCG, 26.5 MCG, 53 MCG, 79.5 MCG	1	PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV ORAL CAPSULE 100 MG, 150 MG	1	PA
pirfenidone oral capsule 267 mg	1	PA
pirfenidone oral tablet 267 mg, 534 mg, 801 mg	1	PA
Respiratory Tract Agents, Other		
acetylcysteine inhalation solution 10 %, 20 %	1	B/D

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADVAIR HFA INHALATION AEROSOL 115-21 MCG/ACT, 230-21 MCG/ACT, 45-21 MCG/ACT	1	QL (12 GM per 30 days)
ANORO ELLIPTA INHALATION AEROSOL POWDER BREATH ACTIVATED 62.5-25 MCG/ACT	1	QL (60 EA per 30 days)
BEVESPI AEROSPHERE INHALATION AEROSOL 9-4.8 MCG/ACT	1	
BREO ELLIPTA INHALATION AEROSOL POWDER BREATH ACTIVATED 100-25 MCG/ACT, 200-25 MCG/ACT, 50-25 MCG/INH	1	QL (60 EA per 30 days)
BREZTRI AEROSPHERE INHALATION AEROSOL 160-9-4.8 MCG/ACT	1	QL (10.7 GM per 30 days)
BRINSUPRI ORAL TABLET 10 MG, 25 MG	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
BUDESONIDE-FORMOTEROL FUMARATE INHALATION AEROSOL 160-4.5 MCG/ACT, 80-4.5 MCG/ACT	1	QL (10.2 GM per 30 days)
COMBIVENT RESPIMAT INHALATION AEROSOL SOLUTION 20-100 MCG/ACT	1	QL (8 GM per 30 days)
DUPIXENT SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 200 MG/1.14ML, 300 MG/2ML	1	PA
DUPIXENT SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 200 MG/1.14ML, 300 MG/2ML	1	PA
FASENRA PEN SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 30 MG/ML	1	PA
FASENRA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 10 MG/0.5ML, 30 MG/ML	1	PA
fluticasone-salmeterol inhalation aerosol powder breath activated 100-50 mcg/act, 113-14 mcg/act, 232-14 mcg/act, 250-50 mcg/act, 500-50 mcg/act, 55-14 mcg/act	1	QL (60 EA per 30 days)
ipratropium-albuterol inhalation solution 0.5-2.5 (3) mg/3ml	1	B/D
montelukast sodium oral packet 4 mg	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
montelukast sodium oral tablet 10 mg	1	
montelukast sodium oral tablet chewable 4 mg, 5 mg	1	
NUCALA SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 100 MG/ML	1	PA
NUCALA SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 100 MG/ML, 40 MG/0.4ML	1	PA
NUCALA SUBCUTANEOUS SOLUTION RECONSTITUTED 100 MG	1	PA
promethazine-phenylephrine oral syrup 6.25-5 mg/5ml	1	PA
STIOLTO RESPIMAT INHALATION AEROSOL SOLUTION 2.5-2.5 MCG/ACT	1	QL (4 GM per 30 days)
TRELEGY ELLIPTA INHALATION AEROSOL POWDER BREATH ACTIVATED 100-62.5-25 MCG/ACT, 200-62.5-25 MCG/ACT	1	QL (60 EA per 30 days)
wixela inhub inhalation aerosol powder breath activated 100-50 mcg/act, 250-50 mcg/act, 500-50 mcg/act	1	QL (60 EA per 30 days)
XOLAIR SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 150 MG/ML, 300 MG/2ML, 75 MG/0.5ML	1	PA
XOLAIR SUBCUTANEOUS SOLUTION PREFILLED SYRINGE 150 MG/ML, 300 MG/2ML, 75 MG/0.5ML	1	PA
XOLAIR SUBCUTANEOUS SOLUTION RECONSTITUTED 150 MG	1	PA
Skeletal Muscle Relaxants - Treatment Of Muscle Tightness		
Skeletal Muscle Relaxants		
carisoprodol oral tablet 250 mg, 350 mg	1	PA; QL (90 EA per 30 days)
chlorzoxazone oral tablet 500 mg	1	PA; QL (180 EA per 30 days)
cyclobenzaprine hcl oral tablet 10 mg, 5 mg	1	PA; QL (90 EA per 30 days)
metaxalone oral tablet 800 mg	1	PA; QL (120 EA per 30 days)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
methocarbamol oral tablet 500 mg, 750 mg	1	PA
orphenadrine citrate er oral tablet extended release 12 hour 100 mg	1	PA
Sleep Disorder Agents - Treatment Of Insomnia		
Sleep Promoting Agents		
doxepin hcl oral tablet 3 mg, 6 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
eszopiclone oral tablet 1 mg, 2 mg, 3 mg	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
HETLIOZ LQ ORAL SUSPENSION 4 MG/ML	1	PA
ramelteon oral tablet 8 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
tasimelteon oral capsule 20 mg	1	PA
temazepam oral capsule 15 mg, 22.5 mg, 30 mg, 7.5 mg	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
zaleplon oral capsule 10 mg	1	PA; QL (60 EA per 30 days)
zaleplon oral capsule 5 mg	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
ZEPBOUND SUBCUTANEOUS SOLUTION AUTO-INJECTOR 10 MG/0.5ML, 12.5 MG/0.5ML, 15 MG/0.5ML, 2.5 MG/0.5ML, 5 MG/0.5ML, 7.5 MG/0.5ML	1	PA; QL (2 ML per 28 days)
zolpidem tartrate er oral tablet extended release 12.5 mg, 6.25 mg	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
zolpidem tartrate oral tablet 10 mg	1	PA; QL (30 EA per 30 days)
zolpidem tartrate oral tablet 5 mg	1	QL (30 EA per 30 days)
Wakefulness Promoting Agents		
armodafinil oral tablet 150 mg, 200 mg, 250 mg, 50 mg	1	PA
modafinil oral tablet 100 mg, 200 mg	1	PA
sodium oxybate oral solution 500 mg/ml	1	PA; QL (540 ML per 30 days)
XYWAV ORAL SOLUTION 500 MG/ML	1	PA

D. Chỉ mục thuốc được bảo hiểm

Trong phần này, quý vị có thể tìm thuốc bằng cách tra tên theo thứ tự bảng chữ cái.
Thông tin này sẽ cho biết số trang nơi quý vị có thể xem thông tin chi tiết về phạm vi bảo hiểm của loại thuốc đó.

Index

A
abacavir sulfate 67
abacavir sulfate-lamivudine ... 67
abigale 111
abigale lo 111
ABILIFY ASIMTUFII 61
ABILIFY MAINTENA 61
abiraterone acetate 49
ABIRTEGA 49
ABRYSVO 127
acamprosate calcium 28
acarbose 71
acebutolol hcl 83
acetaminophen-codeine 27
acetazolamide 85
acetazolamide er 135
acetic acid 135
acetylcysteine 139
acitretin 96
ACTEMRA 121
ACTEMRA ACTPEN 121
ACTHIB 127
ACTIMMUNE 125
acyclovir 66, 100
acyclovir sodium 66
ADACEL 127
adalimumab-fkjp (2 pen) 125
adalimumab-fkjp (2 syringe) 125
adapalene 96
adapalene-benzoyl peroxide ... 96
adefovir dipivoxil 66
ADEMPAS 139
ADVAIR HFA 140
afirmelle 111
AIMOVIG 47
AKEEGA 50
albendazole 58
albuterol sulfate 137
albuterol sulfate hfa 137
alclometasone dipropionate ... 96
alcohol 99
ALECENSA 52
alendronate sodium 132
alfuzosin hcl er 107
aliskiren fumarate 85
allopurinol 47
alosetron hcl 104
alprazolam 70
alprazolam intensol 70
altavera 111
ALUNBRIG 52
alyacen 1/35 111
ALYFTREK 137, 138
amantadine hcl 59
ambrisentan 139
amikacin sulfate 29
amiloride hcl 88
amiloride-hydrochlorothiazide 85
amiodarone hcl 83
amitriptyline hcl 44
amlodipine besy-benazepril hcl 85
amlodipine besylate 84
amlodipine besylate-valsartan 85
amlodipine-atorvastatin 85
amlodipine-olmesartan 86
amlodipine-valsartan-hctz 86
ammonium lactate 96
amnesteem 96
amoxapine 44
amoxicillin 33
amoxicillin-pot clavulanate 33
amoxicillin-pot clavulanate er 33
amphetamine-dextroamphet er 90
amphetamine-dextroamphetamine 90
amphotericin b 45
amphotericin b liposome 45
ampicillin 33
ampicillin sodium 34
ampicillin-sulbactam sodium .. 34
anagrelide hcl 80
anastrozole 52
ANORO ELLIPTA 140
apomorphine hcl 59
aprepitant 45
apri 111
APTIVUS 69
AQNEURSA 92
ARALAST NP 106
aranelle 111
ARANESP (ALBUMIN FREE) 80
ARCALYST 121
AREXVY 127
ARIKAYCE 29
aripiprazole 61
ARISTADA 61
ARISTADA INITIO 61
armodafinil 142
ARNUITY ELLIPTA 136
asenapine maleate 61
ashlyna 111
aspirin-dipyridamole er 81
ASTAGRAF XL 125
atazanavir sulfate 69
atenolol 83
atenolol-chlorthalidone 86
atomoxetine hcl 91
atorvastatin calcium 88
atovaquone 58
atovaquone-proguanil hcl 58
atropine sulfate 133
ATROVENT HFA 137
aubra eq 111
AUGTYRO 52
aurovela 1.5/30 111
aurovela 1/20 111

aurovela 24 fe 111
aurovela fe 1.5/30 111
aurovela fe 1/20 111
AUSTEDO 92
AUSTEDO XR 92
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION 92
AUVELITY 41
aviane 111
AVMAPKI FAKZYNJA CO-PACK 50
ayuna 111
AYVAKIT 52
azathioprine 125
azelastine hcl 133, 136
azithromycin 35
aztreonam 30
azurette 111
B
bac (butalbital-acetamin-caff) 25
bacitracin 133
bacitracin-polymyxin b 134
baclofen 65
BAFIERTAM 93
balsalazide disodium 131
BALVERSA 52
balziva 111
BAQSIMI ONE PACK 74
BAQSIMI TWO PACK 74
BARACLUDE 66
BCG VACCINE 127
benazepril hcl 82
benazepril-hydrochlorothiazide 86
BENLYSTA 121
benzoyl peroxide-erythromycin 96
benztropine mesylate 58
BESREMI 50
betaine 106
betamethasone dipropionate .. 97
betamethasone dipropionate aug 96
betamethasone valerate 97
BETASERON 93
betaxolol hcl 83
bethanechol chloride 108
BEVESPI AEROSPHERE ... 140
bexarotene 57
BEXSERO 127
BEYFORTUS 127
bicalutamide 49
BICILLIN L-A 34
BIKTARVY 68
bisoprolol fumarate 83
bisoprolol-hydrochlorothiazide 86
blisovi 24 fe 111
blisovi fe 1.5/30 111
blisovi fe 1/20 111
BONSITY 132
BOOSTRIX 127
bosentan 139
BOSULIF 52
BRAFTOVI 52
BREO ELLIPTA 140
BREZTRI AEROSPHERE ... 140
briellyn 111
BRILINTA 81
brimonidine tartrate 135
brimonidine tartrate-timolol . 133
BRINSUPRI 140
brinzolamide 135
BRIVIACT 37
bromocriptine mesylate 59
BRUKINSA 52
budesonide 131, 136
budesonide er 131
BUDESONIDE-FORMOTEROL FUMARATE 140
bumetanide 88
buprenorphine 26
buprenorphine hcl 28
buprenorphine hcl-naloxone hcl 28
bupropion hcl 42
bupropion hcl er (smoking det) 29
bupropion hcl er (sr) 41
bupropion hcl er (xl) 41
buspirone hcl 70
butalbital-acetaminophen 25
butalbital-apap-caff-cod 25
butalbital-apap-caffeine 25
butalbital-asa-caff-codeine 25
butalbital-aspirin-caffeine 25
butorphanol tartrate 27
C
cabergoline 118
CABOMETYX 52
calcipotriene 99
calcitonin (salmon) 132
calcitriol 99, 132
calcium acetate (phos binder) 102
CALQUENCE 52
camila 116
CAMZYOS 86
candesartan cilexetil 82
candesartan cilexetil-hctz 86
CAPLYTA 61
CAPRELSA 52
captopril 82
carbamazepine 40
carbamazepine er 40
carbidopa 59
carbidopa-levodopa 60
carbidopa-levodopa er 59
carbidopa-levodopa-entacapone 59
carglumic acid 100
carisoprodol 141
carteolol hcl 134
cartia xt 85

carvedilol 84
caspofungin acetate 45
CAYSTON 138
cefaclor 31
cefaclor er 31
cefadroxil 31, 32
cefazolin sodium 32
cefdinir 32
cefepime hcl 32
cefepime-dextrose 32
cefixime 32
cefoxitin sodium 32
cefpodoxime proxetil 32
cefprozil 32
ceftazidime 32
ceftriaxone sodium 32, 33
ceftriaxone sodium in dextrose 32
ceftriaxone sodium-dextrose .. 33
cefuroxime axetil 33
cefuroxime sodium 33
celecoxib 25
cephalexin 33
CERDELGA 106
cetirizine hcl 136
cevimeline hcl 95
charlotte 24 fe 111
chateal eq 111
chlorhexidine gluconate 95
chloroquine phosphate 58
chlorpromazine hcl 44
chlorthalidone 88
chlorzoxazone 141
CHOLBAM 106
cholestyramine 89
cholestyramine light 89
CIBINQO 121
ciclopirox 100
ciclopirox olamine 100
cilostazol 81
CIMDUO 67
cimetidine 105
CIMZIA 125
CIMZIA (1 SYRINGE) 125
CIMZIA (2 SYRINGE) 125
CIMZIA-STARTER 125
cinacalcet hcl 132
CINRYZE 120
ciprofloxacin hcl 35, 134
ciprofloxacin in d5w 35
citalopram hydrobromide 42
cladribine (10 tabs) 93
cladribine (4 tabs) 93
cladribine (5 tabs) 93
cladribine (6 tabs) 93
cladribine (7 tabs) 93
cladribine (8 tabs) 93
cladribine (9 tabs) 93
claravis 96
clarithromycin 35
clarithromycin er 35
clemastine fumarate 136
clindamycin hcl 30
clindamycin palmitate hcl 30
clindamycin phos (once-daily) 100
clindamycin phos (twice-daily) 100
clindamycin phos-benzoyl perox 96
clindamycin phosphate ... 30, 100
clindamycin phosphate in d5w 30
clindamycin phosphate in nacl 30
clinisol sf 102
clobazam 38
clobetasol prop emollient base 97
clobetasol propionate 97
clobetasol propionate e 97
clomipramine hcl 44
clonazepam 70, 71
clonidine 81
clonidine hcl 81
clonidine hcl er 91
clopidogrel bisulfate 81
clorazepate dipotassium 71
clotrimazole 45
clotrimazole-betamethasone ... 99
clozapine 65
COARTEM 58
COBENFY 92
COBENFY STARTER PACK 92
colchicine 47
colchicine-probenecid 47
colesevelam hcl 89
colestipol hcl 89
colistimethate sodium (cba) 30
COMBIPATCH 111
COMBIVENT RESPIMAT .. 140
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) 53
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) 53
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) 53
constulose 103
COPIKTRA 53
CORLANOR 86
CORTROPHIN 108
CORTROPHIN GEL 108
COSENTYX 121, 122
COSENTYX (300 MG DOSE) 121
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) 121
COSENTYX SENSOREADY PEN 121
COSENTYX UNOREADY . 122
COTELLIC 53
CREON 106
CRESEMBA 45
cromolyn sodium 133, 138
cryselle 111
cryselle-28 112

If you have questions, please call Alameda Alliance Wellness at **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**), seven (7) days a week, 8 am – 8 pm. The call is free. **For more information**, visit **www.alamedaalliance.org/alliancewellness**.

This Drug List was updated on 2/18/26.
H2035_25_02553_D-SNP_MBR LOCD CY26_C Approved 08/18/2025

CUVRIOR 101
cyclobenzaprine hcl 141
cyclophosphamide 49
cyclosporine 125, 133
cyclosporine modified 125
cyproheptadine hcl 136
cyred eq 112
CYSTAGON 106
CYSTARAN 133
D
dabigatran etexilate mesylate . 79
dalfampridine er 93
danazol 110
dantrolene sodium 65
DANZITEN 50
dapagliflozin propanediol 71
dapsone 48
DAPTACEL 128
daptomycin 30
darifenacin hydrobromide er 107
darunavir 69
dasatinib 53
dasetta 1/35 (28) 112
dasetta 7/7/7 112
DAURISMO 53
daysee 112
deblitane 117
deferasirox 101, 102
deferasirox granules 101
deferiprone 102
DELSTRIGO 68
DEPO-PROVERA 112
DEPO-SUBQ PROVERA 104 117
DESCOVY 68
desipramine hcl 44
desmopressin ace spray refrig 109
desmopressin acetate 109
desmopressin acetate spray .. 109
desonide 97
desoximetasone 97
desvenlafaxine succinate er 42
dexamethasone 108, 131
dexamethasone intensol 131
dexamethasone sodium phosphate 131, 134
dexmethylphenidate hcl 91
dexmethylphenidate hcl er 91
dextroamphetamine sulfate 91
dextroamphetamine sulfate er 90, 91
dextrose 102
dextrose-sodium chloride 102
DIACOMIT 37
diazepam 38, 71
diazepam intensol 71
diazoxide 74
diclofenac epolamine 25
diclofenac potassium 25
diclofenac sodium 25, 134
diclofenac sodium er 25
dicloxacillin sodium 34
dicyclomine hcl 104
DIFICID 35
diflunisal 26
difluprednate 134
digoxin 86
dihydroergotamine mesylate .. 47
DILANTIN 40
diltiazem hcl 85
diltiazem hcl er 85
diltiazem hcl er beads 85
diltiazem hcl er coated beads . 85
dilt-xr 85
dimethyl fumarate 94
dimethyl fumarate starter pack 94
diphenoxylate-atropine 104
dipyridamole 81
disopyramide phosphate 83
disulfiram 28
divalproex sodium 37
divalproex sodium er 37
dofetilide 83
donepezil hcl 41
DOPTELET 81
DOPTELET SPRINKLE 81
dorzolamide hcl 135
dorzolamide hcl-timolol mal . 133
dorzolamide hcl-timolol mal pf 133
DOVATO 68
doxazosin mesylate 82
doxepin hcl 44, 97, 142
doxercalciferol 132
doxy 100 36
doxycycline hyclate 36
doxycycline monohydrate 36
DRIZALMA SPRINKLE 93
dronabinol 45
drospirenone-ethinyl estradiol 112
DROXIA 50
droxidopa 82
DUAVEE 117
duloxetine hcl 93
DUPIXENT 140
dutasteride 108
E
econazole nitrate 45
EDURANT 67
EDURANT PED 67
efavirenz 67
efavirenz-emtricitab-tenofo df 68
efavirenz-lamivudine-tenofovir 68
EGRIFTA SV 109
EGRIFTA WR 109
ELIGARD 118
elinest 112
ELIQUIS 79
ELIQUIS (1.5 MG PACK) 79
ELIQUIS (2 MG PACK) 79
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK 79

ELMIRON 108
eltrombopag olamine 80
eluryng 112
EMEND 45
EMGALITY 47
EMGALITY (300 MG DOSE) 47
EMSAM 42
emtricitabine 68
emtricitabine-tenofovir df 68
emtricitab-rilpivir-tenofov df .. 68
EMTRIVA 68
emzahh 112
enalapril maleate 82
enalapril-hydrochlorothiazide 86
ENBREL 125
ENBREL MINI 125
ENBREL SURECLICK 126
endocet 27
ENFLONSIA 128
ENGERIX-B 128
enilloring 112
enoxaparin sodium 79
ENSACOVE 53
enskyce 112
entacapone 59
entecavir 66
ENTRESTO 86
ENTYVIO PEN 122
enulose 103
ENVARSUS XR 126
EPIDIOLEX 37
epinephrine 137
eplerenone 88
EPOGEN 80
EQUETRO 71
ergotamine-caffeine 47
ERIVEDGE 53
ERLEADA 49
erlotinib hcl 53
errin 117
ertapenem sodium 34
ERVEBO 128
ery 100
ERYTHROCIN LACTOBIONATE 35
erythromycin 100, 134
erythromycin base 35
erythromycin ethylsuccinate ... 35
ERZOFRI 61, 62
escitalopram oxalate 42
eslicarbazepine acetate 40
esomeprazole magnesium 105
estarylla 112
estradiol 110
estradiol valerate 110
estradiol-norethindrone acet 112
eszopiclone 142
ethambutol hcl 48
ethosuximide 38
etodolac 26
etodolac er 26
etonogestrel-ethinyl estradiol 112
etravirine 67
EUCRISA 97
EULEXIN 49
everolimus 53, 126
EVOTAZ 68
EVRYSDI 92
exemestane 52
EXXUA 42
EXXUA TITRATION PACK 42
ezetimibe 89
ezetimibe-simvastatin 89
F
FABHALTA 122
falmina 112
famciclovir 66
famotidine 105
FANAPT 62
FANAPT TITRATION PACK A 62
FANAPT TITRATION PACK B 62
FANAPT TITRATION PACK C 62
FARXIGA 71
FASENRA 140
FASENRA PEN 140
febuxostat 47
felbamate 37
felodipine er 84
fenofibrate 88
fenofibrate micronized 88
fenofibric acid 88
fentanyl 26
fesoterodine fumarate er 107
FETZIMA 43
FETZIMA TITRATION 43
FIASP 74
FIASP FLEXTOUCH 74
FIASP PENFILL 75
fidaxomicin 35
FILSPARI 108
finasteride 108
fingolimod hcl 94
FINTEPLA 37
finzala 112
FIRDAPSE 92
FIRMAGON 119
FIRMAGON (240 MG DOSE) 118
flavoxate hcl 107
flecainide acetate 83
fluconazole 46
fluconazole in sodium chloride 46
flucytosine 46
fludrocortisone acetate 108
flunisolide 136
fluocinolone acetonide 97
fluocinonide 97, 98
fluocinonide emulsified base .. 97
fluorometholone 134

fluorouracil 99
fluoxetine hcl 43
fluphenazine decanoate 60
fluphenazine hcl 60
flurbiprofen 26
flurbiprofen sodium 134
fluticasone propionate 98, 136
fluticasone propionate diskus 136
fluticasone propionate hfa 136
fluticasone-salmeterol 140
fluvoxamine maleate 43
fondaparinux sodium 79
formoterol fumarate 137
fosamprenavir calcium 69
fosfomycin tromethamine 30
fosinopril sodium 82
fosinopril sodium-hctz 86
FOTIVDA 53
FRUZAQLA 53
FULPHILA 80
furosemide 88
fyavolv 112
FYCOMPA 37
FYLNETRA 80
G
gabapentin 39
GALAFOLD 106
galantamine hydrobromide 41
galantamine hydrobromide er 41
GAMMAGARD 120
GAMMAGARD ERC 120
GAMMAGARD S/D LESS IGA 120
GAMMAKED 120
GAMMAPLEX 121
GAMUNEX-C 121
GARDASIL 9 128
GATTEX 104
gauze 75
gavilyte-c 103
gavilyte-g 103
gavilyte-n with flavor pack ... 103
GAVRETO 53
gefitinib 53
gemfibrozil 88
GEMTESA 107
generlac 103
gengraf 126
GENOTROPIN 109
GENOTROPIN MINIQUICK 109
gentamicin in saline 29
gentamicin sulfate ... 30, 100, 134
GENVOYA 68
GILOTRIF 53
GLASSIA 106
glatiramer acetate 94
glatopa 94
glimepiride 71
glipizide 72
glipizide er 72
glipizide-metformin hcl 72
glucagon emergency 74
glyburide 72
glyburide micronized 72
glyburide-metformin 72
glycerol phenylbutyrate 106
glycopyrrolate 104
GLYXAMBI 72
GOCOVRI 59
GOMEKLI 50
granisetron hcl 45
griseofulvin microsize 46
guanfacine hcl 82
guanfacine hcl er 91
H
HAEGARDA 120
hailey 1.5/30 112
hailey 24 fe 112
hailey fe 1.5/30 112
hailey fe 1/20 112
halobetasol propionate 98
haloette 112
haloperidol 60
haloperidol decanoate 60
haloperidol lactate 60
HAVRIX 128
heather 112
heparin sodium (porcine) 79
heparin sodium (porcine) pf ... 79
HEPLISAV-B 128
HERNEXEOS 53
HETLIOZ LQ 142
HIBERIX 128
HUMALOG 75
HUMALOG JUNIOR KWIKPEN 75
HUMALOG KWIKPEN 75
HUMALOG MIX 50/50 KWIKPEN 75
HUMALOG MIX 75/25 75
HUMALOG MIX 75/25 KWIKPEN 75
HUMULIN 70/30 75
HUMULIN 70/30 KWIKPEN 75
HUMULIN N 75
HUMULIN N KWIKPEN 75
HUMULIN R 75
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) 75
HUMULIN R U-500 KWIKPEN 76
hydralazine hcl 89
hydrochlorothiazide 88
hydrocodone-acetaminophen .27
hydrocodone-ibuprofen 27
hydrocortisone 98, 108, 131
hydrocortisone (perianal) 98
hydrocortisone butyrate 98
hydrocortisone valerate 98
hydrocortisone-acetic acid ... 135
hydromorphone hcl 27
hydromorphone hcl pf 27
hydroxychloroquine sulfate 58
hydroxyurea 50

If you have questions, please call Alameda Alliance Wellness at **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**), seven (7) days a week, 8 am – 8 pm. The call is free. **For more information**, visit **www.alamedaalliance.org/alliancewellness**.

This Drug List was updated on 2/18/26.
H2035_25_02553_D-SNP_MBR LOCD CY26_C Approved 08/18/2025

hydroxyzine hcl 136
hydroxyzine pamoate 70
HYFTOR 98
HYRNUO 53
I
ibandronate sodium 132
IBRANCE 53
IBTROZI 53
ibu 26
ibuprofen 26
icatibant acetate 120
iclevia 112
ICLUSIG 53
icosapent ethyl 89
IDHIFA 50
ILARIS 122
ILUMYA 122
imatinib mesylate 53
IMBRUVICA 54
imipenem-cilastatin 35
imipramine hcl 44
imipramine pamoate 44
imiquimod 99
IMKELDI 54
IMOVAX RABIES 128
IMPAVIDO 58
IMULDOSA 122
incassia 117
INCRELEX 109
INCRUSE ELLIPTA 137
indapamide 88
indomethacin 26
indomethacin er 26
INFANRIX 128
INGREZZA 92
INLURIYO 50
INLYTA 54
INQOVI 50
INREBIC 54
insulin asp prot & asp flexpen 76
INSULIN ASPART 76
INSULIN ASPART FLEXPEN 76
insulin aspart prot & aspart ... 76
INSULIN LISPRO 76
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) 76
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN 76
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO 76
insulin syringe 76
INTELENCE 67
INTRALIPID 102
introvale 112
INVEGA HAFYERA 62
INVEGA SUSTENNA 62
INVEGA TRINZA 63
IPOL 128
ipratropium bromide 137
ipratropium-albuterol 140
irbesartan 82
irbesartan-hydrochlorothiazide 86
ISENTRESS 67
ISENTRESS HD 67
isibloom 113
ISOLYTE-P IN D5W 102
ISOLYTE-S 100
ISOLYTE-S PH 7.4 100
isoniazid 48
isosorb dinitrate-hydralazine . 89
isosorbide dinitrate 90
isosorbide mononitrate 90
isosorbide mononitrate er 90
isotretinoin 96
isradipine 84
ITOVEBI 54
itraconazole 46
ivabradine hcl 86
ivermectin 58
IWILFIN 50
IXIARO 128
J
jaimiess 113
JAKAFI 54
jantoven 79
JANUMET 72
JANUMET XR 72
JANUVIA 72
JARDIANCE 72
jasmiel 113
JAYPIRCA 54
jencycla 113
JENTADUETO 72
JENTADUETO XR 72, 73
jinteli 113
jolessa 113
JUBBONTI 132
juleber 113
JULUCA 68
junel 1.5/30 113
junel 1/20 113
junel fe 1.5/30 113
junel fe 1/20 113
junel fe 24 113
JYLAMVO 50
JYNNEOS 128
K
KALETRA 69
kalliga 113
KALYDECO 138
kariva 113
kcl in dextrose-nacl 101
kelnor 1/35 113
KERENDIA 86
KESIMPTA 94
ketoconazole 46
ketorolac tromethamine .. 26, 134
KEVZARA 122
KINERET 122
KINRIX 128
KISQALI (200 MG DOSE) 54
KISQALI (400 MG DOSE) 54
KISQALI (600 MG DOSE) 54

If you have questions, please call Alameda Alliance Wellness at **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**), seven (7) days a week, 8 am – 8 pm. The call is free. **For more information**, visit **www.alamedaalliance.org/alliancewellness**.

This Drug List was updated on 2/18/26.
H2035_25_02553_D-SNP_MBR LOCD CY26_C Approved 08/18/2025

KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) 50
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) 51
klayesta 46
KLOR-CON 101
KLOR-CON 10 101
klor-con m10 101
klor-con m15 101
klor-con m20 101
KLOXXADO 29
KOMZIFTI 51
KOSELUGO 54
KRAZATI 51
kurvelo 113
KYLEENA 113
L
labetalol hcl 84
lacosamide 40
lactulose 103
lactulose encephalopathy 103
lamivudine 66
lamivudine-zidovudine 68
lamotrigine 37
lamotrigine er 37
lamotrigine starter kit-blue 37
lamotrigine starter kit-green 37
lamotrigine starter kit-orange 37
lansoprazole 105
lanthanum carbonate 102
LANTUS 76
LANTUS SOLOSTAR 76
lapatinib ditosylate 54
larin 1.5/30 113
larin 1/20 113
larin 24 fe 113
larin fe 1.5/30 113
larin fe 1/20 113
latanoprost 135
LAZCLUZE 51
lederle leucovorin 57
leflunomide 126
lenalidomide 49
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) 54
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) 54
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) 54
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) 54
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) 54
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) 55
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) 55
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) 55
LEQEMBI IQLIK 93
LEQSELVI 122
lessina 113
letrozole 52
leucovorin calcium 57
LEUKERAN 49
LEUKINE 80
leuprolide acetate 119
leuprolide acetate (3 month) 119
levalbuterol hcl 137
levetiracetam 37, 38
levetiracetam er 37
levobunolol hcl 134
levocarnitine 102
levocarnitine sf 102
levocetirizine dihydrochloride 136
levofloxacin 36
levofloxacin in d5w 36
levonest 113
levonorgest-eth estrad 91-day 113
levonorgestrel-ethinyl estrad 113
levonorg-eth estrad triphasic 113
levora 0.15/30 (28) 113
LEVO-T 118
levothyroxine sodium 118
LEVOXYL 118
l-glutamine 106
lidocaine 28
lidocaine hcl 28
lidocaine viscous hcl 28
lidocaine-prilocaine 28
LILETTA (52 MG) 114
linezolid 30
LINZESS 103
liothyronine sodium 118
liraglutide 73
lisinopril 82
lisinopril-hydrochlorothiazide 86
LITFULO 122
lithium 71
lithium carbonate 71
lithium carbonate er 71
LIVMARLI 104
LIVTENCITY 65
LODOCO 86
lofexidine hcl 28
lojaimiess 114
LOKELMA 103
lomustine 49
LONSURF 51
loperamide hcl 104
lopinavir-ritonavir 69
lorazepam 71
lorazepam intensol 71
LORBRENA 55
loryna 114
losartan potassium 82
losartan potassium-hctz 87
lovastatin 88
low-ogestrel 114
loxapine succinate 60
lo-zumandimine 114
lubiprostone 103
luizza 1.5/30 114
luizza 1/20 114

LUMAKRAS 51
LUMIGAN 135
LUPKYNIS 126
LUPRON DEPOT (1-MONTH) 119
LUPRON DEPOT (3-MONTH) 119
LUPRON DEPOT (4-MONTH) 119
LUPRON DEPOT (6-MONTH) 119
lurasidone hcl 63
lutera 114
LUTRATE DEPOT 119
LYBALVI 63
lyleq 114
LYNPARZA 55
LYSODREN 51
LYTGOBI (12 MG DAILY DOSE) 55
LYTGOBI (16 MG DAILY DOSE) 55
LYTGOBI (20 MG DAILY DOSE) 55
lyza 117
M
magnesium sulfate 101
malathion 99
maraviroc 68
marlissa 114
MARPLAN 42
MATULANE 49
MAVENCLAD (10 TABS) ...94
MAVENCLAD (4 TABS) 94
MAVENCLAD (5 TABS) 94
MAVENCLAD (6 TABS) 94
MAVENCLAD (7 TABS) 94
MAVENCLAD (8 TABS) 94
MAVENCLAD (9 TABS) 94
MAVYRET 66
MAYZENT 94
MAYZENT STARTER PACK 94
meclizine hcl 44
meclofenamate sodium 26
medroxyprogesterone acetate 117
mefloquine hcl 58
megestrol acetate 117
MEKINIST 55
MEKTOVI 55
meleya 117
meloxicam 26
memantine hcl 41
memantine hcl er 41
memantine hcl-donepezil hcl er 41
MENQUADFI 128
MENVEO 128, 129
mercaptopurine 50
meropenem 35
meropenem-sodium chloride ..35
mesalamine 131
mesalamine er 131
mesna 57
metaxalone 141
metformin hcl 73
metformin hcl er 73
methadone hcl 26, 27
methazolamide 135
methenamine hippurate 30
methimazole 120
methocarbamol 142
methotrexate sodium 126
methotrexate sodium (pf) 126
methoxsalen rapid 99
methsuximide 38
methylphenidate hcl 92
methylphenidate hcl er 91, 92
methylphenidate hcl er (cd) 91
methylphenidate hcl er (la) 91
methylphenidate hcl er (osm) .91
methylphenidate hcl er (xr) 91
methylprednisolone 108
methylprednisolone acetate ..131
methyltestosterone 110
metoclopramide hcl 44
metolazone 88
metoprolol succinate er 84
metoprolol tartrate 84
metoprolol-hydrochlorothiazide 87
metronidazole 30, 31, 100
metyrosine 87
mexiletine hcl 83
mibelas 24 fe 114
micafungin sodium 46
microgestin 1.5/30 114
microgestin 1/20 114
microgestin fe 1.5/30 114
microgestin fe 1/20 114
midazolam 39
midodrine hcl 82
mifepristone 74
miglustat 106
mili 114
mimvey 114
minocycline hcl 36
minoxidil 89
MIRENA (52 MG) 114
mirtazapine 42
misoprostol 105
M-M-R II 129
modafinil 142
MODEYSO 51
moexipril hcl 82
molindone hcl 60
mometasone furoate 98, 136
mono-linyah 114
montelukast sodium 140, 141
morphine sulfate 27
morphine sulfate (concentrate) 27
morphine sulfate er 27
MOUNJARO 73

If you have questions, please call Alameda Alliance Wellness at **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**), seven (7) days a week, 8 am – 8 pm. The call is free. **For more information**, visit **www.alamedaalliance.org/alliancewellness**.

This Drug List was updated on 2/18/26.
H2035_25_02553_D-SNP_MBR LOCD CY26_C Approved 08/18/2025

MOVANTIK 103
moxifloxacin hcl 36, 134
moxifloxacin hcl in nacl 36
MRESVIA 129
MULTAQ 83
mupirocin 100
mycophenolate mofetil 126
mycophenolate sodium 126
MYFEMBREE 119
MYRBETRIQ 107
N
nabumetone 26
nadolol 84
nafcillin sodium 34
nalbuphine hcl 25
naloxone hcl 29
naltrexone hcl 29
NAMZARIC 41
naproxen 26
naproxen dr 26
naproxen sodium 26
naratriptan hcl 48
NATACYN 134
nateglinide 73
NAYZILAM 39
nebivolol hcl 84
necon 0.5/35 (28) 114
nefazodone hcl 43
neomycin sulfate 30
neomycin-polymyxin-dexameth 133
neomycin-polymyxin-gramicidin 133
neomycin-polymyxin-hc 135
NERLYNX 55
NEULASTA 80
NEULASTA ONPRO 80
NEUPRO 59
nevirapine 67
nevirapine er 67
NEXLETOL 87
NEXLIZET 87
NEXPLANON 114
NGENLA 109
niacin er (antihyperlipidemic) 89
NICOTROL NS 29
nifedipine 84
nifedipine er 84
nifedipine er osmotic release .. 84
nikki 114
nilotinib d-tartrate 55
nilotinib hcl 55
nilutamide 49
nimodipine 84
NINLARO 51
nitazoxanide 58
nitisinone 106
NITRO-BID 90
NITRO-DUR 90
nitrofurantoin macrocrystal ... 31
nitrofurantoin monohyd macro 31
nitroglycerin 90
nora-be 117
norelgestromin-eth estradiol 114
norethin ace-eth estrad-fe 114
norethindrone 117
norethindrone acetate 117
norethindrone acet-ethinyl est 114
norethindrone-eth estradiol .. 115
norgestimate-eth estradiol 115
norgestim-eth estrad triphasic 115
norlyroc 117
NORPACE CR 83
nortrel 0.5/35 (28) 115
nortrel 1/35 (21) 115
nortrel 1/35 (28) 115
nortrel 7/7/7 115
nortriptyline hcl 44
NORVIR 69
NOVOLIN 70/30 77
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN . 77
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN RELION 77
NOVOLIN 70/30 RELION 77
NOVOLIN N 77
NOVOLIN N FLEXPEN 77
NOVOLIN N FLEXPEN RELION 77
NOVOLIN N RELION 77
NOVOLIN R 77
NOVOLIN R FLEXPEN 77
NOVOLIN R FLEXPEN RELION 77
NOVOLIN R RELION 77
NOVOLOG 78
NOVOLOG 70/30 FLEXPEN RELION 77
NOVOLOG FLEXPEN 77
NOVOLOG FLEXPEN RELION 77
NOVOLOG MIX 70/30 78
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN 78
NOVOLOG MIX 70/30 RELION 78
NOVOLOG PENFILL 78
NOVOLOG RELION 78
NUBEQA 49
NUCALA 141
NUEDEXTA 93
NUPLAZID 63
NURTEC 47
NUTRILIPID 102
nyamyc 46
nylia 1/35 115
nylia 7/7/7 115
nystatin 46
nystatin-triamcinolone 99
nystop 46
O
OCTAGAM 121
octreotide acetate 119
ODEFSEY 68

If you have questions, please call Alameda Alliance Wellness at **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**), seven (7) days a week, 8 am – 8 pm. The call is free. **For more information**, visit **www.alamedaalliance.org/alliancewellness**.

This Drug List was updated on 2/18/26.
H2035_25_02553_D-SNP_MBR LOCD CY26_C Approved 08/18/2025

ODOMZO 55
OFEV 139
ofloxacin 36, 134, 135
OGSIVEO 55
OJEMDA 55
OJJAARA 51
olanzapine 63
olmesartan medoxomil 82
olmesartan medoxomil-hctz 87
olmesartan-amlodipine-hctz 87
omega-3-acid ethyl esters 89
omeprazole 105
OMNIPOD 5 DEXG7G6 INTRO GEN 5 78
OMNIPOD 5 DEXG7G6 PODS GEN 5 78
OMNIPOD 5 G7 INTRO (GEN 5) 78
OMNIPOD 5 G7 PODS (GEN 5) 78
OMNIPOD 5 LIBRE2 G6 INTRO GEN5 78
OMNIPOD 5 LIBRE2 PLUS G6 PODS 78
OMNIPOD DASH INTRO (GEN 4) 78
OMNIPOD DASH PODS (GEN 4) 78
OMNITROPE 109
ondansetron 45
ondansetron hcl 45
ONGENTYS 59
ONUREG 50
OPIPZA 63
OPSUMIT 139
OPVEE 29
ORENCIA 122, 123
ORENCIA CLICKJECT 122
ORFADIN 106
ORGOVYX 119
ORIAHNN 119
ORILISSA 119
ORKAMBI 138
ORLADEYO 120
orphenadrine citrate er 142
orquidea 117
ORSERDU 51
oseltamivir phosphate 70
OSENVELT 132
OTEZLA 99
OTEZLA XR 99
OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK 99
oxacillin sodium in dextrose 34
oxcarbazepine 40
oxcarbazepine er 40
OXERVATE 133
oxybutynin chloride 107
oxybutynin chloride er 107
oxycodone hcl 27
oxycodone-acetaminophen 27
OXYCONTIN 27
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) 73
OZEMPIC (1 MG/DOSE) 73
OZEMPIC (2 MG/DOSE) 73
P
paliperidone er 63
PANRETIN 57
pantoprazole sodium 105
paricalcitol 132
paroxetine hcl 43
paroxetine hcl er 43
PAXLOVID (150/100) 70
paxlovid (300/100 & 150/100) 70
PAXLOVID (300/100) 70
pazopanib hcl 55
PEDIARIX 129
PEDVAX HIB 129
peg 3350-kcl-na bicarb-nacl 103
peg-3350/electrolytes 104
PEGASYS 125
PEMAZYRE 55
pen needles 78
PENBRAYA 129
penciclovir 100
penicillamine 102
penicillin g pot in dextrose 34
penicillin g sodium 34
penicillin v potassium 34
PENMENVY 129
PENTACEL 129
pentamidine isethionate 58
pentazocine-naloxone hcl 28
pentoxifylline er 87
perampanel 38
perindopril erbumine 83
permethrin 100
perphenazine 44
perphenazine-amitriptyline 42
PERSERIS 63
phenelzine sulfate 42
phenobarbital 39
phenoxybenzamine hcl 82
PHENYTEK 40
phenytoin 40
phenytoin infatabs 40
phenytoin sodium extended 40
philith 115
PIFELTRO 67
pilocarpine hcl 95, 135
pimecrolimus 98
pimozide 60
pimtrea 115
pindolol 84
pioglitazone hcl 73
pioglitazone hcl-metformin hcl 73
piperacillin sod-tazobactam so 34
piperacillin-tazobactam-nacl 34
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) 55
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) 56

If you have questions, please call Alameda Alliance Wellness at **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**), seven (7) days a week, 8 am – 8 pm. The call is free. **For more information**, visit **www.alamedaalliance.org/alliancewellness**.

This Drug List was updated on 2/18/26.
H2035_25_02553_D-SNP_MBR LOCD CY26_C Approved 08/18/2025

PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) 56
pirfenidone 139
piroxicam 26
plenamine 102
pnv 27-ca/fe/fa 102
podofilox 99
polymyxin b sulfate 31
polymyxin b-trimethoprim 134
POMALYST 49
PONVORY 95
PONVORY STARTER PACK 95
portia-28 115
posaconazole 46
potassium chloride 101
potassium chloride crys er ... 101
potassium chloride er 101
potassium citrate er 101
pramipexole dihydrochloride . 59
pramipexole dihydrochloride er 59
prasugrel hcl 81
pravastatin sodium 88
praziquantel 58
prazosin hcl 82
prednisolone 108
prednisolone acetate 134
prednisolone sodium phosphate 108, 131, 134
prednisone 131
prednisone intensol 131
pregabalin 39
PREMARIN 110
PREMPHASE 115
PREMPRO 115
prenatal 102
pretomanid 48
prevalite 89
PREVYMIS 65, 66
PREZCOBIX 68
PREZISTA 69
PRIFTIN 49
primaquine phosphate 58
PRIMAXIN IV 31
primidone 39
PRIORIX 129
PRIVIGEN 121
probenecid 47
prochlorperazine 44
prochlorperazine maleate 44
PROCRIT 80
progesterone 117
PROGRAF 126
PROLASTIN-C 106
promethazine hcl 45, 136
promethazine-phenylephrine 141
promethegan 45
propafenone hcl 83
propranolol hcl 84
propranolol hcl er 84
propylthiouracil 120
PROQUAD 129
protriptyline hcl 44
PULMOZYME 138
pyrazinamide 49
pyridostigmine bromide 48
pyridostigmine bromide er 48
pyrimethamine 58
PYRUKYND 81
PYRUKYND TAPER PACK 81
Q
QINLOCK 56
QUADRACEL 129
quetiapine fumarate 64
quetiapine fumarate er 63, 64
quinapril hcl 83
quinapril-hydrochlorothiazide 87
quinidine gluconate er 83
quinidine sulfate 83
quinine sulfate 58
QULIPTA 48
R
RABAVERT 129
RADICAVA ORS 93
RADICAVA ORS STARTER KIT 93
RALDESY 43
raloxifene hcl 117
ramelteon 142
ramipril 83
ranolazine er 87
rasagiline mesylate 60
REBIF 95
REBIF REBIDOSE 95
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK 95
REBIF TITRATION PACK ... 95
reclipsen 115
RECOMBIVAX HB 129
RECORLEV 119
RELENZA DISKHALER 70
RELISTOR 104
repaglinide 73
REPATHA 89
REPATHA SURECLICK 89
RETACRIT 81
RETEVMO 56
REVCOVI 106
REVLIMID 49
REVUFORJ 51
REXTOVY 29
REXULTI 64
REYATAZ 69
REZDIFFRA 118
REZLIDHIA 51
REZUROCK 126
RHOPRESSA 135
ribavirin 66
rifabutin 48
rifampin 49
riluzole 93
rimantadine hcl 70
risedronate sodium 132
risperidone 64
risperidone microspheres er ... 64

If you have questions, please call Alameda Alliance Wellness at **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**), seven (7) days a week, 8 am – 8 pm. The call is free. **For more information**, visit **www.alamedaalliance.org/alliancewellness**.

This Drug List was updated on 2/18/26.
H2035_25_02553_D-SNP_MBR LOCD CY26_C Approved 08/18/2025

ritonavir 69
rivastigmine 41
rivastigmine tartrate 41
rizatriptan benzoate 48
ROCKLATAN 135
roflumilast 138
ROMVIMZA 51
ropinirole hcl 59
ropinirole hcl er 59
rosuvastatin calcium 89
ROTARIX 129
ROTATEQ 129
ROZLYTREK 56
RUBRACA 56
rufinamide 40
RUKOBIA 68
RYBELSUS 73
RYDAPT 56
RYKINDO 64
RYLAZE 51
S
SANTYL 99
sapropterin dihydrochloride 106
SAVELLA 93
SAVELLA TITRATION PACK 93
SCEMBLIX 56
scopolamine 45
SECUADO 64
SELARSDI 123
selegiline hcl 60
selenium sulfide 98
SELZENTRY 68
SEREVENT DISKUS 137
SEROSTIM 109
sertraline hcl 43
setlakin 115
sevelamer carbonate 102, 103
sharobel 117
SHINGRIX 129, 130
SIGNIFOR 119
SIKLOS 50
sildenafil citrate 139
SILIQ 123
silver sulfadiazine 99
SIMBRINZA 135
SIMLANDI (1 PEN) 126
SIMLANDI (1 SYRINGE) .. 126
SIMLANDI (2 PEN) 126
SIMLANDI (2 SYRINGE) . 126, 127
simliya 115
simpesse 115
SIMPONI 127
simvastatin 89
sirolimus 127
SIRTURO 49
SKYLA 115
SKYTROFA 109
sodium chloride 99, 101
sodium chloride (pf) 101
sodium fluoride 101
sodium oxybate 142
sodium phenylbutyrate 106
sodium polystyrene sulfonate 103
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR 66
solifenacin succinate 107
SOLIQUA 78
SOLTAMOX 50
SOMAVERT 119
sorafenib tosylate 56
sotalol hcl 83
sotalol hcl (af) 83
SOTYKTU 123
SPIRIVA RESPIMAT 137
spironolactone 88
spironolactone-hctz 87
sprintec 28 115
SPRITAM 38
sps (sodium polystyrene sulf) 103
sronyx 115
STELARA 123
STEQEYMA 123
STIOLTO RESPIMAT 141
STIVARGA 56
STOBOCLO 132
streptomycin sulfate 30
STRIBILD 69
SUCRAID 106
sucralfate 105
sulfacetamide sodium 134
sulfacetamide sodium (acne) .. 36
sulfacetamide-prednisolone .. 133
sulfadiazine 36
sulfamethoxazole-trimethoprim 31, 36
sulfasalazine 131
sulindac 26
sumatriptan 48
sumatriptan succinate 48
sunitinib malate 56
SUNLENCA 69
syeda 115
SYMDEKO 138
SYMLINPEN 120 73
SYMLINPEN 60 73
SYMPAZAN 39
SYMTUZA 69
SYNAREL 119
SYNJARDY 74
SYNJARDY XR 74
SYNTHROID 118
T
TABLOID 50
TABRECTA 56
tacrolimus 98, 127
tadalafil 108
tadalafil (pah) 139
TADLIQ 139
TAFINLAR 56
TAGRISSO 56
TALTZ 123
TALZENNA 56
tamoxifen citrate 50
tamsulosin hcl 108

tarina 24 fe 115
tarina fe 1/20 eq 115
TARPEYO 120
TASCENSO ODT 95
tasimelteon 142
TAVNEOS 81
tazarotene 96
TAZICEF 33
TAZVERIK 56
TEFLARO 33
telmisartan 82
telmisartan-hctz 87
temazepam 142
TENIVAC 130
tenofovir disoproxil fumarate . 66
TEPEZZA 133
TEPMETKO 56
terazosin hcl 82
terbinafine hcl 46
terbutaline sulfate 137
terconazole 46
teriflunomide 95
teriparatide 132
testosterone 110
testosterone cypionate 110
testosterone enanthate 110
tetrabenazine 93
tetracycline hcl 36
THALOMID 50
theophylline 139
theophylline er 138
thioridazine hcl 60
thiothixene 60
tiagabine hcl 39
TIBSOVO 51
ticagrelor 81
TICOVAC 130
tigecycline 31
tilia fe 115
timolol maleate 84, 134
tinidazole 31
tiopronin 108
tiotropium bromide 137
TIVICAY 67
TIVICAY PD 67
tizanidine hcl 65
TOBI PODHALER 138
tobramycin 134, 138
tobramycin sulfate 30
tobramycin-dexamethasone .. 133
tolterodine tartrate 107
tolterodine tartrate er 107
tolvaptan 102
tolvaptan (hyponatremia) 102
topiramate 38
toremifene citrate 50
torsemide 88
TOUJEO MAX SOLOSTAR . 78
TOUJEO SOLOSTAR 78
TRADJENTA 74
tramadol hcl 28
tramadol-acetaminophen 28
trandolapril 83
tranexamic acid 81
tranylcypromine sulfate 42
travoprost (bak free) 135
trazodone hcl 43
TRELEGY ELLIPTA 141
TRELSTAR MIXJECT 120
TREMFYA 124
TREMFYA ONE-PRESS 123
TREMFYA PEN 124
TREMFYA-CD/UC INDUCTION 124
tretinoin 57, 96
triamcinolone acetonide ... 95, 98
triamcinolone in absorbase 98
triamterene-hctz 87
trientine hcl 102
tri-estarylla 115
trifluoperazine hcl 61
trifluridine 66
trihexyphenidyl hcl 58
TRIJARDY XR 74
TRIKAFTA 138
tri-legest fe 116
tri-linyah 116
tri-lo-estarylla 116
tri-lo-marzia 116
tri-lo-mili 116
tri-lo-sprintec 116
trimethobenzamide hcl 45
trimethoprim 31
tri-mili 116
trimipramine maleate 44
trinatal rx 1 103
TRINTELLIX 43
tri-sprintec 116
TRIUMEQ 69
TRIUMEQ PD 69
tri-vylibra 116
tri-vylibra lo 116
trospium chloride 107
trospium chloride er 107
TRULANCE 104
TRULICITY 74
TRUMENBA 130
TRUQAP 56
TUKYSA 56
TURALIO 56
turqoz 116
TWINRIX 130
TYBOST 69
TYMLOS 132
TYPHIM VI 130
TYVASO DPI MAINTENANCE KIT 139
TYVASO DPI TITRATION KIT 139
U
UBRELVY 47
UNITHROID 118
UPTRAVI 139
UPTRAVI TITRATION 139
ursodiol 104
ustekinumab 124

If you have questions, please call Alameda Alliance Wellness at **1.888.88A.DSNP** (**1.888.882.3767**) (TTY: **1.800.735.2929**), seven (7) days a week, 8 am – 8 pm. The call is free. **For more information**, visit **www.alamedaalliance.org/alliancewellness**.

This Drug List was updated on 2/18/26.
H2035_25_02553_D-SNP_MBR LOCD CY26_C Approved 08/18/2025

ustekinumab-aekn 124
UZEDY 64, 65
V
valacyclovir hcl 66
VALCHLOR 49
valganciclovir hcl 66
valproic acid 38
valsartan 82
valsartan-hydrochlorothiazide 87
VALTOCO 10 MG DOSE 39
VALTOCO 15 MG DOSE 39
VALTOCO 20 MG DOSE 39
VALTOCO 5 MG DOSE 39
vancomycin hcl 31
vancomycin hcl in nacl 31
VANFLYTA 56
VAQTA 130
varenicline tartrate 29
varenicline tartrate (starter) .. 29
varenicline tartrate(continue) 29
VARIVAX 130
VAXCHORA 130
velivet 116
VELTASSA 103
VEMLIDY 66
VENCLEXTA 57
VENCLEXTA STARTING PACK 57
venlafaxine hcl 43
venlafaxine hcl er 43
VENTOLIN HFA 137
VEOZAH 93
verapamil hcl 85
verapamil hcl er 85
VERQUVO 87
VERSACLOZ 65
VERZENIO 57
vestura 116
vienva 116
vigabatrin 39
VIGAFYDE 39
VIJOICE 57
vilazodone hcl 43
VIMKUNYA 130
viorele 116
VIRACEPT 70
VIREAD 66
VITRAKVI 57
VIVITROL 28
VIVOTIF 130
VIZIMPRO 57
volnea 116
VONJO 57
VOQUEZNA 105
VOQUEZNA DUAL PAK ... 104
VOQUEZNA TRIPLE PAK 105
VORANIGO 51
voriconazole 46, 47
VOSEVI 66
VOWST 105
VRAYLAR 65
vyfemla 116
vylibra 116
W
warfarin sodium 79
WEGOVY 87
WELIREG 51
wera 116
WINREVAIR 139
wixela inhub 141
wymzya fe 116
WYOST 132
X
XALKORI 57
XARELTO 79
XARELTO STARTER PACK 80
XATMEP 51
XCOPRI 38
XCOPRI (250 MG DAILY DOSE) 38
XCOPRI (350 MG DAILY DOSE) 38
XDEMVY 133
XELJANZ 124
XELJANZ XR 124
XERMELO 104
XIFAXAN 104
XIGDUO XR 74
XOLAIR 141
XOLREMDI 81
XOSPATA 57
XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) 51
XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) 51
XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) 51
XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) 52
XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) 52
XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) 52
XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) 52
XROMI 50
XTANDI 49
xulane 116
XYWAV 142
Y
YESINTEK 124
YF-VAX 130
YONSA 49
YORVIPATH 132
YUTREPIA 139
yuvafem 110
Z
zafemy 116
zaleplon 142
ZARXIO 81
ZAVZPRET 47
ZEJULA 57
ZELBORAF 57
ZEMAIRA 106

zenatane 96
ZENPEP 107
ZEPBOUND 142
ZEPOSIA 95
ZEPOSIA 7-DAY STARTER PACK 95
ZEPOSIA STARTER KIT 95
zidovudine 68
ZILBRYSQ 124
ziprasidone hcl 65
ziprasidone mesylate 65
ZITHROMAX 35
ZOLINZA 52
zolmitriptan 48
zolpidem tartrate 142
zolpidem tartrate er 142
ZONISADE 40
zonisamide 40
ZOSYN 31
zovia 1/35 (28) 116
ZTALMY 39
ZTLIDO 28
zumandimine 116
ZURNAI 29
ZURZUVAE 42
ZYDELIG 57
ZYKADIA 57